



THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỈNH QUẢNG TRỊ



ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

KỶ NIỆM 60 NĂM NGÀY THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO VIỆT NAM - LÀO (5/9/1962 - 5/9/2022)

NGHIÊN CỨU THỰC TẾ VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

8/2022



Hội thảo khoa học cấp trường với chủ đề “Đồng chí Lê Duẩn Người con ưu tú của quê hương Quảng Trị, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam” nhân kỷ niệm 115 năm ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn. Ảnh: TL



Đồng chí Hồ Đại Nam, UVBTVTU, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và ThS. Nguyễn Hữu Thánh, BTĐU-Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn, Trưởng Ban Tổ chức Hội thi tặng hoa và cờ các đơn vị tham gia. Ảnh: TL

8.2022

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

KỶ NIỆM 60 NĂM NGÀY THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO VIỆT NAM - LÀO (5/9/1962 - 5/9/2022)

NGHIÊN CỨU THỰC TẾ VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

CHIỤ TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Hiệu trưởng

BAN BIÊN TẬP
TRƯỞNG BAN
ThS. Nguyễn Hữu Thánh
PHÓ TRƯỞNG BAN
TS. Dương Hương Sơn

ỦY VIÊN
ThS. Hoàng Tiến Dũng
ThS. Ngô Thị Thu Hà
ThS. Trần Hoàng
ThS. Nguyễn Thị Hồng Sâm
ThS. Nguyễn Quốc Thanh

THƯ KÝ
ThS. Trần Hữu Hòa

Ảnh bìa 1: "Thí sinh và đại biểu chụp ảnh lưu niệm tại Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp tỉnh năm 2022. Ảnh: Nguyễn Chung. In 200 cuốn, khổ 19 x 26,5cm tại Công ty TNHH Song Lam. 47 Lê Thế Hiếu, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Giấy phép xuất bản số: 04/GP-STTTT do Sở TT&TT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 19/7/2022. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2022.

MỤC LỤC

Trang

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Ngô Thị Thu Hà

Công tác tập huấn, nâng cao nhận thức chính trị và trách nhiệm của đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Quảng Trị trong đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng 03

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Trần Hoàng

Triển khai thực hiện một số môn học trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị và những vấn đề đặt ra 08

Hoàng Tiến Dũng

Tìm hiểu tư duy bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 12

Nguyễn Quốc Thanh

Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã miền núi tỉnh Quảng Trị 15

Lê Thị Thu Huyền

Nhận thức mới về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và liên hệ vào giảng dạy môn đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam 19

Trần Hữu Hoà

Nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên ở tỉnh Quảng Trị 22

Cao Thị Hà

Luật Biên phòng Việt Nam - Công cụ pháp lý góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, quản lý, bảo vệ khu vực biên giới 24

Hoàng Văn Cường

Một số giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Ban Nữ công quần chúng doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn hiện nay 30

Trần Thanh Thủy

Vận dụng quan điểm mới về đối ngoại của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy bài 9 môn đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam 34

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Nguyễn Thị Như Quỳnh Vận dụng những điểm mới trong nội dung kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII vào giảng dạy triết học ở trường chính trị	37
Trần Văn Toàn Vận dụng các điểm mới về xây dựng đội ngũ cán bộ của Đại hội XIII vào giảng dạy môn học Xây dựng Đảng trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị	40
Hoàng Thị Thu Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị cho Thanh niên	44
Phạm Thị Như Quỳnh Phát huy tính tích cực của học viên trong học tập lý luận chính trị	48
Nguyễn Hải Lý Một số điểm mới về đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng	51
Lê Thị Thanh Nhạn Phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần nghị quyết Đại hội XIII của Đảng	55
Lê Thị Huyền Cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, thực trạng và giải pháp	58
Phạm Xuân Ngọc Cập nhật một số điểm mới về xây dựng Đảng, trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy phần xây dựng đảng trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị	63

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

Nguyễn Sung Quảng Trị tập trung triển khai và thực hiện ba nội dung trọng tâm Nghị quyết 76/CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030	66
Trần Đức Dương 15 năm đào tạo cán bộ cho Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ở Trường Chính trị Lê Duẩn - Yếu tố góp phần củng cố mối quan hệ Việt Nam - Lào	70
Lê Thị Tường Anh Một số kết quả đạt được và vấn đề đặt ra từ khai thác tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông - Tây	74
Nguyễn Thị Chính Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo ở huyện Gio Linh trong tình hình mới	78
Nguyễn Thị Mỹ Vân Nâng cao phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên công đoàn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	82
Dương Thị Châu Phụng Tổ chức tọa đàm khoa học - một phương thức lan tỏa góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Trường Chính trị Lê Duẩn	86
Nguyễn Thị Diệu Hằng Những kết quả đạt được của xã Lia sau 2 năm sát nhập và những vấn đề đặt ra	89

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Trần Hữu Hòa Trường Chính trị Lê Duẩn bảo vệ đề cương đề tài khoa học cấp tỉnh: Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các xã, thị trấn biên giới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	93
Hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 115 năm ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn	93
Toạ Đàm Khoa học “Đảng bộ Hải Lăng với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”	94
Hội nghị trực tuyến Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đảng Nhân dân cách mạng Lào của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	95
Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp tỉnh năm 2022	95
Hội thảo khoa học “Vận dụng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu ở Trường Chính trị Lê Duẩn”	96

CÔNG TÁC TẬP HUẤN, NÂNG CAO Ý THỨC CHÍNH TRỊ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH QUẢNG TRỊ TRONG ĐẤU TRANH PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

ThS. Ngô Thị Thu Hà
Phó Hiệu trưởng

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ với sự phát triển internet, mạng xã hội, thế giới dường như thu nhỏ lại, đường biên giới quốc gia mờ đi, quốc gia bị chi phối nhiều hơn với những sự kiện xảy ra bên ngoài. Tình hình thế giới cũng có những diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế bị ảnh hưởng do nhiều nguyên nhân như môi trường, dịch bệnh, chiến tranh, nhất là đại dịch Covid-19.

Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, việc tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó có vai trò quan trọng của giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nói chung và giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn Quảng Trị nói riêng. Vì thế, đội ngũ giảng viên của trường chính trị tỉnh, thành phố phải là những chiến sĩ tiên phong trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Giảng viên chính là người truyền lửa đến với học viên (những cán bộ chủ chốt ở các sở, ban ngành cấp tỉnh, huyện và cơ sở) là lực lượng nòng cốt để lãnh đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Với khuôn khổ của bài viết, tôi xin trao đổi về một số vấn đề sau:

1. Về công tác tập huấn

Công tác tập huấn là công tác huấn luyện, hướng dẫn nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Như vậy, đội ngũ giảng viên trường chính trị được tập huấn để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ trong việc phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch,

bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mặt khác, đội ngũ giảng viên được nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm của mỗi người trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm truyền bá hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm hướng tới việc xây dựng con người trong thời kỳ cách mạng mới với những phẩm chất và lý tưởng cao đẹp. Đồng thời, mỗi giảng viên có ý thức chính trị và trách nhiệm trong phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “*về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” (Nghị quyết số 35), Trường Chính trị Lê Duẩn đã ban hành Kế hoạch số 16-KH/TCTLD ngày 05/11/2019 “*về triển khai bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch*”. Trong đó, chú trọng công tác tập huấn, nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm của đội ngũ giảng viên nhằm phản bác quan điểm sai trái thù địch. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 35 do đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn làm Trưởng Ban, giao Khoa Lý luận cơ sở làm lực lượng nòng cốt để thực hiện kế hoạch với những nội dung cụ thể.

Thứ nhất, Nhà trường quán triệt nội dung Nghị quyết số 35 đến tất cả cán bộ, viên chức, nhất là đội ngũ giảng viên. Việc quán triệt nghị quyết bằng nhiều hình thức, đồng chí Bí thư Đảng



Toạ đàm khoa học cấp trường “Đảng bộ Hải Lãng với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Ảnh: TL.

ủy báo cáo nội dung nghị quyết, mặt khác thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ thường kỳ, sinh hoạt chuyên đề tạo điều kiện để giảng viên, đảng viên trao đổi, thảo luận nội dung Nghị quyết số 35 ở nhiều góc độ khác nhau. Với những hình thức đa dạng, phù hợp nhằm giúp mỗi giảng viên nắm vững nội dung cơ bản của Nghị quyết số 35 của Bộ Chính trị, phải trả lời được ba câu hỏi: Vì sao phải bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng? Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là phải bảo vệ cái gì? Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải bảo vệ như thế nào? Song song với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần phải đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phân bác các quan điểm sai trái thù địch có mối quan hệ biện chứng với nhau, hỗ trợ nhau. Bởi vì, bảo vệ nền tảng tư tưởng đồng thời phải phân bác quan điểm sai trái; phân bác các quan điểm sai trái cũng nhằm để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong đó, bảo vệ là trọng tâm, phân bác là quan trọng nhằm khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa

chọn duy nhất đúng đắn để xây dựng đất nước Việt Nam phát triển phồn vinh, thịnh vượng.

Mỗi giảng viên xác định muốn thực hiện được nhiệm vụ quan trọng này, thì bản thân mình phải nghiên cứu, hiểu sâu những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Giảng viên “không chỉ nhớ và học thuộc lòng mà phải ngấm vào máu, vào tim, vào óc” như lời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng căn dặn. Như vậy, giảng viên không chỉ nắm vững nội dung của vấn đề mình cần trình bày, mà đã thấm sâu, nhuần nhuyễn và trở thành nội lực của bản thân.

Thứ hai, tập huấn đối với đội ngũ giảng viên về cách thức phân bác các quan điểm sai trái, thù địch trong quá trình giảng dạy.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần phân tích, so sánh, sử dụng linh hoạt các luận điểm, luận cứ, nhất là các luận chứng để phân bác quan điểm sai trái, thù địch chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong chương trình Trung cấp lý luận chính

trị, với những môn học: Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước và pháp luật, Xây dựng Đảng giảng viên phải tăng cường lòng ghêp việc phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Chẳng hạn khi giảng bài “Cải cách, đổi mới chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay”, giảng viên phải phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch phủ nhận thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới. Các thế lực thù địch tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc, trái với quan điểm, nghị quyết của Đảng, chúng cho rằng Việt Nam chỉ đổi mới kinh tế mà không hề đổi mới chính trị, vẫn giữ nguyên bộ máy lãnh đạo chuyên quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, không có dân chủ, quyền con người bị vi phạm. Đối với những luận điệu sai trái, vu khống như vậy, giảng viên phải nêu ra được luận điểm, luận chứng về tính khách quan của đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đổi mới ở Việt Nam do Đảng khởi xướng và lãnh đạo bắt đầu từ Đại hội VI năm 1986 là sự lựa chọn tất yếu nhằm đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội trầm trọng, là một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước. Giảng viên cần phân tích để làm rõ đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn đúng đắn và duy nhất của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và của dân tộc ta.

Giảng viên trong quá trình phân tích, lý giải vấn đề phải làm nổi bật được vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua hoạch định đường lối, chính sách độc lập, sáng tạo phù hợp với quy luật tạo nên những thành tựu to lớn đó. Giảng viên không chỉ đơn thuần phân tích luận điểm, cung cấp luận cứ, luận chứng mà còn khẳng định niềm tin, sự tự hào và tin yêu của mình đối với Đảng, những thành quả mà nhân dân ta đã giành được trong suốt 92 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thành quả 35 năm đổi mới được Đảng ta đánh giá: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất

nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về con đường đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới... Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Đồng thời, giảng viên phải phân tích để thấy được những thách thức mà Đảng, nhân dân ta phải đối mặt, phải giải quyết trong thời gian tới “*Dù đạt được những thành tựu rất quan trọng, rất đáng tự hào, nhưng đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế”*

Thứ ba, tập huấn cho đội ngũ giảng viên về cách thức phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong quá trình sử dụng mạng xã hội một cách hiệu quả.

Hiện nay, mạng xã hội trở nên phổ biến trong đời sống với nhiều trang mạng như Facebook, Zalo, Viber, Skype, Instagram, Youtube mà Việt Nam là nước có tỷ lệ người sử dụng mạng xã hội khá cao trong khu vực Đông Nam Á và thế giới. Mạng xã hội đem lại nhiều tiện ích và là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người, nhất là giới trẻ. Tuy nhiên, mạng xã hội cũng có nhiều mặt trái tác động đến đời sống tinh thần của con người. Chính vì vậy, giảng viên phải nhận diện được những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng.

2. Về nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong phản bác quan điểm sai trái thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Ý thức chính trị là hình thái ý thức chi xuất hiện và tồn tại trong các xã hội có giai cấp, có nhà nước, nó phản ánh các quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội giữa các giai cấp, các dân tộc, các quốc gia cũng như thái độ của các giai cấp đối với quyền lực nhà nước. Trong đó hệ tư tưởng chính trị là trung tâm, giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội thâm nhập vào các hình thái ý thức xã hội khác.

Tình hình thế giới đang diễn ra với những diễn biến phức tạp khó lường, các thế lực thù địch đang điên cuồng chống phá cách mạng, muốn xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vì vậy, khẳng định việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác lại những luận điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ rất quan trọng đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân, của cả hệ thống chính trị, liên quan đến sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa. Giảng viên trường chính trị phải nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm của mình đối với việc phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đội ngũ giảng viên là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng, văn hoá. Mỗi giảng viên phải giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định và tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Khi giảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có niềm tin mãnh liệt thì việc giảng dạy lý luận chính trị sẽ có chất lượng, hiệu quả hơn. Trong quá trình giảng bài, giảng viên thể hiện rõ tính khoa học, tính Đảng và tính chiến đấu sẽ giúp học viên một lần nữa hiểu rõ, nắm vững kiến thức lý luận chính trị và tiếp thêm niềm tin vững chắc vào Đảng, vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Giảng viên phải khẳng định và làm nổi bật được 35 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa lịch sử, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phấn đấu đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, có mức thu nhập cao.

Chính vì công tác tập huấn đối với đội ngũ giảng viên được thực hiện nghiêm túc, với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đặc thù của Nhà trường, đội ngũ giảng viên tự nhận thấy trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Trong thời gian

qua, Trường Chính trị Lê Duẩn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong quá trình giảng dạy trên lớp, giảng viên giao tiếp với học viên đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế của Học viện, quy định của Nhà trường nhằm hướng đến xây dựng trường học thân thiện, chất lượng cao.

Nhà trường xây dựng chuyên mục Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong Bản tin Thông tin Lý luận và Thực tiễn, Chuyên mục trên Website Trường Chính trị Lê Duẩn có địa chỉ tại: <http://truongleduanquangtri.org.vn> được đưa vào hoạt động từ năm 2009. Đến nay, đã có 24 bài viết được đăng trong chuyên mục này. Nhiều bài viết có số lượng bạn đọc truy cập cao như “Giới thiệu tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” có đến 5.000 lượt truy cập, “Giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch” với gần 1.500 lượt. Trong quá trình sử dụng các trang mạng xã hội, đội ngũ giảng viên thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy, của Nhà trường. Đến thời điểm này, không có giảng viên nào vi phạm.

3. Một số khó khăn, vướng mắc

Sự phát triển của khoa học công nghệ diễn ra nhanh chóng, các trang mạng xã hội nhiều làm cho người sử dụng khó theo kịp.

Mặc dù được tập huấn khá đầy đủ về công tác phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nhưng do các thế lực thù địch tiến hành nhiều âm mưu thủ đoạn thâm độc khác nhau, tinh vi, xảo quyệt nên dẫn đến những khó khăn đối với giảng viên trong quá trình phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giảng dạy cũng như quá trình sử dụng các trang mạng xã hội. Nếu giảng viên không có thông tin đầy đủ, cập nhật và tinh táo, cẩn trọng thì dễ phân tích sai, chệch hướng.

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng của giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn trong thời gian tới

Một là, tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII “*về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới*” và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, thường xuyên và lâu dài của trường chính trị.

Hai là, nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới. Đây là giải pháp cơ bản nhằm tạo ra những sự hiểu biết toàn diện và sâu sắc về nền tảng tư tưởng của Đảng, về mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái thù địch cho cán bộ, giảng viên và học viên. Giảng viên khi nhận thức được vị trí, vai trò của mình là giảng viên trường Đảng, có trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Mỗi hành động, ứng xử đều thể hiện rõ chuẩn mực của cán bộ, giảng viên trường Đảng.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong nội bộ; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm đạo đức lối sống. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong đội ngũ giảng viên và toàn thể nhà trường tạo sự đoàn kết để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị theo Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

Bốn là, tăng cường thực hiện các buổi sinh hoạt diễn đàn, sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề để trao đổi, thảo luận những nội dung mới trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, chú trọng

nghiên cứu các tác phẩm kinh điển nhằm giúp giảng viên nắm vững kiến thức, có phương pháp để luận giải vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra, đồng thời là cơ sở để phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

Năm là, tổ chức những buổi tập huấn về kỹ năng viết bài, bình luận khi tham gia sử dụng các trang mạng xã hội. Đề nghị Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp khoa trở lên về phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị, cán bộ đảng viên và nhân dân. Trong đó, giảng viên trường chính trị nói chung và Trường Chính trị Lê Duẩn nói riêng có vai trò quan trọng cần được nhận thức và thực hiện đầy đủ, kịp thời. Khi đội ngũ giảng viên trường chính trị thực hiện tốt vai trò của mình trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác lại các luận điểm sai trái thù địch không chỉ góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, mà còn làm cho nền tảng tư tưởng của Đảng có sức sống mãnh liệt trong lòng dân tộc và nhân loại yêu chuộng hoà bình trên thế giới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, HN.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, HN. Tập 1.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016), Nxb Chính trị quốc gia, HN.
4. Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.
5. Hội đồng Khoa học các cơ quan Trung ương. GS,TS Vũ Văn Hiền chủ biên (2020), Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng, Nxb CTQG sự thật, Tập 1.

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN MỘT SỐ MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. Trần Hoàng

Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 292-QĐ/HVCTQG Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở (hệ Trung cấp lý luận chính trị) và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 (Sau đây gọi là Chương trình 292) để thay thế chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1479-QĐ/HVCTQG ngày 21 tháng 4 năm 2014 và các Quyết định số 3136-QĐ/HVCTQG ngày 14 tháng 7 năm 2016, Quyết định số 8008-QĐ/HVCTQG ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về điều chỉnh Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (sau đây gọi là chương trình 1479).

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Hướng dẫn số 101-HD/HVCTQG hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở (Hệ Trung cấp lý luận chính trị). Qua gần một năm tổ chức thực hiện chương trình và trong phạm vi của bài viết này, tôi xin nêu một số vấn đề từ việc triển khai thực hiện chương trình và trong khuôn khổ phân học của Khoa lý luận cơ sở phụ trách giảng dạy, đánh giá kết quả.

1. Ghi nhận từ những đổi mới của chương trình

Trước hết, sau gần 20 năm, chương trình đào tạo đã trở lại với tên gọi là chương trình Trung cấp lý luận chính trị mà Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành kèm theo Quyết định số 484/2002/QĐ-HVCTQG, ngày 11 tháng 12 năm 2002. Chương trình 292 đã có sự thay đổi khá lớn so với Chương trình 1479. Theo đó, số lượng bài và thời lượng của các môn lý luận cơ sở tăng đáng kể, việc phân chia các bài học, phần học khá chi tiết.

Thứ hai, thay vì nội dung chương trình 1479 được tích hợp theo từng phân học thì Chương trình 292 đã phân chia thành từng bài. Cụ thể, Chương trình 1479 được tích hợp thành 02 phần:

Phần I.1. Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, 64 tiết giảng lý thuyết với 07 nội dung gồm: “Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng”; “Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử”; “Những vấn đề cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”; “Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”; “Sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân”; “Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”; “Liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”.

Phần I.2. Những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh 20 tiết giảng lý thuyết và

chia thành 5 bài: “Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh”; “Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”; “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết”; “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân”; “Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ”.

Ngoài phần học lý thuyết, cả hai phân học này được bố trí phần thảo luận độc lập với 32 tiết và được phân phối theo từng nhóm bài để thảo luận.

Với chương trình 292 lần này đã phân chia thành từng bộ phận lý luận cấu thành nên chủ nghĩa Mác-Lênin và từng bài cụ thể:

Triết học Mác - Lênin được chia thành 2 phần: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm 6 bài, 40 tiết; nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử gồm 5 bài, 40 tiết.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin được phân chia thành 2 phần: Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa gồm 3 bài với 40 tiết; kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội gồm 3 bài, 24 tiết.

Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng được kết cấu 2 phần: Nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 4 bài, 40 tiết; Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam gồm 3 bài, 24 tiết.

Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc một khối kiến thức thống nhất với 6 bài, 56 tiết.

Thứ ba, phần lớn các chương trình từ trước đến nay đều tách riêng phần thảo luận độc lập cho từng cụm bài, thì nội dung chương trình 292 lần này không bố trí buổi

thảo luận độc lập mà theo hướng được tích hợp vào trong bài giảng. Hoạt động giảng dạy lý thuyết và thảo luận của mỗi buổi hoặc mỗi bài có thể được lồng ghép hoặc tách rời nhau nhưng phải bảo đảm thời lượng dành cho giảng lý thuyết là $\frac{3}{4}$, thảo luận là $\frac{1}{4}$. Nội dung giảng dạy lý thuyết là nội dung theo giáo trình của chương trình đào tạo, gắn lý thuyết với thực hành, gắn học tập với rèn luyện tư cách đạo đức của người cán bộ. Nội dung thảo luận tập trung vào kỹ năng, nghiệp vụ công tác, vận dụng những kiến thức lý luận vào giải quyết các tình huống trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Thứ tư, có 02 phân học: Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam và Kiến thức bổ trợ được giao cho 2 khoa: Xây dựng Đảng và Khoa Nhà nước và Pháp luật chủ trì, phối hợp trong phụ trách giảng dạy, đánh giá kết quả.

Thứ năm, nội dung của Chương trình 292 đã có sự đổi mới và tiếp cận được những vấn đề của thực tiễn đặt ra. Cụ thể, phần Triết học Mác-Lênin đã bổ sung thêm bài 10 “Quan điểm của Triết học Mác-Lênin về con người” là phù hợp với yêu cầu “*Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững*”. Đáng ghi nhận trong chương trình lần này là phần Chủ nghĩa xã hội khoa học đã được tăng thêm bài 20: “Chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917 đến 1991” 12 tiết và bài 21 “Cải cách, đổi mới chủ nghĩa xã hội từ 1991 đến nay” 8 tiết. Đây là cụm 2 bài mới giúp cho người học hiểu được quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực; những thành tựu, hạn chế chủ yếu và nguyên

nhân khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực từ đó rút ra bài học đối với Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Mặt khác, người học hiểu được tính tất yếu của công cuộc cải cách, đổi mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội từ những thập niên cuối của thế kỷ XX đến nay; đặc điểm chủ yếu, thành tựu, thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực hiện nay.

2. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện chương trình

Trước hết, về sự thống nhất tên của các bài giảng. Giữa Quyết định số 292-QĐ/HVCTQG Ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về ban hành chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở (hệ Trung cấp lý luận chính trị) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 so với giáo trình trung cấp lý luận chính trị do Nhà xuất bản Lý luận chính trị xuất bản năm 2021 có sự khác biệt nhưng các cơ quan chức năng không có hướng dẫn nào để thống nhất tên bài. Về mặt pháp lý thì phải theo đúng tên bài được ban hành kèm theo Quyết định số 292-QĐ/HVCTQG, nhưng nếu thế thì không đúng với tên bài được ghi trong giáo trình mà học viên đang học.

Theo thống kê của chúng tôi, riêng cuốn Giáo trình Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin đã thấy 04 bài có sự khác biệt. Cụ thể: Bài 7, Khung chương trình là “Lý luận hình thái kinh tế - xã hội” nhưng giáo trình thì “Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội”; Bài 14, Khung chương trình là “Độc quyền trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và những biểu hiện mới hiện nay” nhưng giáo trình lại là “Độc quyền trong nền sản xuất tư

bản chủ nghĩa và những biểu hiện mới ngày nay”. Tương tự, bài 23 “Những phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” và “Những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”; bài 24 “Các mối quan hệ lớn cần nhận thức và giải quyết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” và “Những mối quan hệ lớn cần nhận thức và giải quyết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” là những khác biệt. Trong hiện tại khi không có sự hướng dẫn để thống nhất tên gọi của các bài giảng thì chúng tôi phải theo tên bài được ghi trong giáo trình để khỏi phải giải thích cho học viên.

Hai là, về thời lượng của chương trình. Một số bài bố trí thời lượng chưa phù hợp với dung lượng kiến thức nên trong quá trình giảng, giảng viên không thể đáp ứng tốt nội dung, yêu cầu, phương pháp... để nâng cao chất lượng bài giảng. Cụ thể:

Phân Triết học, Chương trình 1479 bố trí thời lượng cho chủ nghĩa duy vật biện chứng là 12 tiết, được điều chỉnh theo Quyết định 3136 lên 20 tiết thì đến chương trình 292, toàn bộ nội dung này được chia thành 6 bài với thời lượng 40 tiết. Điều đáng nói là bài 6 “Lý luận nhận thức duy vật biện chứng” bố trí 12 tiết là không phù hợp. Thực ra, theo Chương trình 1479, mục “Lý luận nhận thức duy vật biện chứng” chỉ bố trí 4 tiết. Chính vì vậy, chương trình 292 nên bố trí thời lượng cho bài 6 này 8 tiết là vừa đủ. Trong lúc đó, bài 7 “Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội” là một bài với dung lượng kiến thức khá lớn nhưng chỉ bố trí 8 tiết là không hợp lý mà theo tôi nên bố trí bài 7 tăng lên thành 12 tiết.

Phần Kinh tế chính trị cũng tương tự, Bài 12 “Sản xuất hàng hóa và quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa” Chương trình 1479, mục “Sản xuất hàng hóa và quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa” chỉ bố trí 4 tiết, nay theo chương trình 292 bố trí thời lượng 12 tiết là không phù hợp. Theo tôi, trong chương trình 292, bài 12 này chỉ phân phối thời lượng 8 tiết là vừa phải. Bài 13 “Sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa” bố trí thời lượng 20 tiết là phù hợp, tuy nhiên bài này nên chia thành 2 bài và điều chỉnh tên bài là “Sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa” 12 tiết và “Phân chia giá trị thặng dư trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa” 8 tiết là phù hợp.

Bài 14, “Độc quyền trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và những biểu hiện mới ngày nay” bố trí 08 tiết là vừa đủ. Tuy nhiên nội dung “Một số biểu hiện mới của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản ngày nay” chưa đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, học tập và chưa rõ nội hàm của những biểu hiện sinh động của chủ nghĩa tư bản hiện nay. Theo tôi trên cơ sở 5 đặc trưng kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản giai đoạn độc quyền mà Lenin đã chỉ ra, cần tập trung phân tích làm rõ các biểu hiện trong thế giới đương đại như thế nào? Ví dụ các tập đoàn, công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia là biểu hiện cụ thể của tích tụ, tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền; hoặc đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, đầu tư gián tiếp FPI và kể cả ODA...là biểu hiện sinh động của xuất khẩu tư bản; sự can dự sâu vào các nền kinh tế của các định chế IMF, WB, ADB, WTO...là biểu hiện của sự lũng đoạn của đầu sỏ tài chính hiện nay....Sự phân chia thị trường thế giới thông qua các hiệp định

thương mại cùng với thái cực ngược lại là chủ nghĩa bảo hộ dân túy là biểu hiện sinh động của độc quyền ngày nay nhưng bản chất của chủ nghĩa tư bản không hề thay đổi.

Thiết nghĩ, qua gần một năm thực hiện chương trình 292 đã nảy sinh những vấn đề bất cập mà một sự điều chỉnh để thực hiện tốt hơn là cần thiết cho công tác đào tạo như Học viện đã không ít hơn 02 lần điều chỉnh trong quá trình thực hiện chương trình 1479 như đã nói ở trên.

Ba là, ở phạm vi lớn hơn là sự cần thiết phải ổn định Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong 6 năm từ 2016 đến 2021, Học viện đã 3 lần thay đổi quy chế là quá nhiều và điều đó phản ánh sự thiếu ổn định của công tác đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể Bộ Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21 tháng 12 năm 2021 thay cho Bộ Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG ngày 02 tháng 5 năm 2019 và đây là bộ quy chế thay thế cho bộ Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1855-QĐ/HVCTQG ngày 21 tháng 4 năm 2016. Như vậy 2 đến 3 năm Học viện thay đổi một bộ quy chế cho thấy thời gian tồn tại của một bộ quy chế là quá ngắn nên sẽ rất khó khăn cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của các trường chính trị vì mỗi lần Học viện thay đổi quy chế thì các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rất tốn kém công sức, tài lực để điều chỉnh, bổ sung thậm chí là phải thay mới hệ thống quy chế, quy định cụ thể ở các trường chính trị./.

TÌM HIỂU TƯ DUY BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VỀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021 - 2025

ThS. Hoàng Tiến Dũng
Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Quốc phòng, an ninh là lĩnh vực vô cùng quan trọng và là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nên luôn được thể hiện sâu sắc và rõ nét trong văn kiện các đại hội Đảng. Qua mỗi kỳ đại hội, những nhận định, đánh giá, định hướng chính sách về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tùy theo tình hình cụ thể của cách mạng, đều có sự bổ sung phát triển mới. Nội dung quốc phòng, an ninh bao gồm nhiều vấn đề, trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ tập trung tìm hiểu sự kế thừa, bổ sung, phát triển của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong quá trình giảng chuyên đề: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được sâu sắc hơn. Tuy nhiên, để hiểu một cách đầy đủ nhất về lĩnh vực này, chúng ta cùng nhìn lại lịch sử dân tộc với những nét khái quát nhất để thấy rằng, những nhận thức mới nhất trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng ta hiện nay chính là sự kế thừa, bổ sung, phát triển xuất phát từ thực tiễn của đất nước.

Như chúng ta đã biết, lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, cha ông ta luôn lấy lợi ích quốc gia-dân tộc làm trọng, đề ra kế sách “sâu rễ, bền gốc”, “giữ nước từ khi nước chưa nguy”, coi đó là quy luật sinh tồn của dân tộc. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải (1241-1294), một danh tướng thời nhà Trần đã đúc kết chân lý: “Thái bình nên gắng

sức, non nước vững nghìn thu”. Hay ở một vách đá trên núi tỉnh Hòa Bình đến nay còn lưu dấu ấn bài thơ của vua Lê Thái Tổ viết dặn hậu thế: “Biên phòng cần có phương lược tốt, đất nước nên có kế lâu dài”. Ông còn căn dặn: “Nên sửa sang võ bị, để phòng việc không ngờ”.

Các bậc tiền nhân còn thực hiện nhiều chính sách ngay trong thời bình để làm cho “dân giàu, nước mạnh, “quốc phú, binh cường”, kết hợp chặt chẽ giữa việc “binh” và việc “nông”, đẩy mạnh “khoan thư sức dân”. Khi đất nước thanh bình thì khuyến khích nhân dân tích cực tham gia lao động, sản xuất, phát triển kinh tế; khi có “biến” thì tập trung vào việc “binh”, nhằm vừa giảm chi phí nuôi quân, vừa có lực lượng đánh giặc, bảo vệ giang sơn bờ cõi. Cùng với việc nuôi dưỡng lòng dân, lấy dân làm gốc, các triều đại phong kiến nước ta còn đẩy mạnh chiêu mộ, tuyển dụng nhân tài, ban bố luật lệ, xây dựng chính quyền nhà nước vững mạnh, gắn bó với dân, bảo đảm quyền hành chính trị tập trung, trên dưới đồng lòng “phụ binh chi tử”. Kiên trì phương châm “nội yên, ngoại tĩnh”; chăm lo xây dựng quân đội “quân cốt tinh không cốt đông”; thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”, “cả nước là lính, toàn dân đánh giặc”.

Đặc biệt, dân tộc ta đã sớm khẳng định độc lập, chủ quyền lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở pháp lý đấu tranh, ngăn chặn âm mưu xâm

lược của ngoại bang: “Sông núi nước Nam Vua Nam ở/ Rành rành định phận ở sách trời/ Có sao lũ giặc đến xâm phạm/ Chúng bay sẽ bị đánh toi bời”.

Đến thời đại Hồ Chí Minh, tư tưởng “giữ nước từ khi nước chưa nguy” của dân tộc ta tiếp tục được kế thừa và phát huy: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Người căn dặn: “Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, thấy trước, chuẩn bị trước”. Người coi bảo vệ Tổ quốc là quy luật sinh tồn của dân tộc Việt Nam trước kia và là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Vì vậy, trong Báo cáo tại Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, (khóa II, ngày 15/7/1954), Người nhấn mạnh: “Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước”. Không những vậy, trong Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, đọc ngày 5/9/1960, Người còn chỉ ra phương cách để ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới: “Nhân dân thế giới đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh tích cực thì nhất định có khả năng ngăn ngừa chiến tranh thế giới, thực hiện hòa bình lâu dài”.

Từ Đại hội Đảng lần thứ VI tư duy mới về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc của Đảng được hình thành và tiếp tục phát triển. Đó không phải là những quan điểm hoàn toàn mới, mà là quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng đối với một lĩnh vực trọng yếu của cách mạng, nhằm kế thừa truyền thống lịch sử dân tộc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với

điều kiện, hoàn cảnh mới của cách mạng Việt Nam. Trên thực tế, sự phát triển nhận thức, quan điểm của Đảng về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc đã góp phần quan trọng vào những “thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử” mà nhân dân ta đã đạt được trong hơn 35 năm qua, tạo thế và lực mới để đất nước ta hội nhập, phát triển nhanh, bền vững.

Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là những văn bản lý luận cơ bản về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Từ thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta nhận thức rõ hơn về vai trò quan trọng của an ninh, đối ngoại, trong đó có đối ngoại quốc phòng; về nội hàm xây dựng nền quốc phòng toàn dân; nhấn mạnh việc kiên trì đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, xây dựng “thế trận lòng dân” trong thời kỳ phát triển và hội nhập.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Có kế sách phòng ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến”.

Đây là lần đầu tiên trong văn kiện chính thức của một đại hội (Đại hội XII), quan điểm chủ động giữ nước trong thời bình được xác lập, và tư duy về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa của Đảng đã có sự phát triển mới. Điểm mới thể hiện ở chỗ, đây vừa là quan điểm, vừa là phương châm chỉ đạo của Đảng, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng về quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Nội hàm của bảo vệ Tổ quốc không chỉ hiểu

theo nghĩa hẹp và bảo vệ bên ngoài biên giới, lãnh thổ, mà cần hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả bên trong; không chỉ chiến đấu bảo vệ khi có kẻ thù xâm lược, mà phải tổ chức phòng thủ, phòng ngừa từ trước, chủ động chuẩn bị về mọi mặt, bao gồm cả chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại..., ngay từ thời bình.

Nhất quán quan điểm này, trong Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong mục “Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII đã nhấn mạnh: “Chủ động phát hiện, có các phương án, đối sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa”. Đồng thời tiếp tục chủ trương: “Phải chuyển mạnh sang việc “chủ động phòng ngừa” là chính. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế”.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Quan điểm bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” của Đảng tiếp tục được khẳng định, thể hiện rõ tinh thần chủ động, tích cực chăm lo xây dựng sức mạnh tổng hợp của quốc gia ngay từ trong thời bình, ngay từ bây giờ. Đặc biệt, nội hàm của quan điểm này phải được nhận thức một cách đầy đủ nhất. Cụ thể, khi nói đến từ “sớm” có nghĩa nói về thời gian. Các yếu tố, nội dung bảo vệ Tổ quốc đều được chủ động tiến hành từ

sớm, từ trước, duy trì thường xuyên, liên tục, về mọi mặt trong thời bình. Quá trình xây dựng, củng cố, phát triển cũng là quá trình triển khai các biện pháp phòng ngừa, bảo vệ, tự bảo vệ từ trước. Nói “bảo vệ Tổ quốc từ sớm” có nghĩa là phải có chiến lược bảo vệ, tự bảo vệ bên trong; phòng chống, ngăn ngừa, triệt tiêu các nhân tố phá hoại, mất ổn định bên trong lẫn bên ngoài. Nói đến “bảo vệ Tổ quốc từ xa” (không gian), còn được hiểu là bảo vệ Tổ quốc từ ngoài biên giới, lãnh thổ thông qua các hoạt động đối ngoại về an ninh - quốc phòng để nắm thông tin từ nước ngoài liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội của quốc gia; “từ xa” còn được hiểu là cần chủ động, cảnh giác, sớm phát hiện, triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến. Hiện nay, cần chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động xâm phạm chủ quyền, biển, đảo, lợi ích quốc gia-dân tộc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân.

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó dự báo; đất nước đứng trước nhiều thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức; nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết. Vì vậy, một trong những phương thức tốt nhất, hiệu quả nhất được coi là thượng sách giữ nước là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, ngăn ngừa không để xảy ra xung đột và chiến tranh dưới bất kỳ hình thức, quy mô nào. Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa được xác định là sự lựa chọn đúng đắn nhất, phù hợp nhất, có lợi nhất. Đó còn là vấn đề cực kỳ hệ trọng liên quan sự tồn tại và phát triển của đất nước./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC XÃ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG TRỊ

ThS. Nguyễn Quốc Thanh

Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) được Đảng ta xác định là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) khẳng định: *“Vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và đời sống nhân dân, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng 2045”*. Đảng và Nhà nước ta đã rất chú trọng công tác PBGDPL cho mọi tầng lớp nhân dân nói chung, đặc biệt cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng nhằm thực hiện “cầu nối” đưa pháp luật vào cuộc sống, giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Trước yêu cầu đổi mới, công tác PBGDPL phải được thường xuyên quan tâm đổi mới nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện.

Quảng Trị có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (8 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố) và 125 đơn vị hành chính cấp xã (101 xã, 13 phường và 11 thị trấn), với diện tích 474.414,87 ha chiếm 1,43% diện tích cả nước, dân số 643.505 người (số liệu tính đến 31/12/2020)¹. Trong đó, có 31 xã (ở 4 huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Gio Linh và Vĩnh Linh) thuộc vùng DTTS và miền núi (theo Quyết

định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025), chiếm diện tích 3.236,67 km², dân số thuộc đối tượng DTTS là 93.673 người chiếm 14% dân số cả tỉnh, 02 dân tộc chủ yếu là Bru - Vân Kiều.

Xuất phát từ thực tiễn tỉnh Quảng Trị trong việc cần thiết phải nâng cao nhận thức pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước và thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi. Theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2021” (gọi tắt là Đề án), UBND tỉnh Quảng Trị giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp các sở, ngành đơn vị liên quan, UBND các huyện có xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án. Kế hoạch thực hiện Đề án tập trung những nội dung sau: Đánh giá nhu cầu thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân tộc; chọn địa bàn mô hình xã điểm về phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân tộc. Phổ biến, giáo dục pháp luật, cung cấp thông tin về công tác dân tộc, chính sách dân tộc cho cán bộ công chức trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc tỉnh, huyện. Cung cấp thông tin

tài liệu; tập huấn bồi dưỡng, kỹ năng nghiệp vụ về PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cấp huyện, xã, thôn bản. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục bằng ngôn ngữ DTTS (tiếng nói và chữ viết) phát sóng trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, huyện; chuyên mục phát hành trên Báo Quảng Trị, tạp chí địa phương.

Qua 05 năm thực hiện Đề án, vùng DTTS và miền núi tỉnh Quảng Trị đã đạt được kết quả cơ bản trong cộng đồng về chuyển biến nhận thức, hành vi, nâng cao ý thức tự giác chấp hành của người dân, khối đại đoàn kết dân tộc được giữ vững, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền an ninh biên giới quốc gia được đảm bảo. 100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan làm công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh được PBGDPL và cung cấp thông tin rộng rãi về các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về công tác dân tộc, chính sách dân tộc với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật. Trên 80% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã; trưởng thôn bản, người có uy tín trong cộng đồng (cộng tác viên) được giao nhiệm vụ PBGDPL, vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi được cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về phổ biến pháp luật và tuyên truyền, vận động về lĩnh vực công tác dân tộc, theo yêu cầu nhiệm vụ. Hướng dẫn về việc cấp và sử dụng một số ấn phẩm báo, tạp chí nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Bên cạnh đó, các cơ quan thông tấn báo chí, truyền thông đảm bảo việc xây dựng và duy trì chương trình, chuyên trang chuyên mục về PBGDPL, vận động về công tác dân tộc, chính sách dân tộc để nâng cao nhận thức cho đồng bào vùng DTTS và miền núi. Cụ thể, Đài Truyền thanh cơ sở các mô hình xã điểm về PBGDPL tuyên truyền vận động phát bản tin trực tiếp bằng tiếng dân tộc Vân Kiều nội dung: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, tác hại của rượu bia,

ma túy...Đài Phát thanh truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục “Pháp luật và Đời sống” với các nội dung: “Trợ giúp pháp lý giúp công dân tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật”, “Đưa đề án giảm tảo hôn đến với người dân vùng núi”, “Thực hiện các quy định phòng dịch tuyến biên giới”... UBND các huyện có xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị, UBND cấp xã tổ chức thực hiện PBGDPL liên quan đến đặc điểm, tình hình trật tự như Luật phòng chống ma túy, tội phạm xâm hại trẻ em... với các hình thức phù hợp như hội nghị, họp dân, sinh hoạt định kỳ của các tổ chức đoàn thể, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS.

Cùng với đó, các sở, ngành đơn vị liên quan tích cực trong công tác PBGDPL cho đồng bào DTTS như: Sở Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh in ấn và phát hành tờ rơi về Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng chống mua bán người. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh in ấn và phát hành tờ rơi tuyên truyền về phòng, chống dịch Covid-19 cho các xã tuyến biên giới. Trường Chính trị Lê Duẩn giảng dạy các lớp (trung cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính...) có đối tượng học viên đồng bào DTTS theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 18/7/2018 về chính sách về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2025, chiến lược đến năm 2030. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác PBGDPL và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi.

Với nội dung và biện pháp tổ chức PBGDPL phù hợp với điều kiện đời sống kinh tế, văn hóa, phong tục tập quán của người dân ở các xã thuộc vùng DTTS và miền núi tỉnh Quảng Trị nên PBGDPL đã tạo sức lan tỏa trong cộng đồng. Năm 2020, Vụ Pháp chế, Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị xây dựng Mô hình PBGDPL về giải quyết khiếu nại, tố cáo kết

hợp với pháp luật đất đai tại xã Hường Tân, huyện Hường Hóa. Công thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin của các sở, ngành, UBND huyện; các trang mạng xã hội như “Trị an viên”, “Tre xanh”, “Phòng chống tội phạm công nghệ cao” đã đăng tải và chia sẻ số lượng lớn về tin bài, hình ảnh liên quan đến nội dung văn bản và hoạt động PBGDPL. Tỉnh đoàn tổ chức học tập pháp luật thông qua các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ, sân chơi tuyên truyền pháp luật. Thành lập và duy trì hoạt động của các Câu lạc bộ “Thắp sáng niềm tin”, “Tuổi trẻ với pháp luật: Phòng, chống ma túy trong trường học”, cam kết 03 không (không sử dụng ma túy; không buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy; không dung túng, bao che cho tội phạm, tệ nạn ma túy).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PBGDPL cho đồng bào DTTS ở tỉnh Quảng Trị vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Do vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên khắc nghiệt nên đời sống kinh tế của đồng bào còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến giáo dục nâng cao trình độ dân trí nên khó tiếp cận các kiến thức pháp luật. Giao thông đi lại khó khăn, một số địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sống rải rác trên địa bàn rộng, kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện đi lại, trang thiết bị và nguồn lực phục vụ cho công tác PBGDPL ở địa phương, nhất là cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Cơ chế thực hiện công tác PBGDPL còn nhiều điểm nguyên tắc, bắt buộc cứng nhắc, không phù hợp với tình hình thực tiễn vùng DTTS và miền núi như thủ tục về tài chính, thành lập ban chỉ đạo ở các mô hình điểm. Công tác phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chưa có sự đồng bộ thống nhất giữa các ngành trong việc lập dự toán kinh phí, xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm do đó có nhiều hoạt động bị trùng lặp, chồng chéo về địa bàn, nội dung phổ biến... Vì vậy, trong cuộc sống hằng ngày, đồng bào DTTS đã thực hiện một số hành vi, việc làm vi phạm pháp luật mà họ không hay biết (một phần do thói quen, tập quán) như:

Khi sinh con cha, mẹ không đăng ký khai sinh cho con, gia đình có người chết không khai tử, nam nữ xây dựng gia đình không đi đăng ký kết hôn, hiện tượng tảo hôn vẫn còn xảy ra, phạt vạ theo lệ làng vẫn còn, tình trạng du canh, du cư phá rừng làm nương rẫy tái diễn, một bộ phận đồng bào DTTS dễ bị lôi kéo, mua chuộc, dụ dỗ theo các tà đạo, gây ảnh hưởng đến lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, vi phạm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và một số lĩnh vực khác. Đơn cử, theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (từ 01/01/2018 đến 31/12/2021), trên địa bàn tỉnh đã xét xử 236 vụ án có bị cáo là người DTTS, xét xử về các tội như: “*Tội trộm cắp tài sản*”, “*Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*”, “*Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm*”, “*Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”...con số này thực sự “báo động”. Mặt khác, những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan vẫn còn tồn tại, vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự; tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc), bạo lực gia đình, bất bình đẳng giới trong đồng bào DTTS tại các xã miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Để công tác PBGDPL đạt hiệu quả cao và thiết thực, các cấp ủy Đảng thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức, cá nhân để xác định rõ trách nhiệm và huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác PBGDPL, đảm bảo mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đều được phổ biến kịp thời, đầy đủ đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt cho người dân tại các xã thuộc vùng DTTS và miền núi tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật... Vì vậy, trong thời gian tới thực hiện đồng bộ các giải pháp:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc PBGDPL cho đồng bào DTTS. Cần phải luôn xác định rõ PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của

Đảng. Đẩy mạnh công tác PBGDPL góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh của địa phương, cơ sở và chương trình xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó các cấp ủy Đảng tăng cường kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, coi đó là tiêu chuẩn đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của chi bộ, đảng bộ.

Thứ hai, đổi mới, lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền, PBGDPL phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số như truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Phát thanh, truyền hình thông qua các câu chuyện pháp luật, chuyên mục, xây dựng các tiêu phẩm về tình huống pháp luật, tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở gắn với những vướng mắc pháp luật, vấn đề thực tế đang xảy ra tại địa phương.

Thứ ba, bồi dưỡng tính tự giác, chủ động của đồng bào DTTS trong việc tìm hiểu, thực hiện pháp luật. Phải giúp người dân hiểu rõ bên cạnh phong tục, tập quán và luật tục thì pháp luật của Nhà nước giữ vai trò quan trọng như thế nào đối với cuộc sống thường ngày của chính họ, phải giúp người dân hiểu họ không nắm được pháp luật thì cũng như họ thiếu cái ăn, cái mặc hằng ngày, phải giúp người dân hiểu rõ nếu họ không thực hiện theo quy định của pháp luật thì họ sẽ bị xử lý.

Thứ tư, nâng cao vai trò của UBMT Tổ quốc Việt Nam các tổ chức đoàn thể, tổ chức quần chúng trong công tác PBGDPL. Công tác PBGDPL phải được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức đoàn thể, tổ chức quần chúng tiến hành thường xuyên, được lồng ghép dưới nhiều hình thức: Vào nội dung sinh hoạt định kỳ của các tổ chức hội, nội dung của các cuộc họp của thôn, bản nhằm đảm bảo sự hài hòa, tránh một chiều, khô khan, có thể lồng ghép vào các tình huống trò chơi. Xây dựng và nhân rộng mô hình điểm phổ biến giáo dục pháp luật, vận động từ nguồn nội lực cộng đồng: Hộ (nhóm) gia đình ký cam kết tự nguyện tham gia, đóng góp từ nguồn nội lực sẵn có đi liền với cơ chế khen thưởng, động viên khen thưởng, xử lý khuyết điểm kịp thời.

Thứ năm, tiếp tục tăng cường công tác PBGDPL cho đồng bào DTTS qua hình thức trợ giúp pháp lý. Hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định tại Luật Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý, nhằm giúp họ bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc PBGDPL, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

Thứ sáu, đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác PBGDPL và tuyên truyền, vận động; phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật, các tổ chức hành nghề luật, luật sư, luật gia người làm công tác pháp luật tham gia PBGDPL luật cho đồng bào DTTS. Bố trí kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác PBGDPL cho đồng bào DTTS: Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, cần huy động nguồn kinh phí xã hội hóa từ các dự án, tổ chức phi Chính phủ, từ các doanh nghiệp...

Với ý nghĩa và tầm quan trọng, hiệu quả của công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trong thời gian qua, đã nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, góp phần không nhỏ vào phát triển kinh tế, giữ ổn định tình hình an ninh, chính trị - trật tự, an toàn xã hội ở địa phương./

Tài liệu tham khảo:

1. UBND tỉnh Quảng Trị: *Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 21/5/2021 về việc Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, 2021.*

2. UBND tỉnh Quảng Trị: *Kế hoạch số 2734/KH-UBND ngày 29/6/2018 về thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021”.*

NHẬN THỨC MỚI VỀ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀ LIÊN HỆ VÀO GIẢNG DẠY MÔN ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

ThS. Lê Thị Thu Huyền

Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng có nhiều những điểm mới cơ bản so với văn kiện Đại hội XII của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt tư duy mới cũng như nội hàm mới về xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ. Trong bối cảnh thế giới có nhiều chuyển biến nhanh chóng, khó lường, quan điểm xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ là một trong những nội dung thể hiện hướng tiếp cận mới của Đại hội XIII của Đảng về phát triển kinh tế, chính thức được nhấn mạnh như một nhiệm vụ kinh tế để hiện thực hóa khát vọng phát triển của Việt Nam.

Thứ nhất, xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ là hướng tiếp cận mới của Đại hội XIII về xây dựng nền kinh tế Việt Nam. Quan điểm xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng là rất nhạy bén và xác đáng, phù hợp với tình hình thực tế của thế giới. Ngay từ Chủ đề Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới”[1]. Trong bối cảnh thế giới như hiện nay, các quốc gia phải sáng suốt lựa chọn cho mình con đường, cách thức để hiện thực hóa khát vọng phát triển của đất nước. Vì vậy, các quốc gia, các

dân tộc phải linh hoạt, mềm dẻo để khơi dậy, phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ, tận dụng sức mạnh ngoại lực để kết hợp hài hòa nhằm hội nhập và phát triển. Trong suốt thời kỳ đổi mới, qua các kỳ đại hội Đảng, khát vọng, mong muốn của Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta là sớm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, nghèo nàn lạc hậu, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bằng tư duy, trí tuệ độc lập, chưa có trong tiền lệ. Mặc dù vậy, để nhất quán về mặt tư duy và cách tiếp cận, coi việc xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ như một nội hàm chính thức của quá trình hiện thực hóa khát vọng phát triển, để Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc thì đến Đại hội XIII mới được diễn đạt cụ thể và rõ hơn cả. Đó là, Đại hội XIII đã xác định mục tiêu và khát vọng: Đến năm 2025 nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và phấn đấu đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao [2]. Việc xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ chính thức được nhấn mạnh như một nhiệm vụ kinh tế để hiện thực hóa khát vọng phát triển của Việt Nam

Thứ hai, để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục khẳng định “cải cách thể chế là

một trong những đột phá quan trọng”... Đổi mới thể chế mà trước hết là đổi mới tư duy về thể chế để thể chế thực sự trở thành động lực quan trọng, có giá trị dẫn đường, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước. Không để thể chế cản trở sự phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu. Mặt khác, việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là một trong ba nội dung cốt lõi của hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Cụ thể: 1. So với Đại hội XII, Đại hội XIII nhấn mạnh: Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 2. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; 3. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế). Điều này, vừa thể hiện cách tiếp cận mới phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường, vừa thể hiện tư duy mới trong việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đòi hỏi thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế; không tách rời việc hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với tầm nhìn về bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc là cao nhất, song lại không trái với các nguyên tắc phát triển phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đang ký kết. Cùng với đó, việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ được đặt trong sự gắn bó mật thiết với nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là điểm mới thể hiện sự chín muồi trong nhận thức lý luận của Đảng ta về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tối đa nội lực với tranh thủ

ngoại lực để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh mới. Nền kinh tế nội lực mạnh sẽ thúc đẩy nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế được nâng cao sẽ tạo tiền đề để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đồng thời, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ không phải là nền kinh tế khép kín, mà là nền kinh tế thị trường mở cửa, hội nhập. Đây là sự nhất quán trong cách tiếp cận của Đại hội XIII, là điểm mới so với các văn kiện tại các kỳ đại hội trước của Đảng ta.

Thứ ba, những điểm mới về nội dung xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ được bao quát, thống nhất từ việc độc lập, tự chủ về đường lối tới các biện pháp thực hiện để bảo đảm nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đại hội XIII chỉ rõ: “Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia” [3]. Việc coi các cân đối lớn là một nội hàm của biện pháp xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ thể hiện sự phát triển về nhận thức lý luận của Đảng ta trong Văn kiện Đại hội XIII so với các kỳ đại hội trước. Chủ trương xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn bó mật thiết với giữ vững các cân đối lớn đi đôi với bảo đảm an ninh kinh tế. Đây là điểm mới trong nội dung về xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ. Ở các kỳ đại hội trước của Đảng, vấn đề bảo đảm an ninh kinh tế, giữ vững các cân đối lớn được lồng ghép vào nội hàm của chủ đề quốc phòng - an ninh và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: Các cân đối lớn trở thành một trong những biện pháp để

bảo đảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Điều này là phù hợp với chuẩn mực của một nền kinh tế thị trường hiện đại. Chính vì vậy, Đảng nhấn mạnh phải: “Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác” [4]. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực nội tại của nền kinh tế là yêu cầu cấp thiết để có thể hội nhập thành công như: “Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu đất nước trong từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế”. Như vậy, cách tiếp cận mới về xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng thể hiện rõ nhất ở tinh thần chủ động, phát triển toàn diện, coi trọng bảo vệ lợi ích quốc gia trên hết, phù hợp với trình độ phát triển của đất nước cũng như các chuẩn mực quốc tế trong bối cảnh mới.

Việc nghiên cứu học tập, quán triệt, tuyên truyền nền kinh tế độc lập, tự chủ trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng có tầm quan trọng rất lớn. Để góp phần đưa nghị quyết vào cuộc sống, hiện thực hóa quan điểm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy môn Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, cần chú ý một số vấn đề sau:

Một là, xuất phát từ tính đặc thù của môn học Đường lối cách mạng Việt nam, giảng viên cần tập trung nghiên cứu một cách sâu sắc, nhận thức đầy đủ, từ đó, trong quá trình giảng dạy cần liên hệ, gợi mở, đưa ra các vấn đề để học viên thảo luận, trao đổi như: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, công nghiệp

hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, nguồn nhân lực chất lượng cao, kinh tế số, xã hội số...

Hai là, giảng viên cần lựa chọn nội dung, kiến thức để vận dụng, liên hệ tư duy xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng của bài giảng, gắn lý luận với thực tiễn.

Ba là, ngoài việc chú trọng đến nội dung, kiến thức, giảng viên cần vận dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp giảng dạy. Sử dụng phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu thực trạng trước thời kỳ đổi mới với thành tựu của 36 năm đổi mới để thấy được sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng đã bám sát vào thực tiễn. Đồng thời, cần phải làm rõ những tồn tại, hạn chế, bất cập cũng như những khó khăn trong thực tiễn và bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Để vận dụng nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, việc nghiên cứu học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII sâu rộng tới tất cả cán bộ, đảng viên, quần chúng Nhân dân là rất thiết thực. Mỗi giảng viên càng phải nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình, qua đó củng cố kiến thức và niềm tin, giúp học viên kịp thời cập nhật tư duy mới, vận dụng vào thực tiễn công tác đạt hiệu quả cao.

Tài liệu tham khảo:

[1]. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2021, tập I, tr 112.*

[2]. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2021, tập I, tr 112.*

[3]. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2021, tập I, tr .135.*

[4]. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2021, tập II, tr .338.*

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN Ở TỈNH QUẢNG TRỊ

ThS. Trần Hữu Hòa

Phó trưởng Phòng TC,HC,TT,TL

Công tác phát triển đảng là một yêu cầu khách quan đồng thời là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng nhằm bổ sung đội ngũ đảng viên có chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng trong mỗi giai đoạn cách mạng. Công tác phát triển đảng cũng là nhiệm vụ quan trọng của việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nhằm tăng thêm sinh lực, sức chiến đấu cho Đảng, trẻ hoá đội ngũ đảng viên, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng.

Xuất phát từ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đó, Đảng đã ra nhiều chỉ thị nêu rõ vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đảng viên, nâng cao chất lượng đảng viên. Chỉ thị số 52 - CT/TU ngày 21/01/2002 của Bộ Chính trị đã khẳng định: *“Kết nạp đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, có tính quy luật trong công tác xây dựng Đảng nhằm tăng cường thêm sức chiến đấu, bảo đảm sự kế thừa phát triển của Đảng, tạo thêm nhân tố mới trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên”*.

Đặc biệt, Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng yêu cầu công tác kết nạp đảng viên phải coi trọng đúng mức chất lượng.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, những năm qua Tỉnh ủy Quảng Trị luôn quan tâm chỉ đạo các cấp ủy thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên. Trong đó, đặc biệt chú trọng công tác phát triển đảng viên và kết nạp đảng viên ở khu vực nông thôn với lực lượng chủ yếu là thanh niên, nông dân, công nhân, học sinh, người dân tộc thiểu số, từng bước tăng cường sức chiến đấu, bảo đảm tính kế thừa, phát triển liên tục của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Để công tác tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp đảng viên đạt hiệu quả, các

cấp ủy đã xây dựng kế hoạch cụ thể, nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên mới, cụ thể hóa các chỉ tiêu phù hợp với đặc điểm, tình hình của đảng bộ, chi bộ mình và đảm bảo theo đúng quy trình, quy định, hướng dẫn của Đảng. Nhờ vậy, trung bình mỗi năm trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Quảng Trị kết nạp được 1.989 đảng viên, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra (1.400 - 1.500 đảng viên/năm), trong đó có 3.498 đảng viên là người dân tộc thiểu số, 415 đảng viên ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước, 129 đảng viên là người có đạo. Chất lượng đảng viên nói chung đã từng bước được nâng lên, nhất là về trình độ chuyên môn, đảng viên mới có trình độ đại học và trên đại học tăng lên hàng năm.

Tuy nhiên, trước tình hình thực tế những năm gần đây, khi nguồn quần chúng kết nạp vào Đảng gặp khó khăn, nhất là ở khu vực nông thôn, trong khi đó để thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức đảng phải thực sự chú trọng và nâng cao chất lượng, nhằm kết nạp những đảng viên đủ đức, đủ tài, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đang đặt ra, xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch vững mạnh.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra chỉ tiêu trong toàn nhiệm kỳ là 7.500 đảng viên bình quân hàng năm kết nạp khoảng 1.500 đảng viên. Như vậy, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025, đã xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên phù hợp với tình hình của đảng bộ. Kết hợp chặt chẽ giữa số lượng và chất lượng, giữa công tác phát triển đảng viên với công tác quản lý, sàng lọc đảng viên theo tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII. Đặc biệt, ngày 07/5/2021

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TU “Về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong tình hình mới” nhằm tăng cường hơn nữa công tác phát triển đảng viên, thực hiện tốt mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.

Vì vậy, trong thời gian tới, nhằm đáp ứng yêu cầu về chú trọng chất lượng, phải đi đôi với nâng cao chất lượng các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp cần phải thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đúng về công tác phát triển, nâng cao chất lượng đảng viên, xác định đây là vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, nhằm tăng thêm nguồn sinh lực cho Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng.

Thứ hai, thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc làm tốt công tác phát hiện, giúp đỡ, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên làm công tác phát triển Đảng. Hàng năm, tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác phát triển đảng viên ở cấp mình; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức đảng, đảng viên có thành tích trong công tác phát triển đảng viên; đồng thời, chấn chỉnh, uốn nắn những tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu các chi bộ chưa quan tâm thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên.

Thứ ba, tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án “phát triển tổ chức đảng, đảng viên và các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Tăng cường mối quan hệ công tác giữa các địa phương với các doanh nghiệp trong công tác phát triển đảng viên; thực hiện các giải pháp linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đảng viên làm việc trong doanh nghiệp, làm ăn xa, khai thác thủy sản trên biển được sinh hoạt đảng đầy đủ và quần chúng là công nhân, người lao động trong doanh nghiệp được theo dõi, giúp đỡ, bồi dưỡng phát triển Đảng; tạo điều kiện về thủ tục cho đảng viên khi xuất khẩu lao động và có chính sách thu

hút đảng viên xuất khẩu lao động trở về địa phương. Quan tâm theo dõi, giúp đỡ, bồi dưỡng quần chúng là trưởng thôn, khóm, bản, tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận, chi hội trưởng, phó các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa phải là đảng viên vào Đảng, đi đôi với việc chú trọng lựa chọn, giới thiệu đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín để Nhân dân bầu làm trưởng thôn, khóm, bản, tổ trưởng tổ dân phố, góp phần nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở địa bàn dân cư. Chú trọng tạo nguồn đối với các đối tượng là bí thư chi đoàn, lãnh đạo các chi hội đoàn thể, bộ đội xuất ngũ, y tế, giáo viên, học sinh, sinh viên ra trường để kết nạp Đảng.

Bên cạnh đó, cần thực hiện chặt chẽ, đúng quy định quy trình, thủ tục kết nạp người vào Đảng, chuyển đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức theo Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

Tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát đảng viên, đổi mới và nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị, học tập nghị quyết, thực hiện tốt việc phân công công tác cho đảng viên, thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý sinh hoạt đảng và chuyển sinh hoạt đảng, tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy định về chế độ sinh hoạt đảng.

Cùng với việc kết nạp những quần chúng ưu tú vào Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng cần thực hiện tốt việc rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng đảm bảo về đối tượng, tiêu chí, quy trình theo Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, ngày 12/04/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Đảng viên là “tế bào” cấu thành tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đảng viên chính là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, góp phần xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch vững mạnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra./.

LUẬT BIÊN PHÒNG VIỆT NAM – CÔNG CỤ PHÁP LÝ GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, BẢO VỆ KHU VỰC BIÊN GIỚI

ThS. Cao Thị Hà

Khoa Nhà nước và pháp luật

Khu vực biên giới là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Biên giới quốc gia vững mạnh, ổn định là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho một quốc gia độc lập, duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững. Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt, có hiệu quả khu vực biên giới là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và hệ thống chính trị Việt Nam.

Nhận thức rõ về vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của khu vực biên giới, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật để xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh tại khu vực biên giới. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia (sau đây gọi là Nghị quyết số 33-NQ/TW) xác định: “*Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị*” [1]. Nghị quyết số 33-NQ/TW xác định cụ thể lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia (BGQG): “*Xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia toàn dân rộng khắp, nhân dân là chủ thể, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, Bộ đội biên phòng là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng, lực lượng chuyên trách, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới*” [2]. Nghị quyết số 33-NQ/TW đề ra phương hướng,

nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, trong đó nhấn mạnh: “*Sớm ban hành Luật Biên phòng Việt Nam*” [3].

Những năm qua, Bộ đội biên phòng (BĐBP) Việt Nam là lực lượng phối hợp rất chặt chẽ với các lực lượng ở khu vực biên giới, hải đảo, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, ổn định và phát triển; tham gia xóa đói, giảm nghèo cho nhân dân khu vực biên giới, đồng thời là lực lượng nòng cốt trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới, luôn được cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương ghi nhận và đánh giá cao. Để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Bộ đội Biên phòng, ngày 28/3/1997, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa IX thông qua Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng. Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 07/4/1997. Sau hơn 20 năm tổ chức thi hành, bên cạnh những kết quả đạt được, Pháp lệnh đã bộc lộ những hạn chế, bất cập như: Chưa bao quát toàn diện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG; chưa thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; một số quy định của Pháp lệnh chưa thống nhất, phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật có liên quan. Để khắc phục những vướng mắc, bất cập trên, đồng thời thể chế hóa quan điểm của Đảng về bảo vệ BGQG, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để xây dựng địa bàn biên giới vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại kỳ họp

thứ 10, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Biên phòng Việt Nam với 6 chương, 36 điều, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Luật Biên phòng Việt Nam là công cụ pháp lý quan trọng, đầy đủ để BDBP và các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và lợi ích quốc gia ở khu vực biên giới. Cụ thể:

Thứ nhất, Luật Biên phòng Việt Nam giải thích 05 từ ngữ chưa được làm rõ tại các đạo luật khác nhằm tạo ra sự thống nhất trong nhận thức và hành động.

Pháp lệnh Bộ đội biên phòng không có điều, khoản giải thích những từ ngữ có tính chất chuyên môn nên chưa có cơ sở pháp lý để tạo ra sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Để khắc phục hạn chế này, Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 đã dành một điều luật (Điều 2) làm rõ các khái niệm. Theo đó, có 4/5 từ ngữ lần đầu tiên được làm rõ, đó là “*biên phòng*” (khoản 1 Điều 2), “*nền biên phòng toàn dân*” (khoản 2 Điều 2), “*thế trận biên phòng toàn dân*” (khoản 3 Điều 2), “*cán bộ, chiến sĩ Bộ đội biên phòng*” (khoản 5 Điều 2).

Với cách tiếp cận đa chiều, thuật ngữ “*biên phòng*” được lý giải một cách toàn diện trên cả bốn phương diện: Hình thức (hoạt động), nội dung (biện pháp), phương tiện (sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc) và mục tiêu (bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới), qua đó để khẳng định vai trò là “*chìa khóa*”, giúp làm rõ tên Luật Biên phòng Việt Nam, thống nhất về quan điểm sự khác biệt giữa “*biên phòng*” và “*Bộ đội biên phòng*”.

“*Nền biên phòng toàn dân*” (khoản 2 Điều 2) và “*thế trận biên phòng toàn dân*” (khoản 3 Điều 2): Đây là những thuật ngữ đã được đề cập trong Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về Chiến

lược bảo vệ biên giới quốc gia và nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Luật Biên giới quốc gia năm 2003, Pháp lệnh Bộ đội biên phòng năm 1997. Tuy nhiên, những thuật ngữ này chưa từng được giải thích một cách chính thức trong các văn bản đó. Vì vậy, Luật Biên phòng Việt Nam đã giải thích hai khái niệm này để làm rõ nội hàm của “*nền biên phòng toàn dân*” và “*thế trận biên phòng toàn dân*” đồng thời thể hiện sự hợp pháp hóa ở mức độ cao hệ thống quan điểm khoa học về xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân của đội ngũ các nhà khoa học quân sự trong những năm qua.

“*Vành đai biên giới*”: Là thuật ngữ đã được đề cập và giải thích trong Nghị định số 134/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Tuy nhiên, để bảo đảm tính chính xác cao của thuật ngữ, Luật Biên phòng Việt Nam đã giải thích cụ thể và bổ sung thêm một số nội dung liên quan để làm rõ hơn về vành đai biên giới cũng như việc quyết định về vành đai biên giới.

Quy định về “*Giải thích từ ngữ*” tại Điều 2 Luật Biên phòng Việt Nam là một trong những quy định thể hiện sự tuân thủ yếu tố kỹ thuật trình bày nội dung của luật mà Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước đã xác định. Qua đó, những từ ngữ chuyên môn mang tính chất đặc thù của Luật Biên phòng Việt Nam đã được giải thích rõ là cơ sở pháp lý để thống nhất nhận thức cho toàn xã hội, đặc biệt là định hướng cho các nghiên cứu khoa học về lĩnh vực biên phòng nói riêng, lĩnh vực quốc phòng và an ninh nói chung trong thời gian tới.

Thứ hai, chính sách của Nhà nước về biên phòng (**Điều 3**)

Trên cơ sở rà soát các chính sách đã được quy định tại Luật Biên giới quốc gia năm 2003 để không trùng lặp đồng thời quy định thêm các chính sách của Nhà nước đối với các lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng, Luật Biên phòng Việt Nam quy định 07 chính sách về biên phòng, trong đó bổ sung hai khoản: Khoản 5 (chính sách đặc thù “*phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đối ngoại ở khu vực biên giới*”) và khoản 7 (*Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho thực hiện nhiệm vụ biên phòng trên nguyên tắc tự nguyện, không trái với pháp luật Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế*). Việc bổ sung này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là đảm bảo phù hợp với chính sách của Nhà nước về quốc phòng quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Quốc phòng năm 2018.

Như vậy, chính sách của Nhà nước về biên phòng hướng đến mục tiêu thể chế đầy đủ đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta về bảo vệ khu vực biên giới quốc gia, đồng thời nhằm xây dựng, huy động tiềm lực mọi mặt cho thực hiện nhiệm vụ biên phòng để bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, làm cơ sở để xây dựng những chính sách cụ thể.

Thứ ba, về nguyên tắc thực thi nhiệm vụ biên phòng (**Điều 4**)

Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 quy định 04 nguyên tắc về nguyên tắc thực thi nhiệm vụ biên phòng tại Điều 4. Đây là sự bổ sung mới của Luật Biên phòng năm 2020, đặc biệt trong đó có một nguyên tắc nổi bật đó là: “*Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước*” (khoản 2 Điều 4). Đây là nội dung rất quan trọng đã được khẳng định trong Nghị quyết số 33-NQ/TW. Việc thể chế hóa nội dung này

trong Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 là cơ sở pháp lý để các cấp, ngành, lực lượng và địa phương quán triệt trong nhận thức và triển khai thực hiện nghiêm túc trong thực tiễn.

Thứ tư, về nhiệm vụ biên phòng (**Điều 5**)

Nhiệm vụ biên phòng được đề cập tại Điều 5 Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 với 06 nhiệm vụ cụ thể. Nếu như trước đây, Pháp lệnh Bộ đội biên phòng chỉ quy định “nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng” thì nay, Luật Biên phòng năm 2020 đã sửa lại là “nhiệm vụ biên phòng” nhằm xác định rõ rằng: Việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và của cơ quan, tổ chức, cá nhân về biên phòng chứ không chỉ là nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng, có như vậy thì mới huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong xây dựng và bảo vệ khu vực biên giới.

Thứ năm, về lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng (**Điều 6**)

“1. *Cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân ở khu vực biên giới, cửa khẩu.*

2. *Cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này*”

Như vậy, lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định gồm hai nhóm. Với cách quy định như vậy thể hiện tính khoa học, khách quan, được xác lập trên nền tảng khoa học quân sự, khoa học biên phòng, bám sát yêu cầu, đòi hỏi và những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, hướng tới mục tiêu tối cao là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.

Thứ sáu, về trách nhiệm và chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, công dân tham gia,

phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng (**Điều 7**)

Đây là nội dung mới so với Pháp lệnh Bộ đội biên phòng. Luật Biên phòng Việt Nam quy định cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng thực hiện nhiệm vụ. Trong đó Luật đã làm rõ trách nhiệm của công dân ở khu vực biên giới, cụ thể: *“Công dân ở khu vực biên giới có trách nhiệm tham gia xây dựng nền biên phòng toàn dân, thể trận biên phòng toàn dân và các phong trào bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu”* (khoản 2 Điều 7). Việc bổ sung vào Luật khoản 2 này nhằm thể chế quan điểm: *“Nhân dân khu vực biên giới là chủ thể bảo vệ biên giới quốc gia”* tại Nghị quyết số 33-NQ/TW và quy định rõ trách nhiệm của công dân khu vực biên giới đối với nhiệm vụ biên phòng. Luật cũng quy định cụ thể *“3. Cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật”* (khoản 3 Điều 7). Quy định này làm căn cứ pháp lý để các chủ thể có thẩm quyền xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách phù hợp cho các chủ thể có đóng góp trong thực thi nhiệm vụ biên phòng mà có thành tích hoặc bị tổn thất về vật chất hoặc tinh thần.

Thứ bảy, về nền biên phòng toàn dân, thể trận biên phòng toàn dân (Điều 9)

Nền biên phòng toàn dân là phòng tuyến bảo vệ biên giới với sức mạnh tổng hợp của cả nước, mà lực lượng chủ yếu là nhân dân; đồng thời là hình thức tổ chức, động viên nhân

dân trong cả nước, trực tiếp là nhân dân ở khu vực biên giới tham gia quản lý, bảo vệ biên giới. Nền biên phòng toàn dân là cơ sở, nền tảng của thể trận biên phòng toàn dân, là chỗ dựa hết sức quan trọng của các lực lượng vũ trang nhân dân nói chung, lực lượng chuyên trách nói riêng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới của Tổ quốc.

Vấn đề “xây dựng nền biên phòng toàn dân” và “xây dựng thể trận biên phòng toàn dân” đã được quy định trong Luật Biên giới quốc gia năm 2003. Tuy nhiên, trong đạo luật này mới chỉ khẳng định về nguyên tắc *“Nhà nước xây dựng nền biên phòng toàn dân và thể trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia”* và xác định ngày 03 tháng 3 hàng năm là “Ngày biên phòng toàn dân” đồng thời chưa có sự phân định rõ ràng nội dung cơ bản xây dựng nền biên phòng toàn dân và thể trận biên phòng toàn dân.

Thể chế hóa quan điểm lãnh đạo của Đảng trong Nghị quyết số 33-NQ/TW: *“Xây dựng nền biên phòng toàn dân và thể trận biên phòng toàn dân vững mạnh, ổn định lâu dài trong nền quốc phòng toàn dân và thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc”*[4], Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 đã quy định nội dung cơ bản về “nền biên phòng toàn dân”, “thể trận biên phòng toàn dân” tại Điều 9 với 05 nội dung cơ bản xây dựng “nền biên phòng toàn dân” (khoản 1 Điều 9) và 04 nội dung cơ bản xây dựng “thể trận biên phòng toàn dân” (khoản 2 Điều 9). Như vậy, Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 đã xác định rất rõ vị trí, vai trò của việc xây dựng “nền biên phòng toàn dân” và “thể trận biên phòng toàn dân”, xác định trách nhiệm xây dựng xây dựng “nền biên phòng toàn dân” và “thể trận biên phòng toàn dân” là của cả hệ thống

chính trị. Việc thể chế hóa quan điểm nêu trên của Đảng trong Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 là sự ghi nhận truyền thống tổ chức, động viên toàn hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo vệ Tổ quốc nói chung và bảo vệ biên giới quốc gia nói riêng; đồng thời đáp ứng mục tiêu xây dựng Luật Biên phòng Việt Nam mà Bộ Quốc phòng đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 96/TTr-BQP ngày 10/1/2020 của Bộ Quốc phòng về Dự án Luật Biên phòng Việt Nam là “... xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh, ổn định lâu dài trong nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ở khu vực biên giới vững chắc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới” [5]. Bằng quy định của Luật Biên phòng Việt Nam với 05 nội dung cơ bản xây dựng nền biên phòng toàn dân và 04 nội dung cơ bản xây dựng thế trận biên phòng toàn dân đã được luật hóa, xác định rõ nội hàm và khẳng định tầm quan trọng của vấn đề này trong văn bản có hiệu lực pháp lý cao đã khẳng định nhất quán trách nhiệm xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân của các chủ thể, làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực thi nhiệm vụ biên phòng và nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ biên phòng thể hiện vai trò, trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Thứ tám, về vị trí, chức năng của Bộ đội Biên phòng (**Điều 13**)

Mặc dù Luật Quốc phòng năm 2018 có quy định: “*Bộ đội Biên phòng là lực lượng vũ trang nhân dân*” [6]. Tuy nhiên, tại khu vực biên giới, có nhiều lực lượng làm nhiệm vụ, do đó, cần thiết phải quy định một lực lượng làm nhiệm vụ nòng cốt, chuyên trách, chủ trì đảm đương nhiệm vụ.

Nghị quyết số 33-NQ/TW xác định cụ

thể lực lượng bảo vệ BGQG: “*Bộ đội Biên phòng là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng, lực lượng chuyên trách, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, bảo vệ BGQG trong tình hình mới*” [7].

Vì vậy, khoản 1 Điều 12 Luật Biên phòng Việt Nam quy định về vị trí, chức năng của Bộ đội Biên phòng như sau: “*Bộ đội Biên phòng là lực lượng vũ trang nhân dân, thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới*”. Quy định này là cần thiết để thể hiện rõ tính chất đặc thù hoạt động của Bộ đội biên phòng trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và phù hợp với cách thể hiện của các đạo luật có liên quan như: Luật Dân quân tự vệ, Luật Cảnh sát biển Việt Nam, v.v...

Thứ chín, về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ đội Biên phòng (**Điều 14, 15**)

Căn cứ vào vị trí và chức năng của Bộ đội Biên phòng, Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam đặt ra 12 nhiệm vụ cho Bộ đội Biên phòng, vừa kế thừa Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng, vừa bổ sung thêm một số quy định mới. Chẳng hạn như:

Khi thực thi nhiệm vụ, ngoài các trường hợp nổ súng quân dụng hoặc sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng còn “*được nổ súng quân dụng vào tàu thuyền trên biển, sông biên giới, trừ tàu thuyền của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế, tàu thuyền có chở người hoặc có con tin, để dừng tàu thuyền*” thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17.

Theo Pháp lệnh Bộ đội biên phòng, việc huy động người, tàu thuyền, phương tiện,

thiết bị kỹ thuật dân sự, chỉ được tiến hành trong trường hợp “*chiến đấu truy, truy lùng, đuổi bắt người phạm tội quả tang, người đang có lệnh truy nã, ngăn chặn hành vi phạm tội, cấp cứu người bị nạn*”. Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 bổ sung thêm trường hợp: “*tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu người bị nạn, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường nghiêm trọng*” thì cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng cũng được sử dụng các loại phương tiện trên. Việc bổ sung những quyền hạn trên cho BĐBP vừa đảm bảo cho lực lượng này có đủ thẩm quyền trong những trường hợp cần thiết vừa để phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ đội Biên phòng với những lực lượng khác trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại khu vực biên giới.

Thứ mười, về biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (**Điều 20**)

Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng chưa luật hóa biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới để đảm bảo thống nhất với chính sách của Nhà nước về xây dựng, quản lý, bảo vệ BGQG, KVBG theo quy định tại Luật Biên giới quốc gia năm 2003, chính sách quản lý và bảo vệ biển, nhiệm vụ và phạm vi trách nhiệm của lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển theo quy định của Luật Biển Việt Nam năm 2012 và chính sách Nhà nước về quốc phòng, hoạt động quốc phòng, các trạng thái quốc phòng được quy định tại Luật Quốc phòng năm 2018.

Vì vậy, việc luật hóa các biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là một trong những yêu cầu được đặt ra trong xây dựng Luật Biên phòng Việt Nam. Theo đó, Luật Biên phòng Việt Nam lần đầu tiên quy định 07 biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và xếp theo thứ tự cấp độ từ thấp đến cao, bao gồm: Vận động quần chúng; Pháp luật; Ngoại giao; Kinh tế; Khoa học - kỹ thuật; Nghiệp vụ; Vũ trang. Với quy định này, một

mặt thể chế hóa quan điểm của Đảng về xây dựng, quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới, khẳng định tầm quan trọng, tính chất toàn diện của công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; Mặt khác, góp phần bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, đồng thời quy định đó là cơ sở pháp lý quan trọng trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia của BĐBP, bảo đảm tính hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ biên phòng và nhiệm vụ của lực lượng BĐBP.

Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là trách nhiệm của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị đang đặt ra sự cần thiết phải có hệ thống văn bản pháp luật đồng bộ, thống nhất. Luật Biên phòng là một trong những hành lang pháp lý quan trọng quy định đầy đủ, toàn diện, cụ thể về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Tổ quốc, đặc biệt là quy định rõ nhiệm vụ của các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang và của cả hệ thống chính trị trong xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, đáp ứng hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Việc thực thi các quy định của Luật Biên phòng Việt Nam sẽ là “kim chỉ nam” cho các hoạt động ở khu vực biên giới, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới./.

Tài liệu tham khảo:

[1], [2], [3], [4], [5], [7]. *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia.*

[6]. *Luật Quốc phòng năm 2018.*

[5]. *Tờ trình số 96/TTr-BQP ngày 10-1-2020 của Bộ Quốc phòng về Dự án Luật Biên phòng Việt Nam.*

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN NỮ CÔNG QUẢN CHÚNG DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

CN. Hoàng Văn Cường
Phòng TC, HC, TT, TL

Hiện nay, tỉnh Quảng Trị đã có những bước phát triển mới, đạt nhiều kết quả quan trọng về kinh tế - xã hội, đặc biệt là việc hình thành Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với các dự án lớn kết nối với Hành lang kinh tế Đông Tây và các khu kinh tế sẽ tạo nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới. Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, số lượng lao động nữ của tỉnh gia tăng, chủ yếu ở các doanh nghiệp tư nhân. Từ năm 2017 đến nay, toàn tỉnh tăng hơn 3.000 lao động nữ. Đến tháng 4 năm 2022, toàn tỉnh có 23.048 lao động nữ, trong tổng số 50.491 lao động, chiếm tỷ lệ 46%[1]. Điều đó đòi hỏi phải nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của công đoàn cơ sở doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước nói chung, của ban nữ công quản chúng nói riêng nhằm chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp cho lao động nữ trong khu vực này trên địa bàn tỉnh.

Theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, ban nữ công công đoàn có nhiệm vụ tham mưu giúp ban chấp hành công đoàn cùng cấp: Tham gia xây dựng và thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến lao động nữ; về giới, bình đẳng giới, vì sự phát triển của phụ nữ; công tác cán bộ nữ, dân số, sức khỏe sinh sản; công tác gia đình, trẻ em; tổ chức các phong trào trong nữ đoàn viên công đoàn; đại diện tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến lao động nữ và trẻ em; thực hiện lồng ghép các hoạt động của hội

phụ nữ với hoạt động nữ công công đoàn. [2]

Trong thời gian qua, ban nữ công quản chúng doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh đã từng bước kiện toàn về mặt tổ chức, phát huy vai trò tham mưu cho ban chấp hành công đoàn trong việc chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho lao động nữ, đóng góp đáng kể vào sự phát triển công tác nữ công nói riêng và công tác công đoàn của tỉnh nói chung.

Về mặt tổ chức, từ năm 2017 đến nay, 100% công đoàn cơ sở doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước đủ điều kiện đã thành lập ban nữ công quản chúng theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Năm 2022, toàn tỉnh có 81 ban nữ công quản chúng khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Trong tổng số 1838 ủy viên ban nữ công quản chúng công đoàn cơ sở trong toàn tỉnh, tại doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước là 238, chiếm 15%.[3]

Về mặt hoạt động, các ban nữ công quản chúng khu vực này đã thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản, gia đình, trẻ em, tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình, độ chính sách pháp luật các văn bản có liên quan đến lao động nữ như: Luật bình đẳng giới, Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế... cho lao động nữ. Kết quả từ năm 2018 đến nay, các đơn vị đã tổ chức 485 đợt tập huấn tuyên truyền về chính

sách pháp luật riêng cho lao động nữ, thu hút hơn 48.000 lượt người tham gia.[4]

Một số ban nữ công đã tham mưu cho ban chấp hành cùng cấp tổ chức các hoạt động cho lao động nữ nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam (20/10), ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7), ngày gia đình Việt Nam (28/6), Tết Sum vầy, Tháng công nhân với nhiều hình thức như: Tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, hội thi nấu ăn, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan dã ngoại...

Phần lớn ban nữ công đã chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nữ đoàn viên, người lao động. Trên cơ sở đó tích cực tham mưu, đề xuất những kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao đời sống vật chất tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chất lượng sống cho lao động nữ như: Nhà tắm, nhà vệ sinh, bếp ăn tập thể, nhà ở, nhà trẻ, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo đảm việc làm, mức lương cơ bản, chế độ nâng bậc lương, lương tháng 13, tiền thưởng, tổ chức tham quan nghỉ mát, thăm hỏi khi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất...; đặc biệt phát huy vai trò trong xây dựng thỏa ước lao động tập thể, thuyết phục với chủ doanh nghiệp kí kết các điều khoản có lợi hơn cho lao động nữ như: Chất lượng bữa ăn ca, khám sức khỏe định kỳ, khám thai, thời gian làm việc của lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và các hỗ trợ khác...

Đồng thời, để bảo vệ được các quyền đối với nữ công nhân lao động, các ban nữ công quần chúng khu vực này đã tham gia giám sát việc thực hiện tổng thể các nhóm quyền khác nhau, như quyền nghỉ thai sản, con đau ốm, khám thai định kỳ, nâng mức ăn ca của lao động nữ mang thai, hỗ trợ tiền sữa, được giúp đỡ, hỗ trợ một phần chi phí gửi con ở nhà trẻ, mẫu giáo, bảo đảm được sự hài hòa vai trò của lao động nữ.

Các phong trào thi đua như “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” gắn với phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” được ban nữ công tích cực tham mưu triển khai có hiệu quả. Hàng năm, tỷ lệ gia đình nữ lao động đạt gia đình văn hóa trên 98%; tỷ lệ nữ đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trên 90% so với tổng số chị em đăng ký danh hiệu.[5]

Bên cạnh đó, nhiều ban nữ công đã chủ động xây dựng các mô hình hoạt động phù hợp với nhu cầu nguyện vọng cho lao động nữ tại đơn vị; đồng thời, tích cực vận động lao động nữ tại đơn vị tham gia hưởng ứng các phong trào, chương trình do công đoàn cấp trên phát động như: Phong trào “Nuôi heo đất - Trao yêu thương”, mô hình “Quyết tiết kiệm xoay vòng”, chương trình “Áo dài trao yêu thương”.

Tuy nhiên, việc kiện toàn về tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của ban nữ công doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua còn nhiều tồn tại, hạn chế, ảnh hưởng đến việc chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của lao động nữ trong khu vực này.

Đó là, tỷ lệ thành lập ban nữ công quần chúng khu vực này còn thấp. Một số ban nữ công quần chúng đã được thành lập, nhưng hoạt động còn hình thức, hiệu quả chưa cao, chưa chủ động tham mưu cho ban chấp hành công đoàn cùng cấp tổ chức các hoạt động trong lao động nữ.

Nhiều cán bộ nữ công ở khu vực ngoài nhà nước còn hạn chế về năng lực, kỹ năng hoạt động, cán bộ chủ yếu kiêm nhiệm, thiếu ổn định, không có thời gian đầu tư cho hoạt động nữ công nên thiếu chủ động đề ra chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết

phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị. Đa số chưa mạnh dạn đề xuất với ban chấp hành trong việc nâng cao chất lượng hoạt động nữ công.

Việc thực hiện tổ chức các hoạt động tuyên truyền chế độ chính sách cho lao động nữ tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước còn gặp nhiều khó khăn.

Những hạn chế, tồn tại trên do nhiều nguyên nhân.

Trước hết, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ (chiếm trên 70%) [6], sản xuất kinh doanh không ổn định. Hơn nữa, tình hình dịch bệnh, thiên tai làm cho nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động. Vì thế việc làm của người lao động không ổn định nên ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phát triển đoàn viên và thành lập công đoàn cơ sở. Một số doanh nghiệp đủ điều kiện nhưng tìm cách né tránh, trì hoãn việc thành lập tổ chức công đoàn. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp có số lao động nữ ít không đủ điều kiện thành lập ban nữ công quần chúng.

Hai là, một số ban chấp hành công đoàn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ban nữ công quần chúng và chưa thực sự làm tốt vai trò chỉ đạo trực tiếp đối với hoạt động của ban nữ công. Một số đơn vị chưa quan tâm đến công tác giám sát các chế độ chính sách liên quan đến lao động nữ.

Ba là, những năm gần đây, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên các lớp tập huấn công tác nữ công cho cán bộ chủ chốt công đoàn và trưởng ban nữ công công đoàn doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước của một số đơn vị không tổ chức được theo kế hoạch đề ra. Vì thế tỷ lệ cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp và trưởng ban nữ công công đoàn doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước được tập huấn nghiệp vụ công tác nữ công không cao: năm 2020 là 44%, năm 2021 là 25%. [7]

Bốn là, điều kiện vật chất, thời gian, kinh phí chưa đảm bảo cho hoạt động nữ công nhất là những công đoàn cơ sở có ít đoàn viên.

Để nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của ban nữ công quần chúng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trong thời gian tới các cấp công đoàn cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, cần tích cực khảo sát nắm tình hình hoạt động của doanh nghiệp, công nhân lao động trên địa bàn, đặc biệt là những doanh nghiệp có đủ điều kiện thành lập công đoàn cơ sở để có kế hoạch tập trung tuyên truyền, vận động thành lập. Chú trọng vận động phát triển đoàn viên ở những doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn nhưng có nhiều lao động chưa gia nhập tổ chức công đoàn. Kịp thời thành lập ban nữ công quần chúng ở các đơn vị đủ điều kiện.

Thứ hai, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của ban chấp hành công đoàn doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, nhất là người đứng đầu trong chỉ đạo hoạt động của ban nữ công quần chúng. Khi giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền lợi của nữ công nhân lao động phải mời đại diện của ban nữ công tham gia. Đưa chương trình công tác nữ công vào nghị quyết đại hội và chương trình công tác hàng năm. Bố trí kinh phí và huy động thêm từ doanh nghiệp, các nguồn hỗ trợ khác cho hoạt động nữ công.

Thứ ba, ban chấp hành công đoàn các cấp tiếp tục quan tâm toàn diện và chỉ đạo sâu sát hơn đối với công tác vận động lao động nữ và hoạt động của ban nữ công quần chúng khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước; quan tâm đầu tư kinh phí cho hoạt động nữ công theo quy định; xây dựng và nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo để các hoạt động nữ công được tổ chức sinh động hơn, thiết thực, phù

hợp với đời sống, điều kiện làm việc của lao động nữ.

Thứ tư, ban chấp hành công đoàn cơ sở doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước thường xuyên củng cố, kiện toàn ban nữ công; đẩy mạnh việc phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các hoạt động chăm lo cho lao động nữ. Đổi mới nội dung, hình thức hoạt động nữ công cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể và tạo sức hấp dẫn, thu hút nhiều lao động nữ tự nguyện tham gia. Tổ chức phát động sâu rộng trong lao động nữ phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, tổng kết khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong phong trào.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của lao động nữ. Quan tâm củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ nữ công quản chúng đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và thường xuyên tập huấn nghiệp vụ công tác nữ công để bổ sung, cập nhật kiến thức mới.

Thứ sáu, chủ động phối hợp kiểm tra, giám sát các đơn vị, doanh nghiệp có đông lao động nữ và tổng hợp được nhiều ý kiến, đề nghị các cấp có thẩm quyền và người sử dụng lao động để có biện pháp giải quyết kịp thời, thỏa đáng các nhu cầu chính đáng của lao động nữ, đảm bảo duy trì và cải thiện mức sống và điều kiện lao động cho lao động nữ. Các cấp công đoàn tích cực tham gia xây dựng thoả ước lao động tập thể, thuyết phục với chủ doanh nghiệp ký các điều khoản có lợi hơn cho lao động nữ, cao hơn so với quy định của pháp luật.

Thứ bảy, nâng cao trách nhiệm tham mưu, tổ chức hoạt động của ban nữ công quản chúng ở các doanh nghiệp, phải xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động và duy trì sinh hoạt

thường xuyên theo quy chế. Cán bộ nữ công phải sâu sát lao động nữ, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của lao động nữ để kịp thời tham mưu, đề xuất với ban chấp hành công đoàn cơ sở. Phát huy vai trò của ban nữ công và khuyến khích ý tưởng của đoàn viên trong việc đề xuất nội dung có lợi hơn cho lao động nữ, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với lao động nữ.

Thành lập, kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của ban nữ công quản chúng doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước là yêu cầu khách quan, là một trong những nội dung quan trọng nhằm góp phần thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác phụ vận và thực hiện mục tiêu đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn Việt Nam trong tình hình mới. Do vậy trong thời gian đến, các cấp công đoàn tỉnh Quảng Trị cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng kế hoạch phù hợp, xác định các giải pháp để kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của ban nữ công quản chúng doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, có chiều sâu, nhằm phát huy vai trò của đội ngũ lao động nữ trong sự nghiệp xây dựng quê hương Quảng Trị ngày càng giàu đẹp.

Tài liệu tham khảo:

[1], [3], [4], [5], [7]. Báo cáo 368/BC-LĐLĐ của Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Trị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 12b/NQ-BCH ngày 12/7/2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (Khóa XI) về Ban Nữ công quản chúng doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước

[2]. Điều lệ Công đoàn Việt Nam năm 2020

[6]. Báo cáo số 308/BC-LĐLĐ, ngày 9/8/2021 của Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Trị sơ kết 5 năm thực hiện Đề án phát triển tổ chức đảng, đảng viên và các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM MỚI VỀ ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII VÀO GIẢNG DẠY BÀI 9 MÔN ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TS. Trần Thanh Thủy
Khoa Xây dựng Đảng

1. Những quan điểm mới về đối ngoại của Đảng trong văn kiện Đại hội XIII

1.1. Lợi ích quốc gia - dân tộc luôn được quan tâm và xác định là mục tiêu trọng yếu trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Báo cáo chính trị Đại hội XII nêu rõ nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại: “*Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi*” [1]. Báo cáo chính trị Đại hội XIII có cách nhìn nhận và xác định rõ hơn: “*Đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi*” [2].

Có thể nói, lợi ích quốc gia - dân tộc bao gồm rất nhiều yếu tố: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau của các quốc gia ngày càng tăng lên, tất cả các nước đều chịu sự ràng buộc bởi luật chơi chung. Trong môi quan hệ phức tạp đó, các quốc gia phải vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau, quốc gia nào chỉ quan tâm theo đuổi lợi ích vị kỷ của đất nước mình thì tất yếu sẽ dẫn tới căng thẳng, đối đầu với các quốc gia khác.

1.2. Xác định rõ hơn vai trò của hoạt động đối ngoại

Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: “*Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước*” [3]. Văn kiện đã xác định cụ thể và sâu sắc vị trí, vai trò của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, làm sáng rõ hơn nhiệm vụ

trọng yếu của công tác đối ngoại. Trong bối cảnh thế giới đầy biến động như hiện nay, công tác đối ngoại cần giữ vai trò tiên phong trong việc giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đối ngoại để phục vụ đối nội. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

1.3. Xác định chủ trương mới trong xây dựng nền ngoại giao và đội ngũ cán bộ đối ngoại

Báo cáo chính trị Đại hội XII nêu rõ: “*...đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp*” [4]. Đến Đại hội XIII, Báo cáo chính trị đã xác định: “*Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân*” [5]. Đây là bước tiến mới có tính đột phá đối với hoạt động đối ngoại.

Cùng với việc chú trọng xây dựng nền ngoại giao hiện đại, Đại hội XIII còn xác định về vấn đề công tác đội ngũ cán bộ: “*Nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế...*” [6].

1.4. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng

Trong văn kiện Đại hội XII, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương: Triển khai mạnh mẽ

định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn và xác định những định hướng và nhiệm vụ sâu rộng hơn về hội nhập quốc tế. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: “*Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước*” [7].

Như vậy, trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn các đặc điểm của môi trường quốc tế, các hệ thống công cụ, quyền lực được sử dụng để chi phối, kiểm soát và vận dụng linh hoạt trong quá trình hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Để thực hiện hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng cần phải tăng cường nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc.

1.5. Chủ động, tích cực đóng góp đối với các hoạt động quốc tế

Văn kiện Đại hội XII nhấn mạnh việc chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Liên hợp quốc. Nhằm cụ thể hóa hơn và nâng cao tính chủ động, tích cực, hiệu quả các hoạt động quốc tế, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nêu rõ: “*Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết*” [8].

2. Vận dụng quan điểm mới về đối ngoại của Đảng trong văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy Bài 9 môn Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Bài 9: Đường lối, chính sách đối ngoại là bài học cần vận dụng triệt để và toàn diện những quan điểm mới về quan hệ đối ngoại của Đảng trong văn kiện Đại hội XIII nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy chương trình trung cấp lý luận chính trị. Giảng viên cần đặc biệt chú ý vận dụng linh hoạt và sáng tạo những điểm mới vào giảng dạy mục 3. Những nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Giảng viên nhấn mạnh một số điểm quan trọng: Trong hoạt động đối ngoại phải bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Tạo cho nền ngoại giao Việt Nam một bản sắc riêng - bản sắc ngoại giao “*cây tre*”, “*gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển*” [9], mềm dẻo, rộng mở, hòa hiếu, bao dung.

Hoạt động đối ngoại phải góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; góp phần quan trọng trong việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, hợp tác và đấu tranh, bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, từ khi nước còn chưa nguy... Đối ngoại phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc là tối cao song Việt Nam không từ bỏ chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Trái lại, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định nhiệm vụ của đối ngoại là góp phần vào cuộc đấu tranh vì mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Cần mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, thúc đẩy phát triển quan hệ với các nước lớn, các nước trong khu vực và bạn bè truyền thống; tăng cường đấu tranh trên các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, sắc tộc, “*diễn biến hòa bình*”; thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại; phát huy vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại và văn hóa đối ngoại. Trong xử lý tình huống cần ba tránh: Tránh bị cô lập, tránh xung đột, tránh đối đầu.

Đến tháng 12/2021, Việt Nam có quan hệ với 189/193 quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc; Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 30 nước. Đảng Cộng sản Việt Nam đã thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia, Quốc hội Việt Nam có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 nước, các đoàn thể, tổ chức nhân dân có quan hệ với hàng nghìn tổ chức nhân dân và phi chính phủ nước ngoài. Nước ta quan hệ thương mại với 224 thị trường và đối tác; 71 nước đã công nhận quy chế thị trường cho Việt Nam[10].

Tăng cường củng cố, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại Nhân dân, tạo nền tảng xã hội hữu nghị hợp tác giữa Nhân dân ta với nhân dân các nước. Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức nhân dân với vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội khác trong hoạt động đối ngoại. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao các cơ chế phối hợp liên ngành; nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại.

Về kinh tế đối ngoại, cần coi trọng quan điểm vừa kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vừa giữ vững độc lập và giữ vững chủ quyền quốc gia dân tộc. Tiếp tục chủ động nâng cao năng lực hội nhập quốc tế để tận dụng tối đa các cơ hội, nhất là các hiệp định thương mại tự do đã ký kết (CPTPP, EVFTA, UKVFTA...). Tiếp tục hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực chính

trị, quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Tóm lại: Từ những quan điểm mới về đối ngoại của Đảng trong văn kiện Đại hội XIII giảng viên có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong quá trình giảng dạy Bài 9 môn Đường Lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy chương trình trung cấp lý luận chính trị. Giảng viên nên trích dẫn nguyên văn nội dung về quan hệ đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XII cũng như các đại hội trước đó và văn kiện Đại hội XIII để học viên có thể thấy rõ những điểm mới trong văn kiện Đại hội XIII, từ đó cập nhật, hiểu rõ, nắm chắc những nội dung kiến thức của các bài học. Đây cũng là hoạt động được quán triệt thường xuyên tại Trường Chính trị Lê Duẩn./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 153.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 161-162.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Sđd, tr. 162.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr. 156.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Sđd, tr. 162.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Sđd, tr. 165.

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Sđd, tr. 164.

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Sđd, tr. 164.

[9]. Nguyễn Phú Trọng: “*Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc*”, Tạp chí Cộng sản, số 980, tháng 12-2021, tr. 8.

[10]. Phạm Bình Minh (2021), Báo cáo Thành tựu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối ngoại theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Hà Nội, tr. 5-8.

VẬN DỤNG NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG NỘI DUNG KẾT LUẬN SỐ 21-KL/TW, NGÀY 25/10/2021 CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 4 KHÓA XIII VÀO GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh
Khoa Lý luận cơ sở

Công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng ta đặc biệt coi trọng và khẳng định đây là nhiệm vụ then chốt, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Hội nghị Trung ương 4 khóa XI đã ban hành Nghị quyết về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Hội nghị Trung ương 4 khóa XII ban hành Nghị quyết về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” và Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII ban hành Kết luận số 21-KL/TW về “Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa””. Trong đó, Kết luận số 21-KL/TW có nhiều điểm mới điều chỉnh, bổ sung so với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII.

Đối với giảng viên trường chính trị, việc nắm vững và vận dụng những điểm mới trong Kết luận số 21-KL/TW vào bài giảng là hết sức cần thiết. Trên bục giảng, thông qua việc lồng ghép Kết luận số 21-KL/TW vào bài giảng của mình, giảng viên tuyên truyền đến đông đảo đội ngũ cán bộ, đảng viên là học viên của nhà trường, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái

về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Là giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, giảng dạy chuyên ngành Triết học Mác - Lênin, bản thân nhận thấy có thể vận dụng những điểm mới trong Kết luận số 21-KL/TW lồng ghép vào trong bài giảng ở một số nội dung sau:

Giảng viên có thể vận dụng những điểm mới trong Kết luận số 21-KL/TW đưa vào nội dung mối quan hệ giữa vật chất và ý thức để minh chứng rằng khi điều kiện, hoàn cảnh hiện thực khách quan thay đổi thì nội dung phản ánh của ý thức cũng thay đổi theo; ý thức phản ánh đúng thực tế khách quan thì tác động theo chiều hướng tích cực, giúp hành động của con người đi đúng hướng, đúng đường, cải tạo hiện thực khách quan. Đồng thời, giảng viên cũng có thể dẫn chứng ở nội dung bài Lý luận nhận thức để học viên thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, việc bổ sung, phát triển lý luận luôn xuất phát từ thực tiễn cuộc sống, thực tiễn là mục đích của nhận thức lý luận, nhận thức lý luận soi đường cho cải tạo thực tiễn. Những điểm mới trong Kết luận tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII cho thấy Đảng ta luôn quán triệt quan điểm khách quan và quan điểm thực tiễn của Triết học Mác - Lênin. Ngoài ra, việc bổ sung những điểm mới còn cho thấy Đảng ta quán triệt quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử - cụ thể, xem xét vấn đề thực tiễn nước ta hiện nay, có cái nhìn toàn diện hơn về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, về sự suy thoái về tư

tướng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên. Từ đó, Đảng ta quán triệt quan điểm phát triển và xây dựng các giải pháp phù hợp. Những điểm mới trong Kết luận số 21-KL/TW và sự vận dụng cụ thể trong giảng dạy triết học Mác - Lênin như:

Điểm mới thứ nhất về mở rộng phạm vi, Kết luận 21 không chỉ đề cập đến xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà còn bao gồm cả xây dựng hệ thống chính trị. Đây là một yêu cầu khách quan vì Đảng ta giữ vai trò lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội nhưng Đảng không đứng ngoài hệ thống chính trị, không phải là nhân tố độc lập hoàn toàn với hệ thống chính trị. Vì vậy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng cũng cần phải coi trọng việc xây dựng hệ thống chính trị, theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Điểm này giảng viên có thể vận dụng vào giảng Triết học ở phần quan điểm toàn diện để minh chứng rằng Đảng ta đã có sự phát triển về nhận thức và có cái nhìn toàn diện hơn.

Điểm mới thứ hai là việc bổ sung, làm rõ hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái. Điểm này được thể hiện ngay trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 4 của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *“cùng với ngăn chặn, đẩy lùi thì phải chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm minh sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những hành vi tham nhũng, tiêu cực...”*. Đồng thời, bổ sung, làm rõ hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “tiêu cực” sát hợp tình hình mới. Trong đó nhấn mạnh, nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin; nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; sa sút về ý chí

chiến đấu, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; thậm chí còn phụ họa theo những nhận thức, quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc xây dựng Đảng và tổ chức sinh hoạt đảng. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống thể hiện ở chỗ: *Sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, hám quyền lực, tham nhũng, tiêu cực; bè phái cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của dân”*. Đây chính là những bổ sung làm rõ thêm những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên mà Đại hội XIII đã đánh giá *“Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, còn hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; một số ít hoang mang, dao động, mất lòng tin; cá biệt còn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng”*.

Với điểm mới này, giảng viên có thể vận dụng vào giảng dạy Triết học phần quan điểm khách quan, quan điểm thực tiễn. Đặc biệt, giảng viên nên đưa điểm mới này vào giảng ở nội dung đấu tranh giai cấp, trong đó đòi hỏi chúng ta phải nhận diện các biểu hiện suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và phải kiên quyết đấu tranh làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Có như vậy mới củng cố được niềm tin của nhân dân vào cán bộ, đảng viên, vào Đảng, Nhà nước, qua đó mới làm thất bại được các âm mưu chống phá, các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, đồng thời cũng có thể vận dụng vào nội dung Nhà nước ở phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân với đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức trong bộ máy nhà nước phải “vừa

hồng”, “vừa chuyên”; hoặc vận dụng vào bài Ý thức xã hội, bài Triết học con người để liên hệ những giải pháp nhằm xây dựng con người Việt Nam với ý thức xã hội mới đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, trong đó có đội ngũ cán bộ, đảng viên phải nêu gương đi đầu.

Điểm mới trong nhiệm vụ, giải pháp, Kết luận Trung ương 4 khóa XIII chỉ rõ phải tiến hành đồng bộ và quyết liệt hơn nữa nhiều công việc cụ thể, thiết thực, tập trung vào các nhóm nhiệm vụ, giải pháp mà Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã đề ra; đồng thời bổ sung nhấn mạnh 2 nhóm nhiệm vụ, giải pháp mới. Thứ nhất, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu. Thứ hai, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý nghiêm cán bộ vi phạm. Tập trung vào phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Đối với điểm mới này, giảng viên cũng có thể vận dụng lồng ghép vào phần quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển và cũng có thể lồng ghép vào phần đấu tranh giai cấp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân như ở nội dung trên.

Tuy nhiên, để có thể vận dụng có hiệu quả những điểm mới trong Kết luận số 21-KL/TW vào giảng dạy Triết học Mác - Lênin, yêu cầu đặt ra cho mỗi giảng viên nói chung, giảng viên giảng dạy Triết học Mác - Lênin nói riêng cần phải:

Thứ nhất, yêu cầu đặt ra với giảng viên Triết học là không những nắm vững chuyên môn mà mỗi giảng viên còn phải biết lồng ghép, vận dụng nội dung Kết luận số 21-KL/TW vào từng phần giảng mà không bị lúng túng.

Thứ hai, mỗi giảng viên nói chung và giảng viên Triết học nói riêng phải nghiên cứu thật kỹ nội dung Kết luận số 21-KL/TW,

so sánh nội dung Kết luận với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, từ đó chỉ ra điểm mới trong Kết luận.

Thứ ba, khi vận dụng các điểm mới trong Kết luận vào bài giảng Triết học, giảng viên phải lồng ghép đúng nội dung, phù hợp; phải đảm bảo truyền tải đúng nội dung lý luận Triết học và lấy dẫn chứng trong Kết luận 21-KL/TW phù hợp.

Thứ tư, giảng viên cần áp dụng nhiều phương pháp lồng ghép những điểm mới trong Kết luận vào bài giảng. Có thể lồng ghép trực tiếp khi thuyết giảng hoặc trong giờ thảo luận, giảng viên có thể cho học viên nghiên cứu nội dung Kết luận 21-KL/TW. Sau đó, yêu cầu học viên chỉ ra những điểm mới trong Kết luận so với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và yêu cầu học viên chỉ ra quan điểm triết học thể hiện trong những điểm mới ấy là gì. Với phương pháp thảo luận này sẽ giúp học viên chịu khó tư duy, tương tác với giảng viên, buổi thảo luận sẽ sôi nổi hơn và mang lại hiệu quả cao hơn, học viên vừa nắm được kiến thức Triết học, vừa nắm được nội dung những điểm mới trong Kết luận 21-KL/TW.

Để Kết luận 21-KL/TW đi vào cuộc sống thiết thực, hiệu quả, đòi hỏi phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trong đó có vai trò không nhỏ của đội ngũ giảng viên trường chính trị. Mỗi giảng viên trường chính trị nói chung và giảng viên giảng dạy Triết học nói riêng cần nắm vững những nội dung cơ bản, cốt lõi của Kết luận; nhận thức rõ trách nhiệm của mình; tích cực trong công tác tuyên truyền, lồng ghép vào bài giảng; gương mẫu trong triển khai thực hiện Kết luận với tinh thần quyết liệt, quyết tâm cao nhất, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ đức, đủ tài, đủ bản lĩnh chính trị, ngang tầm nhiệm vụ./.

VẬN DỤNG CÁC ĐIỂM MỚI VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CỦA ĐẠI HỘI XIII VÀO GIẢNG DẠY MÔN HỌC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ThS. Trần Văn Toàn
Khoa Xây dựng Đảng

Cán bộ và công tác cán bộ là một trong những nội dung quan trọng, luôn được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Từ khi thành lập cho đến nay, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm giáo dục, đào tạo, huấn luyện cán bộ. Người khẳng định: “Cán bộ là gốc của mọi công việc”, “Muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém” và “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”. Xuất phát từ vai trò quan trọng đó, Đảng ta đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết về xây dựng đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đang đặt ra. Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng đã xác định tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, trong đó “*xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết*”(1).

Xuất phát từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm. Bài học kinh nghiệm đầu tiên là về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị, trong đó nhấn mạnh: “...*công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn*

diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”. Đồng thời, trong Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng khi rút ra các bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng thì bài học thứ ba được khẳng định là: “*phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt” của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân*”.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII đã nhấn mạnh xây dựng Đảng về cán bộ. Đây là bước phát triển về nhận thức của Đảng ta. Đồng thời, Đại hội cũng xác định rõ: “*Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ...*”. (2)

Trong các nhiệm vụ, giải pháp công tác xây dựng Đảng được nêu tại Đại hội XIII đã bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp mới trong xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu cụ thể như sau:

Thứ nhất, về yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, Đại hội XIII xác định: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến

lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết.

Thứ hai, về trách nhiệm của người đứng đầu và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, Đại hội xác định: Xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; thực hiện tốt quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; xử lý nghiêm minh, đồng bộ kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ có vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Thứ ba, về cơ chế, chính sách, Đại hội xác định: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ phấn đấu, toàn tâm, toàn ý với công việc. Coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ. Kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” và lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng để xuyên tạc sự thật, kích động, gây rối, chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ.

Những quan điểm của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ được nêu trong các văn kiện Đại hội XIII, chính là những định hướng, những quan điểm có tính chất chỉ đạo đòi hỏi các cấp, các ngành và toàn thể cán bộ, đảng viên phải nhận thức đầy đủ và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong cùng tham gia công

tác xây dựng Đảng về cán bộ để góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Trường chính trị Lê Duẩn là trung tâm đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên của tỉnh. Cho nên, việc cập nhật để kịp thời đưa các chủ trương, đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng nói chung, quan điểm của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII về xây dựng đội ngũ cán bộ vào trong các bài giảng là yêu cầu tất yếu của giảng viên để vừa góp phần đưa nghị quyết vào cuộc sống, nhưng đồng thời cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - một trong những khâu quan trọng của công tác cán bộ.

Trong các môn học thuộc chương trình Trung cấp lý luận chính trị ở trường chính trị thì môn học Xây dựng Đảng gồm 9 bài học. Đây là môn học quan trọng nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển và xây dựng Đảng Cộng sản và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam; những bài học, những quan điểm chỉ đạo cơ bản trong công tác xây dựng Đảng để từ đó giúp người học củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý chí và hành động cách mạng trong thực hiện mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra và lãnh đạo Nhân dân thực hiện, đồng thời có hướng suy nghĩ vận dụng những bài học kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng vào thực tiễn ở địa phương đơn vị.

Trong đó, để phân tích làm rõ được quá trình ra đời, tồn tại, phát triển và xây dựng Đảng Cộng sản và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với cách mạng thì đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải thấm nhuần những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ

tịch Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng nói chung và những vấn đề về cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ nói riêng. Bởi vì, chính cán bộ, đảng viên là lực lượng cấu thành nên tổ chức của Đảng và đóng vai trò quan trọng để tạo nên sức mạnh của Đảng trong quá trình tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng trong các thời kỳ. Vì vậy, quán triệt, vận dụng các nghị quyết của Đảng về cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, Nghị quyết Đại hội XIII nói riêng trong giảng dạy môn học Xây dựng Đảng là một yêu cầu tất yếu, đòi hỏi trong từng bài giảng, giảng viên phải lồng ghép phân tích để vừa làm rõ được vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ đối với từng chặng đường xây dựng, phát triển của Đảng gắn với những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam, nhưng đồng thời cũng phải truyền tải những quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhất là các quan điểm trong Văn kiện Đại hội XIII về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ để mỗi học viên – những cán bộ lãnh đạo và nguồn cán bộ lãnh đạo của các địa phương, đơn vị nắm được, để từ đó liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong thực tiễn công tác. Tuy nhiên, ở mỗi bài khác nhau thì nội dung, mức độ liên hệ vận dụng và cách thức truyền tải nội dung có sự khác nhau để phù hợp với mục tiêu của từng bài trong môn học. Cụ thể:

Ngay trong bài đầu tiên của môn Xây dựng Đảng là “Học thuyết Mác – Lênin về Đảng Cộng sản”, đây là bài học đầu tiên cung cấp những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về quá trình ra đời, tồn tại, phát triển và xây dựng Đảng Cộng sản, vì vậy, để làm rõ được những nội dung trên đòi hỏi giảng viên phải làm rõ được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng Cộng sản đối

với quá trình lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động giành lấy chính quyền từ giai cấp tư sản. Để thành lập được Đảng Cộng sản và thực hiện được mục tiêu giành lấy chính quyền, thì theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin việc chuẩn bị được đội ngũ cán bộ là cực kỳ quan trọng. C. Mác khẳng định: “Muốn thực hiện tư tưởng cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn”. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay trong quá trình chuẩn bị những điều kiện thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã rất chú trọng việc chuẩn bị tiền đề về tổ chức và cán bộ cho việc thành lập Đảng cộng sản ở nước ta thông qua việc lựa chọn những thanh niên ưu tú để dìu dắt, định hướng con đường hoạt động cách mạng cho họ, đồng thời thông qua Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên để mở các lớp huấn luyện cho thanh niên yêu nước và lựa chọn những thanh niên ưu tú cử đi học ở Trường Đại học Phương Đông của Liên Xô, Trường Quân sự Hoàng Phố của Trung Quốc. Chính vì vậy, ngay khi mới vừa ra đời, Đảng đã có đội ngũ cán bộ cốt cán làm nòng cốt để không ngừng xây dựng, phát triển hệ thống tổ chức của Đảng và tuyên truyền, vận động, tổ chức lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Đây chính là một trong những cơ sở thực tiễn cho việc sau này trong quá trình lãnh đạo cách mạng, công tác cán bộ luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng coi là gốc của mọi công việc và đến Đại hội XIII đã khẳng định việc xây dựng đội ngũ cán bộ “là then chốt của then chốt”.

Các bài tiếp theo khi đề cập đến công tác xây dựng Đảng giảng viên phải lồng ghép và lựa chọn những thông tin phù hợp truyền tải đến học viên và trao đổi, thảo luận với học viên để chứng minh, phân tích làm rõ được sự

quan tâm đặc biệt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ trong các thời kỳ cách mạng và vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong từng chặng đường xây dựng, phát triển của Đảng. Trong đó, giảng viên cần phân tích một cách sâu sắc và khẳng định vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ đối với các lĩnh vực, các nội dung trong công tác xây dựng Đảng cũng như những thành tựu cơ bản của dân tộc ta, đất nước ta đã đạt được suốt 92 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nếu không có đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc thì chúng ta không thể có được những thành quả như ngày hôm nay.

Trong bài 6 “Công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng” giảng viên cần làm rõ được vai trò của đội ngũ cán bộ, các quan điểm cơ bản của C. Mác, V.I. Lênin, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về cán bộ và công tác cán bộ, nhất là những quan điểm của Đại hội XIII về xây dựng đội ngũ cán bộ, để học viên thấy được Đại hội XIII đã có sự quán triệt và vận dụng sáng tạo và kế thừa những tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc đề ra các quan điểm xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ hiện nay phải có *“bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết”*(3) Đặc biệt, khi phân tích về thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên phải làm rõ những ưu điểm, hạn chế của đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ cơ sở nói riêng để từ đó nhấn mạnh các quan điểm, các nhiệm vụ, giải pháp của Đại hội

XIII về xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời gian tới để học viên liên hệ với trách nhiệm của bản thân và với tổ chức đảng nơi học viên đang sinh hoạt, công tác. Mặt khác giảng viên cần liên hệ với thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ ở tỉnh Quảng Trị hiện nay để từ đó rút ra những ưu điểm, hạn chế cũng như những bài học kinh nghiệm trong công tác cán bộ của tỉnh Quảng Trị từng bước hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, uy tín, năng lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII đã đề ra. Bên cạnh đó, giảng viên cần tăng cường trao đổi với học viên về những kinh nghiệm của các địa phương, đơn vị mình trong thực hiện công tác cán bộ và những vấn đề đang đặt ra trong xây dựng đội ngũ cán bộ ở các địa phương, đơn vị hiện nay.

Tóm lại, Đại hội XIII nhấn mạnh nội dung xây dựng Đảng về cán bộ chính là sự kế thừa và nhất quán trong quan điểm của Đảng về việc coi xây dựng đội ngũ cán bộ là gốc, “là then chốt của then chốt” trong công tác xây dựng Đảng, đồng thời cũng cho thấy quyết tâm của Đảng trong thực hiện xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu cách mạng trong thời kỳ mới. Để hiện thực hoá quyết tâm của Đảng, đòi hỏi tất cả các cấp, các ngành và mọi cán bộ, đảng viên phải quán triệt sâu sắc để thực hiện, trong đó giảng viên trường chính trị phải là những người tiên phong góp phần quan trọng đưa nghị quyết vào trong cuộc sống./.

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII, NXB Sự thật, Hà Nội, 2021, t I, tr.187
2. Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII, NXB Sự thật, Hà Nội, 2021, t II, tr.242.
3. Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII, NXB Sự thật, Hà Nội, 2021, t II, tr.187.

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO THANH NIÊN

CN. Hoàng Thị Thu

Khoa Lý luận cơ sở

Trong thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt đánh giá rất cao vị trí, vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng: “Thanh niên là bộ phận quan trọng của dân tộc” là lực lượng kế cận, là người chủ tương lai của đất nước, “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”¹. Vì vậy, trong mọi hoàn cảnh, ở mỗi thời kỳ cách mạng, Hồ Chí Minh luôn chú trọng giáo dục thanh niên trên tất cả các mặt, trong đó Người coi giáo dục, nâng cao nhận thức lý luận Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước cho thanh niên là một việc rất quan trọng và cần kíp.

Theo Hồ Chí Minh, để hoàn thành tốt vai trò, sứ mệnh của mình, thanh niên cần ra sức học tập về mọi mặt, trong đó Người đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị. Bởi theo Người, lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử, “lý luận như cái chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”, “Chính trị là linh hồn, chuyên môn là thể xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn”² và “không có chính trị thì như người nhắm mắt mà đi”³. Hồ Chí Minh đã nêu ra một hệ thống các quan điểm toàn diện từ vị trí, vai trò, nội dung, phương pháp, nguyên tắc giáo dục cho đến thái

độ, động cơ học tập lý luận chính trị:

Về vai trò của giáo dục lý luận chính trị:

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước là một nhu cầu thiết yếu, là nhu cầu nội tại của sự vận động và phát triển của Đoàn Thanh niên cộng sản. Nhu cầu này theo Hồ Chí Minh được quy định bởi các lý do sau:

Một là, giáo dục lý luận chính trị là một hình thức nâng cao giác ngộ lý tưởng cách mạng để tăng thêm niềm tin vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, tiền đồ của cách mạng, của dân tộc bằng các cơ sở khoa học. Niềm tin vào Đảng, vào dân tộc là tiền đề quan trọng để thanh niên vượt khó hoàn thành nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh; việc xác lập được công cụ nhận thức đúng đắn giúp thanh niên giải quyết tốt công việc trong môi trường xã hội ngày càng nhiều biến động.

Hai là, nhờ có một nền tảng lý luận chính trị vững chắc mà thanh niên mới nhận thức đúng đắn được tình hình và nhiệm vụ, mới có đủ bản lĩnh tham gia các phong trào cách mạng. Lý giải vì sao phải học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối của Đảng, Hồ Chí Minh nói rõ: “Vì có nắm vững đường lối cách mạng mới thấy rõ phương hướng tiến lên, mới hiểu rõ mình phải làm gì và đi theo phương hướng nào để thực hiện mục đích của Đảng trong giai đoạn cách mạng

hiện nay”⁴.

Ba là, giáo dục và học tập lý luận chính trị là biện pháp tốt nhất để hạn chế và khắc phục những sai lầm trong chỉ đạo thực tiễn, nhất là bệnh nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Bởi theo Người: “Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: Kém lý luận, hoặc khinh lý luận hoặc lý luận suông”⁵.

Bốn là, giáo dục và học tập lý luận chính trị là một phương thức để nâng cao nhận thức về đạo đức cách mạng, không ngừng tu dưỡng đạo đức cách mạng cho thanh niên. Bởi vì có thâm nhuần đạo đức cách mạng thì thanh niên mới không quản khó khăn, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng giao phó.

Từ việc xác định rõ mục đích, vai trò của việc giáo dục và học tập lý luận chính trị, Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên “phát huy tinh thần cầu học, cầu tiến bộ”, phải chịu khó học tập lý luận Mác - Lênin, học tập đường lối, chính sách của Đảng, đồng thời phải học tập văn hoá, kỹ thuật và nghiệp vụ để đáp ứng mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Về nội dung giáo dục: Giáo dục lý luận Mác - Lênin cho thanh niên, đó là phép biện chứng duy vật, những nguyên lý phổ biến trong học thuyết khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người yêu cầu thanh niên phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp cách mạng để vận dụng sáng tạo vào việc giải quyết tốt những vấn đề thực tế đặt ra trong công tác cách mạng. Tuy từng thời kỳ cách mạng, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, Hồ Chí Minh xác định nội

dung cơ bản trong giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, theo Người, phải dạy và học những vấn đề liên quan đến cách mạng thuộc địa, giành chính quyền, tổ chức, vận động, tập hợp quần chúng, xây dựng chế độ dân chủ mới.

Về phương pháp giáo dục: Để việc giáo dục và học tập lý luận chính trị có hiệu quả thiết thực, theo Hồ Chí Minh phải có cách học tập đúng, phải lựa chọn phương pháp học tập hiệu quả, nghĩa là phải biết gắn lý luận với thực tiễn công tác, thực hành đường lối, các chính sách của Đảng và Chính phủ, cụ thể phải tham gia phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phong trào thi đua yêu nước... để làm gương, làm đầu tàu lôi cuốn quần chúng tích cực tham gia: “phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo”⁶. Đây là phương pháp giáo dục tốt, thể hiện sự thiết thực, có ích, phù hợp với phương pháp hành động biện chứng của chủ nghĩa Mác.

Một phương pháp đặc thù trong giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên, theo Hồ Chí Minh là không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh xã hội. Việc giáo dục thanh niên phải có sự phối hợp, liên hệ chặt chẽ giữa trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên. Giáo dục trong nhà trường phải đảm bảo “có dân chủ”, nghĩa là trong mọi vấn đề lý luận, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, giữa thầy và trò phải thật thà, cùng nhau nêu ý kiến, trao đổi, thảo luận, tuyệt đối “không nên câu

nệ, hình thức”, “không gò bó”.

Việc giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên phần lớn thuộc về trách nhiệm của Đảng và Nhà nước. Nhằm tránh tình trạng học nhiều mà “không hiểu được”, “nhiều cái khó quá”, Hồ Chí Minh chỉ rõ trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Trung ương, của các cấp ủy Đảng là “phải tìm cách giáo dục chủ nghĩa cho phổ biến”. Người nêu rõ phương pháp dạy: “Dạy dần từ ít đến nhiều, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao. Không tham nhiều, không nhồi sọ. Dạy một cách thiết thực. Lý luận gắn chặt với thực hành”⁷⁷.

Về nguyên tắc giáo dục: Để công tác giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên đạt hiệu quả thiết thực, Hồ Chí Minh nêu ra một số nguyên tắc cơ bản cần phải tuân thủ:

- Phải đảm bảo được tính đảng trong giáo dục, nghĩa là phải tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.

- Nội dung giáo dục phải thiết thực, cụ thể, phải xuất phát từ tình hình cụ thể của đất nước, từng địa phương, từng ngành, phù hợp với trình độ, yêu cầu, nhiệm vụ mà người học cần giải quyết.

- Tuân thủ nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành, nói đi đôi với làm. Bởi theo Người, nếu chỉ biết lý luận mà không biết thực hành “thì cũng là trí thức có một nửa”, lý luận không gắn với thực tiễn là lý luận suông, vô bổ.

- Phải coi nguyên tắc tự học là quan trọng, “Lấy tự học làm cốt”. Người yêu cầu thanh niên phải biết tự động học tập. Đọc tài liệu thì phải biết đọc sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra

và thảo luận cho vỡ lẽ.

Về động cơ, thái độ học tập: Để học tập đạt hiệu quả cao, Hồ Chí Minh chỉ ra một số yêu cầu đối với thanh niên như: Phải nêu cao tinh thần khiêm tốn, thật thà, đào sâu suy nghĩ khi nghiên cứu các tác phẩm của Mác, Lênin; phải tự nguyện, tự giác xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong học tập; phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng; phải bảo vệ chân lý, phải có nguyên tắc, không được ba phải, điều hoà; phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, mạnh dạn phê bình và thật thà tự phê bình.

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với công tác đào tạo, rèn luyện thanh niên của Đảng. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước, của lãnh đạo Trung ương Đoàn việc giáo dục và học tập lý luận chính trị trong thanh niên những năm gần đây đã có nhiều đổi mới từ nội dung, chương trình đến phương pháp dạy và học. Điều đó đã góp phần tạo nên những thanh niên tiên tiến có nhận thức tốt và ý thức chính trị cao, vươn lên lập thân, lập nghiệp, phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc... Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới thì chất lượng giáo dục, học tập lý luận chính trị của thanh niên chưa ngang tầm. Nhìn chung công tác giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập cần được quan tâm giải quyết: Các cấp

uỷ, chính quyền còn chưa thực sự quan tâm đúng mức tới công tác giáo dục lý luận chính trị; Nội dung giáo dục lý luận chính trị còn thiếu về chiều sâu, chưa thiết thực, hình thức giáo dục chưa phong phú, chưa thực sự lôi cuốn, hấp dẫn các tầng lớp thanh niên... Một trong những giải pháp góp phần khắc phục tình trạng trên là trở lại với những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên. Trong đó cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, coi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng là cơ sở quan trọng để xây dựng nội dung giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên.

Thứ hai, đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học lý luận chính trị trong nhà trường, nhằm phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng, thực hành của người học. Sửa đổi nội dung sách giáo khoa, giáo trình cho phù hợp với tình hình mới, nhiệm vụ mới nhằm nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của nội dung chương trình. Đổi mới việc truyền đạt, học tập các nghị quyết, đường lối của Đảng sao cho sinh động, cụ thể dễ hiểu, dễ nhớ và luôn gắn với thực tiễn của địa phương, đơn vị.

Thứ ba, chương trình dạy và học lý luận chính trị của thanh niên cần nhấn mạnh đến những nội dung quan trọng: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung của các nghị quyết đại hội Đảng, pháp luật của Nhà nước, giúp cho thanh niên nhận thức sâu sắc vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng đối với sự

nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tư, việc giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên phải được tổ chức thường xuyên, liên tục, được thực hiện thông qua phong trào cách mạng. Đây là môi trường để rèn luyện thanh niên và kiểm nghiệm kết quả của giáo dục, tuyên truyền sâu rộng thực hiện cuộc vận động “Sống chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”...

Trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động; ở trong nước sự chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, tình trạng xuống cấp, suy thoái về chính trị, tư tưởng của một bộ phận xã hội, đặc biệt là thanh niên... đòi hỏi Đảng ta phải luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị, để đổi mới và tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị nhằm đào tạo một thế hệ thanh niên vừa “hồng”, vừa “chuyên” đáp ứng yêu cầu tình hình mới./.

Tài liệu tham khảo

- 1) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5; tr.216.
- 2) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12; tr.269.
- 3) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10; tr.384.
- 4) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15; tr.115.
- 5) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5; tr.273.
- 6) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5; tr.321-312.
- 7) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8; tr.467.

PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC CỦA HỌC VIÊN TRONG HỌC TẬP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CN. Phạm Thị Như Quỳnh
Khoa Lý luận cơ sở

Trong thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”[1] và chỉ ra rằng “*Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém*”[2]. Vậy nên để xây dựng đội ngũ cán bộ vừa hồng vừa chuyên, có đủ năng lực, trình độ và chuyên môn nghiệp vụ là yêu cầu khách quan, là nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, để thực hiện tốt mục tiêu “*Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”³ thì vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đặt với vai trò, vị trí quan trọng hơn bao giờ hết.

Bên cạnh việc trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thì học tập lý luận chính trị là một yêu cầu, nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài đối với mỗi cán bộ, đảng viên. Thông qua đó hình thành nên thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; những hiểu biết cơ bản về các chủ trương đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống của bản thân và công việc. Không nằm ngoài quy luật chung “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, việc đổi mới phương pháp giảng dạy ở trường chính trị áp

dụng trong nhiều năm qua đã mang lại hiệu quả tích cực.

Với tư cách là chủ thể, trung tâm của quá trình học tập, sự tích cực và sáng tạo của học viên đã được phát huy mang lại những tiết học vô cùng hào hứng, hiệu quả. Bên cạnh đó, vì những lí do khách quan và chủ quan mà trên thực tế việc học tập lý luận chính trị vẫn chưa thật sự tạo được sự hào hứng. Nguyên nhân có thể xuất phát từ những lí do sau:

Thứ nhất, một số ít học viên nhận thức chưa cao về vai trò, nhiệm vụ của việc học tập lý luận chính trị. Vấn đề này đã được Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về *tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”* trong nội bộ đã chỉ ra: “*Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước*”. Biểu hiện như tình trạng: Học viên còn làm việc riêng, vừa học vừa giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, chưa tích cực tham gia trao đổi, thảo luận.

Thứ hai, hầu hết các cán bộ, đảng viên được cơ quan cử đi học đã xác định được thái độ học tập đúng đắn. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số ít học viên chưa chuyên tâm trong việc học tập vì những lí do khác nhau. Đối với các lớp hệ tập trung, học tất cả các

ngày trong tuần, mặc dù đi học là nhiệm vụ chính nhưng bên cạnh đó vì đặc thù cơ quan nên học viên vẫn phải đan xen giải quyết công việc. Vậy nên, vẫn còn hiện tượng học viên ra vào lớp nghe điện thoại từ cơ quan, gia đình, hay đối với lớp học không tập trung, lịch làm việc cả tuần kết hợp học lý luận chính trị vào các ngày cuối tuần khiến một số học viên chưa tích cực trong học tập. Chưa kể đến những lí do từ gia đình, điều kiện xa nhà, phụ nữ có con nhỏ.... đã tác động không nhỏ đến tâm lý, động cơ và thái độ học tập của học viên.

Thứ ba, đa số giảng viên đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực từ đó kích thích tư duy, sự sáng tạo của học viên. Tuy nhiên, vẫn còn một số rất ít tiết học hơi khô khan. Điều này có thể là do sự phân bố thời lượng truyền đạt kiến thức thực tiễn ít hơn kiến thức lý luận nên chưa phát huy được tính tích cực của từ người học.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Đảng phải chống cái thói xem nhẹ học tập lý luận*”⁴ và để nâng cao trình độ lý luận của cán bộ đảng viên góp phần hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ chính trị được giao. Trong tình hình hiện nay, thì việc phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học viên trong học tập lý luận chính trị là hết sức quan trọng, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của học viên về vai trò, mục đích của học tập lý luận chính trị. Mỗi cán bộ đảng viên bên cạnh việc chú trọng đến học tập chuyên môn, nghiệp vụ thì phải coi trọng, tích cực tham gia công tác học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị. Bởi sẽ không có một thực tiễn hoạt động nào hiệu quả, một cán bộ nào “đúng vai, thuộc bài” mà không được trang bị một cơ sở lý luận vững chắc thông qua học tập lý luận chính trị.

Thứ hai, trong quá trình học tập, việc phát huy tính tích cực của học viên cần thực hiện trong tất cả các giai đoạn, cụ thể:

Nâng cao nhận thức của học viên về vai trò của học tập lý luận chính trị từ đó phát huy hết sự tích cực, chủ động sáng tạo của họ. Không chỉ dừng lại ở việc có bằng cấp phục vụ cho việc đề bạt, bổ nhiệm mà việc học cần phải được xuất phát từ mục đích: Học để làm việc, làm người, làm cán bộ, học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại như Hồ Chủ tịch từng căn dặn. Vậy nên hơn ai hết, chính mỗi cán bộ đảng viên bên cạnh việc chú trọng đến học tập chuyên môn, nghiệp vụ thì phải coi trọng, tích cực tham gia công tác học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị. Bởi sẽ không có một thực tiễn hoạt động nào hiệu quả, một cán bộ nào “đúng vai, thuộc bài” mà không được trang bị một sơ sở lý luận vững chắc thông qua học tập lý luận chính trị. Đây chính là động lực bên trong thúc đẩy cán bộ, đảng viên tích cực, tự giác trong học tập, khắc phục cho được tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị.

Trong quá trình học tập, việc phát huy tính tích cực của học viên cần thực hiện trong tất cả các giai đoạn, cụ thể:

(1) Trước các tiết học trên lớp, học viên cần tìm hiểu nội dung bài giảng, đọc trước giáo trình, xác định những nội dung có liên quan đến thực tiễn cơ sở để sẵn sàng trao đổi cùng giảng viên và học viên khác khi có nhu cầu. Thông qua các hình thức như mượn sách thư viện, truy cập các trang web chính thống để tích lũy kiến thức giúp học viên có được tâm thế chủ động, linh hoạt khi tham gia học tập. Mặt khác, giảng viên cần hiểu rõ đối tượng người học để mang những tiết học đến gần với học viên và cũng giúp việc truyền thụ kiến thức ở các đối tượng có chiều sâu hơn.

(2) Trong quá trình diễn ra tiết học, giảng viên áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực như: Phỏng vấn nhanh - hỏi nhanh đáp nhanh, kích thích phản ứng và sự linh hoạt của học viên. Hay phương pháp chuyên gia khi giảng viên đưa ra các tình huống có vấn đề để gợi mở học viên trình bày quan điểm cá nhân của mình. Ngoài ra, học viên chủ động thực hiện các nội dung thảo luận dưới sự gợi mở, hướng dẫn của giảng viên. Đây là một hình thức không chỉ rèn luyện các kỹ năng cơ bản cho học viên như kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản biện... mà còn tăng thêm sự tương tác mạnh mẽ giữa giảng viên với học viên, học viên với học viên. Để làm tốt các buổi thảo luận, giảng viên nên có sự định hướng về mặt thời gian và nội dung câu hỏi tránh sự lan man, dài trải; huy động sự chuẩn bị của tất cả các thành viên, tránh sự ỷ lại vào một hoặc một vài học viên sôi nổi. Hiệu quả của buổi thảo luận còn phụ thuộc rất lớn vào chủ đề, điều này liên quan đến chọn lựa nội dung của giảng viên khi khơi gợi những vấn đề được dư luận quan tâm.

(3) Tiếp tục phát huy tính tích cực của học viên không chỉ dừng lại ở sự chuẩn bị trước buổi học, thực hành trong tiết học mà còn ở phản hồi sau giờ học. Trong những trường hợp cần thiết, nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm có thể gợi mở để học viên đánh giá một cách khách quan về những vấn đề như: Nội dung, chương trình học tập hoặc là phương pháp giảng dạy... Từ nguyện vọng chính đáng đi cùng những góp ý chân thành mang tính xây dựng là một công cụ tăng sự liên hệ mật thiết giữa học viên - giảng viên - nhà trường và nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giảng dạy lý luận chính trị từ sự điều chỉnh phù hợp của giảng viên.

Thứ ba, đối với cơ quan cử cán bộ đảng viên đi học cần quán triệt, nâng cao nhận thức về mục tiêu, tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Có sự điều chỉnh khối lượng công việc phù hợp để không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ học tập của cán bộ, đảng viên. Cần có sự phối hợp chặt chẽ với đơn vị đào tạo trong quá trình kiểm tra; đánh giá nghiêm túc, thực chất quá trình và kết quả học tập của cán bộ, đảng viên được cử đi học. Lấy kết quả học tập, ý thức rèn luyện trong quá trình học tập là một tiêu chí cơ bản để đánh giá cán bộ cuối năm.

Thứ tư, đội ngũ cán bộ giảng viên cần rèn luyện phẩm chất, năng lực chuyên môn. Đồng thời, giảng viên trường Đảng phải là tấm gương “tự học và sáng tạo”, dày dặn kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực sư phạm tốt và áp dụng linh hoạt sáng tạo các phương pháp giảng dạy.

Học tập lý luận chính trị có một vai trò hết sức quan trọng, và phát huy được tính tích cực, hiệu quả trong quá trình học sẽ giúp học viên rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong làm việc và hiệu quả trong công tác. Đó là cơ sở để Đảng ta xây dựng đội ngũ cán bộ vừa hồng vừa chuyên, làm động lực quan trọng để đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao./.

Tài liệu tham khảo

[1], [2]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB CTQG, H.2004, tập 5, tr.269, tr 240

[3]. *Kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam*, Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội, tháng 02/2021, Tr.74.

[4]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB CTQG, H.2004, tập 8, tr.280.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ THEO TÌNH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

CN. Nguyễn Hải Lý
Khoa Lý luận cơ sở

Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là một yêu cầu đặt ra đối với tất cả các quốc gia nhằm mục đích chuyển tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng từ chủ yếu dựa vào vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên sang tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu chủ yếu dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do đó, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc lại nền kinh tế nhất là sau khi kiểm soát được dịch COVID - 19 là một trong những nội dung quan trọng và là yêu cầu đang đặt ra đối với tất cả các quốc gia, dân tộc.

Việt Nam trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức được tính tất yếu phải đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế để nâng cao hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

Quá trình nhận thức, phát triển, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế được nhận thức rõ nét tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng: *“Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng”* [1] và tiếp tục

được khẳng định trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII: *“Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng”* [2]. Qua hai nhiệm kỳ Đại hội XI và XII của Đảng những chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và góp phần tạo ra sự phát triển kinh tế ổn định trên tất cả các lĩnh vực. Cụ thể:

Thứ nhất, mô hình tăng trưởng dần chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 - 2019 đạt khoảng 6%/năm, năm 2020 đạt 2,91%); quy mô kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên (năm 2020, GDP đạt 271,2 tỉ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD); chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 6% giai đoạn 2016-2020.

Thứ hai, phạm vi cơ cấu thực hiện ngày càng được mở rộng hơn; và cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế được thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực như cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại đầu tư, cơ cấu lại tổ chức tín dụng, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập...; Cơ cấu lại các ngành kinh tế đi vào thực chất, tiếp tục chuyển dịch tích cực và đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp chế biến,

chế tạo và ứng dụng công nghệ cao tăng lên (tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP tăng từ 13,4% năm 2016 lên khoảng 16,7% năm 2020); Phát triển kinh tế vùng theo hướng tăng cường liên kết, kết nối vùng, các tiểu vùng; tốc độ đô thị hoá tăng nhanh; Môi trường đầu tư thì được cải tiến mạnh mẽ, doanh nghiệp mới tăng về số lượng và số vốn.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì vẫn còn một số hạn chế: Công nghiệp hóa, hiện đại hoá còn chậm; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tính tự chủ của nền kinh tế còn hạn chế; cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn mô hình đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm (phát triển nông nghiệp thiếu bền vững; phát triển công nghiệp thì chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chất lượng dịch vụ còn thấp...).

Đặc biệt là Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 “về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế”; Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 8/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020. Những quan điểm đó tiếp tục được khẳng định trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng là đổi mới mô hình tăng trưởng với phương châm “Kinh tế - Xã hội - Môi trường”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã làm rõ hơn về những nhận thức mới về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế trong bối cảnh mới của đất

nước dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Qua quá trình nghiên cứu, tôi xin nêu lên 4 vấn đề mới được thể hiện trong Văn kiện đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng như sau:

Một là, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phát triển nhanh và bền vững đất nước là yêu cầu hết sức quan trọng cho giai đoạn tiếp theo.

Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: *“Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô”*[3].

Để thực hiện hiệu quả ba trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường trong kế hoạch đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 thì cần phải hoàn thiện thể chế, tìm kiếm, khai thác các động lực tăng trưởng mới trong đó tiềm năng từ cải cách thể chế là then chốt và đổi mới, sáng tạo là quan trọng để tạo được sự chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Hai là, nhấn mạnh yếu tố khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là việc tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: *“Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở*

tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.”[4]

Trong bối cảnh mới, có nhiều biến động, nền kinh tế chịu sự tác động của nhiều yếu tố, tạo ra cả cơ hội và thách thức cho sự phát triển cho nên sự cần thiết phải thay đổi để phù hợp với xu thế phát triển. Cụ thể, đối với nền kinh tế của nước ta phát triển theo chiều rộng đã tới hạn, cần đẩy mạnh phát triển theo chiều sâu. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc tận dụng cơ hội là hết sức quan trọng và có tính quyết định tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững cho đất nước. Do đó, nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế đất nước tại Đại hội XIII của Đảng là nhân mạnh yếu tố khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là việc tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để áp dụng những công nghệ mới nhất có tính đột phá trong phát triển vào tất cả các ngành, các lĩnh vực.

Ba là, vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế được đề cập tổng thể từ cơ cấu các ngành, các lĩnh vực, đây là điều kiện tạo ra thể chế thị trường thực sự, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực và là cơ sở cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: *“Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Cơ cấu lại nâng cao hiệu quả đầu tư. Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản*

xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực”[5].

Đại hội chỉ rõ: *“Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60-65%”[6].*

Cơ cấu lại nền kinh tế trong đó cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các lĩnh vực, các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, sức cạnh tranh cao trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế là yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, nhấn mạnh đến cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp để phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước.... Hiệu quả của cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp thông qua các hình thức liên kết nêu trên nhằm để khắc phục sự thiếu gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trong nước. Đồng thời, có thể phát triển thành phần kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Bốn là, cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng.

Theo quan điểm của Đại hội XIII: *“Nghiên cứu phân vùng phù hợp, nâng cao chất lượng quy hoạch vùng theo hướng tích hợp, đa ngành”[7], “nghiên cứu, ban hành quy chế phối hợp điều hành các vùng, liên*

vùng; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng”[8]. Như vậy, đẩy mạnh nội dung cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn để đảm bảo sự phát triển hài hoà giữa các vùng trên cơ sở lợi thế so sánh giữa các vùng các địa phương nhằm thúc đẩy tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững đất nước.

Điều đó để khẳng định rằng, yêu cầu về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế là một vấn đề cấp bách đang đặt ra trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tái cấu trúc lại nền kinh tế của Việt Nam hiện nay. Năm 2021 dưới tác động của đại dịch Covid 19 kinh tế thế giới suy thoái trầm trọng nhưng kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng GDP đạt 2,58%. Điều này để chứng minh rằng, việc đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế của đất nước ta là đúng đắn.

Đối với tỉnh Quảng Trị, trong những năm trở lại đây đã có những bước phát triển vượt trội và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, xác định những nhiệm vụ trọng tâm, mục tiêu, giải pháp cụ thể làm cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện, xây dựng Chương trình hành động, phấn đấu đến năm 2025 Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao và năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước. Cơ cấu lại nền kinh tế thể hiện tính hợp lý trong nông nghiệp chú trọng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh; trong công nghiệp thì ngoài công nghiệp chế biến

đã hướng đến công nghiệp năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường; trong tái cấu trúc lại rừng trồng tỉnh đã chú trọng đưa kinh tế rừng trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; cùng với đó phát triển các ngành thủy sản theo hướng đảm bảo phát huy hiệu quả kinh tế và tăng cường khả năng thích ứng, chống chịu với biến đổi khí hậu. Và năm 2021 đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ trên tất cả các mặt.

Tin tưởng rằng, từ những điểm mới thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc lại nền kinh tế tiếp tục làm cơ sở, tiền đề để tỉnh Quảng Trị thực hiện thành công những mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII./.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tr. 107
- [2]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr. 88 - 89
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. NXBCTQG, tập I, tr 97
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. NXBCTQG, tập I, tr 121
- [5]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 240
- [6]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 244
- [7]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 114
- [8]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr.115

PHÁT HUY KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

ThS. Lê Thị Thanh Nhạn
Khoa Xây dựng Đảng

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc ta, được hun đúc trong quá trình dựng nước và giữ nước; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ chí Minh đã từng nói: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” một câu nói thật giản dị nhưng từ lâu đã trở thành lẽ sống và khẩu hiệu hành động của Đảng ta, dân tộc ta.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là bài học lớn của cách mạng Việt Nam đã được Đảng đúc kết qua các kỳ đại hội và luôn được xác định là đường lối chiến lược trong xây dựng và phát triển đất nước. Nối tiếp tinh thần về xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc của các kỳ đại hội trước, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân”[1].

Quan điểm của Đại hội XIII về xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc vừa kế thừa, vừa bổ sung, phát triển những quan điểm mà Đảng ta đã xây dựng trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, thể hiện tập trung ở những nội dung chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục khẳng định tầm quan trọng chiến lược của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại hội XIII đã tiếp tục khẳng định đây là một quan điểm, chủ trương lớn cần được toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nỗ lực củng cố, tăng cường trong chặng đường tiếp theo của cách mạng nước ta. Quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII xác định: “*Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần*

yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”[2].

Hai là, xác định rõ mục tiêu của chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định mục tiêu của cách mạng nước ta là “*Phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”[3].

Ba là, xác lập rõ các thành tố của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quan điểm của Đại hội XIII thể hiện rõ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay được cấu thành bởi mọi người dân Việt Nam trong tất cả các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, tầng lớp, bộ phận xã hội khác nhau. Đại hội XIII nhấn mạnh quan điểm chung nhất: “*Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ đảng viên, công chức, viên chức phải phục tùng lợi ích của nhân dân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân*”[4].

Bốn là, đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo phương châm hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư.

Trong thời gian qua, Đất nước ta đã phát huy tốt hơn sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức

do Đảng lãnh đạo; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ làm điểm tương đồng. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, vận động đông đảo nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; chủ động tham gia bám sát và phản biện xã hội; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước[5].

Đặc biệt trong đại dịch Covid 19 vừa qua, với quyết tâm “*không để ai bị bỏ lại phía sau*” của Chính phủ đã được mọi tầng lớp nhân dân cùng lực lượng vũ trang, y tế, thanh niên xung kích ra quân đồng loạt; các lực lượng chính trị nòng cốt ở các cấp, các ngành đã góp sức, góp tiền để tiếp tế nhu yếu phẩm cho đồng bào ở khu vực phong tỏa, khu cách ly, hỗ trợ trang thiết bị bảo vệ sự lây nhiễm cho lực lượng đang túc trực ở tâm dịch; những bếp lửa ấm tình đồng bào được duy trì để tiếp cơm ăn, nước uống cho chiến sĩ, dân, quân ở mặt trận phòng, chống dịch; cỗ máy ATM gạo, ATM mì và các cửa hàng 0 đồng lại khởi động để chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. Tất cả những nghĩa cử cao đẹp ấy được kết tinh từ truyền thống “máu chảy ruột mềm”, “thương người như thể thương thân” của dân tộc ta trong những giai đoạn khó khăn nhất.

Biểu tượng cao đẹp nhất cho tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến chống đại dịch là Quỹ Vaccine. Quỹ

được thành lập ngày 26/5/2021 để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền, vaccine của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động mua, nhập khẩu vaccine, nghiên cứu, sản xuất vaccine trong nước và sử dụng vaccine phòng, chống Covid-19 cho nhân dân.

Riêng với tỉnh Quảng Trị, năm 2021 đã nhận hỗ trợ phòng chống dịch tổng trị giá 89.067 triệu đồng. Thực hiện hỗ trợ 86.688 lượt hộ bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 với tổng giá trị 46.256,3 triệu đồng. Tỉnh đã tổ chức đưa đón được 03 đợt với 1.348 người dân Quảng Trị gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 từ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam về quê[6]. Đó là minh chứng của tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, cùng nhau vượt qua khó khăn của nhân dân Quảng Trị trong thời bình.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế như: Hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân chưa cao; việc nắm bắt tình hình tâm tư nguyện vọng của quần chúng có lúc, có nơi thiếu nhạy bén, kịp thời nên còn lúng túng, bị động trong xử lý các vụ việc bức xúc và vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Nhiều chương trình phối hợp còn hình thức nên hiệu quả không cao, chưa khắc phục được sự chồng chéo, trùng lặp trong triển khai thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua.

Để phát huy hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Nghị quyết XIII của Đảng, theo tôi cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò, sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền để các cấp, các ngành, các lực lượng, mọi người dân nhận

thức rõ và đúng đắn về sự cần thiết của tăng cường đại đoàn kết toàn dân. Tuyên truyền, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên, mọi người Việt Nam nhận thức sâu sắc lời căn dặn trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”..

Thứ hai, tăng cường vai trò của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng sát dân, hướng về cơ sở, thực sự là cầu nối, trung tâm đoàn kết, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Thứ ba, phát huy vai trò làm chủ và thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường lãnh đạo các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền chăm lo phát huy và thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân theo pháp luật, tăng cường đồng thuận xã hội. Các cấp ủy Đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình.

Thứ tư, thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố đoàn kết các dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

Phát huy vai trò liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, đoàn kết

đồng bào các dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, các cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, kiều bào ở nước ngoài, con em người Việt Nam trên thế giới. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, xây dựng và củng cố các tổ hòa giải cơ sở, thực hiện dân chủ, giảm thiểu mâu thuẫn, tranh chấp từ cơ sở.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta những nhiệm vụ to lớn nhưng rất vẻ vang. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, của sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là truyền thống quý báu là sức mạnh làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Dân ta xin nhớ chữ đồng*”. Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”. Tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta sẽ đoàn kết vượt qua những khó khăn, thách thức thực hiện tốt những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra./.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tr:165
- [2]. *Sđd*, tr:57
- [3]. *Sđd*, tr:111, 112.
- [4]. *Sđd*, tr: 165
- [5]. *Sđd*, tr:70
- [6]. Báo cáo Công tác phòng chống dịch tình Quảng Trị năm 2021

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Lê Thị Huyền

Khoa Nhà nước và pháp luật

Ấn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “*Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch*”[1]. Để hiện thực hóa nội dung này, ngày 15/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (Nghị quyết số 76/NQ-CP), nội dung là cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Ở Quảng Trị, sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP và Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP (Chỉ thị số 23/CT-TTg), Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ sáu nhiệm vụ của cải cách hành chính. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung nghiên cứu một nội dung rất quan trọng, được đặt ra ngay từ giai đoạn đầu của tiến trình cải cách hành chính là cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tại tỉnh Quảng Trị nhằm đề xuất một số giải pháp giải quyết mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước và cơ quan nhà nước với cá nhân, tổ chức theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thời gian qua, công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nổi bật trên các nội dung sau:

Thứ nhất, công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan hành chính nhà nước các cấp quan tâm, chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện đồng bộ, thiết thực. Cụ thể: Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản làm cơ sở để các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh tổ chức thực hiện NQ số 76/NQ-CP, điển hình như: Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3647/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch số 5959/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2021... Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành, cơ quan ngành dọc, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đã ban hành các kế hoạch cụ thể nhằm triển khai các nội dung cải cách hành chính nói chung và cải cách TTHC nói riêng tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC.

Thứ hai, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thường xuyên rà soát, đơn giản hóa, công bố, niêm yết công khai, số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC.

Tiêu biểu có thể kể đến: Năm 2021, các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh đã rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố 619 TTHC, trong đó, công bố chuẩn hóa, ban hành mới 172 TTHC, sửa đổi, bổ sung, thay thế 275 TTHC, bãi bỏ 172 TTHC, thông qua phương án đơn giản hóa 20 TTHC, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ 17 TTHC, rà soát 2.167 thủ tục, đề nghị phân cấp 228 TTHC và 413/413 quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt [2]. Ngoài ra, quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh đã được xây dựng, các TTHC được công bố đã được đăng tải trên cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Trang Thông tin điện tử tỉnh và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để cá nhân, tổ chức thuận tiện theo dõi, thực hiện.

Thứ ba, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được tăng cường và phát huy hiệu quả. Các sở, ban ngành, huyện, xã (không tính huyện đảo Côn Cỏ) đã tham gia tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả, luân chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tính đến ngày 15/12/2021, tỉnh đã công bố 1.264 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, hoàn thành việc tích hợp liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với Hệ thống Dịch vụ công cấp phép xây dựng và Hệ thống dịch vụ công cung cấp thông tin quy hoạch của Bộ Xây dựng và đã tích hợp 766/1.198 dịch vụ công trực tuyến từ cổng dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh lên cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỉ lệ 64%)

[3], xếp thứ 32/63 tỉnh, thành cả nước về số lượng dịch vụ công đã tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia.

Thứ tư, các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức có liên quan đến TTHC được tiếp nhận, xử lý nhanh chóng, kịp thời.

Năm 2021, thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, tỉnh đã nhận được 37 phản ánh kiến nghị của người dân về giải quyết TTHC. Theo đó, UBND tỉnh đã chuyển các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh xử lý 15 phản ánh kiến nghị của người dân đối với các TTHC thuộc các lĩnh vực: Đất đai; Giải quyết khiếu nại; Y tế; Lao động, thương binh và Xã hội; Thuế, Bảo hiểm xã hội và việc thực hiện cấp căn cước công dân. Kết quả xử lý đã được UBND tỉnh công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định để người dân biết, theo dõi và UBND tỉnh đã chuyển trả 22 phản ánh kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc phản ánh không đúng quy định, đồng thời hướng dẫn người dân gửi phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc gửi lại phản ánh trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Thứ năm, mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước được nâng cao.

Các cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan trung ương đóng trên địa bàn (Công an tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh) đã tiếp nhận 154.918 phiếu đánh giá/397.890 hồ sơ đã giải quyết, đạt tỷ lệ 39%. Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan hành chính nhà nước đạt 99,88%[3]. Hơn nữa, sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh còn thể hiện rõ thông qua Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

năm 2021 của Quảng Trị đạt 63,33 điểm, xếp thứ 41 (theo công bố ngày 27/4/2022 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ). Mặc dù vẫn giữ nguyên vị trí xếp hạng nhưng tổng điểm năm 2021 cao hơn 0,26 điểm so với năm 2020, xếp thứ 8/12 tỉnh, thành phố vùng duyên hải miền Trung (năm 2020 xếp thứ 10/12).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục, đó là: Vẫn còn tình trạng “nợ” các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật của cấp trên gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và cả cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC, chẳng hạn như: Chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất việc xây dựng hệ thống số hóa kết quả giải quyết TTHC theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ hoặc chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất việc hoàn thiện bộ máy tổ chức của cán bộ chuyên trách tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng giải quyết TTHC chậm trễ, trong đó lĩnh vực đất đai là lĩnh vực có số lượng hồ sơ TTHC trễ hẹn nhiều nhất (tháng 5/2021 toàn tỉnh có 7.030 hồ sơ quá hạn/10.125 hồ sơ đã giải quyết [4]). Đồng thời, việc xin lỗi người dân khi giải quyết hồ sơ trễ hạn chưa được các cơ quan, đơn vị chú trọng thực hiện theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về Ban hành quy

định công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND). Mặt khác, một số nơi vẫn còn tình trạng bố trí công chức, viên chức thiếu kinh nghiệm hoặc chưa đáp ứng về chuyên môn, phẩm chất, đạo đức, năng lực vào làm việc tại bộ phận Một cửa nên việc hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ còn lúng túng, thái độ ứng xử chưa phù hợp ảnh hưởng đến sự hài lòng, niềm tin của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Một vấn đề cần quan tâm nữa là tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, giao dịch thanh toán trực tuyến, hồ sơ dịch vụ bưu chính công ích còn thấp so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận. Ngoài ra, việc liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm quản lý chuyên ngành của một số bộ, ngành với phần mềm một cửa điện tử của các địa phương còn bất cập, gây khó khăn cho các địa phương trong giải quyết TTHC. Một số địa phương công khai số liệu, kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm còn chưa đúng so với kết quả kiểm tra thực tế.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, đó là: Nhận thức, tư duy về quản lý hành chính nhà nước trong một bộ phận không nhỏ công chức, viên chức chậm được đổi mới, chưa thấy được hết ý nghĩa, tầm quan trọng và đòi hỏi cấp bách của cải cách TTHC; số lượng hồ sơ nhiều, một số nơi bố trí công chức chưa hợp lý (bộ phận Một cửa một số đơn vị có nhiều hồ sơ TTHC nhưng chỉ bố trí 01 biên chế chưa đảm bảo tính hiệu quả trong tiếp nhận, hướng dẫn cho cá nhân, tổ chức, các phòng, đơn vị chuyên môn số lượng hồ sơ TTHC nhiều nhưng biên chế ít), công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và giữa các cấp chưa chặt chẽ, nhip

nhàng; một số người dân tâm lý còn e ngại, hạn chế về công nghệ thông tin trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và buru chính công ích; hồ sơ tính chất phức tạp, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ nên phải thực hiện xác minh qua nhiều cơ quan, đơn vị nên kéo dài thời gian giải quyết TTHC.

Để thực hiện tốt các nội dung về cải cách thủ tục TTHC, “*xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân*” [5] trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính nói chung và cải cách TTHC nói riêng để thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP một cách toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Đồng thời, nâng cao vai trò chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp đối với công tác cải cách TTHC. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân và doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ và công tác cải cách TTHC phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP và Chỉ thị số 23/CT-TTg.

Hai là, nâng cao nhận thức của các chủ thể trong xã hội về tầm quan trọng của cải cách TTHC để tạo hiệu ứng chung trong toàn xã hội cùng chung tay thực hiện cải cách TTHC. Phát huy việc chuyển nhận thức từ cơ chế nền hành chính “*mệnh lệnh*”, “*xin – cho*” sang nền hành chính “*phục vụ*”; xem người dân và doanh nghiệp thực sự là “*đối tác*”,

“*khách hàng*” trong cung cấp dịch vụ công. Xác định cải cách TTHC không chỉ là công việc riêng của hệ thống hành chính, mà là yêu cầu chung với toàn hệ thống chính trị và xã hội. Theo đó, cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung cải cách TTHC thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức đa dạng, thiết thực cụ thể như: Ứng dụng mạng xã hội, mô hình tiêu biểu trong cải cách TTHC... phù hợp với từng nhóm đối tượng để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành chủ trương, chính sách, nội dung cải cách TTHC của Đảng và Nhà nước.

Ba là, các cơ quan chức năng cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất việc xây dựng hệ thống số hóa kết quả giải quyết TTHC theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ để các địa phương có cơ sở lập đề án triển khai đồng bộ thống nhất trên toàn quốc, tránh lãng phí trong quá trình đầu tư, triển khai thực hiện và hướng dẫn thống nhất việc hoàn thiện bộ máy tổ chức của cán bộ chuyên trách tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP để các địa phương có cơ sở triển khai đồng bộ thống nhất trên toàn quốc.

Bốn là, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ cho đội ngũ công chức, viên chức tiếp nhận và giải quyết TTHC. Đặc biệt, đề cao trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật trong tiếp nhận, xử lý nhanh chóng, kịp thời các TTHC. Theo đó, phải lấy kết quả cải cách TTHC hằng năm là cơ sở quan trọng để đánh

giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan HCNN các cấp và một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng cho tập thể, cá nhân. Đồng thời, các cơ quan chức năng cần quan tâm bố trí thêm số lượng biên chế tại các bộ phận Một cửa có số lượng hồ sơ TTHC nhiều (hiện tại chỉ có 01 biên chế) và các phòng, đơn vị chuyên môn trực tiếp giải quyết hồ sơ (số lượng biên chế ít) để đảm bảo tính hiệu quả trong tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

Năm là, đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện bộ tiêu chí, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong cải cách TTHC; thực hiện đầy đủ việc xin lỗi người dân đối với các hồ sơ trễ hẹn theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND và đính kèm văn bản xin lỗi trên hệ thống thông tin một cửa điện tử để thông báo đến người dân theo quy định. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Sáu là, tăng cường giao lưu, học tập kinh nghiệm giữa các thành phố, tỉnh và tham quan, học tập kinh nghiệm các nước về cải cách TTHC. Việc trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau giữa các thành phố, tỉnh trong và ngoài nước về cải cách TTHC có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ nhân dân, qua đó, tìm ra các sáng kiến, các giải pháp hiệu quả nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế trong hoạt động quản lý HCNN và cắt giảm tối đa các TTHC rườm rà để tiết kiệm thời gian, công sức của cá nhân, tổ chức sẽ góp phần đẩy nhanh tiến

trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn quân, toàn dân trong quá trình “*xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước*” [6] trong thời gian tới, công tác cải cách hành chính nhà nước nói chung và cải cách TTHC nói riêng sẽ đạt được những kết quả cao hơn nữa, tiếp tục xây dựng nền hành chính nhà nước thực sự “*phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch*” [1].

Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2021, t.I, tr38.

[2]. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, Báo cáo số 281 ngày 24/12/2021 về tình hình công tác cải cách hành chính năm 2021.

[3]. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, Báo cáo số 286 ngày 27/12/2021 về tình hình, kết quả thực hiện công tác Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

[4]. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị, Báo cáo số 08 ngày 25/4/2022 về tình hình hoạt động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và số liệu tình hình tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh Quảng Trị tháng 5/2022, phương hướng nhiệm vụ tháng 6/2022.

[5]. Chính phủ, Nghị quyết 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2021, t.I, tr176.

CẬP NHẬT MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII VÀO GIẢNG DẠY PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CN. Phạm Xuân Ngọc
Khoa Xây dựng Đảng

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là tài liệu rất quan trọng, góp phần định hướng, cổ vũ và động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Do đó, việc quán triệt, triển khai, học tập những nội dung của Văn kiện tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân là hết sức cần thiết.

Được nghiên cứu những nội dung của Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, tôi nhận thấy Văn kiện có nhiều điểm mới trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh, về xây dựng Đảng... Trong phạm vi bài viết này, bản thân xin đề cập đến một số điểm mới về xây dựng Đảng. Nội dung của những điểm mới đó bao gồm:

Thứ nhất, về chủ đề Đại hội: So với Đại hội XII, chủ đề Đại hội XIII đã bổ sung cụm từ “xây dựng hệ thống chính trị” tiếp nối nội dung xây dựng Đảng thành “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*” [1]. Điều đó nhằm nhấn mạnh vai trò của xây dựng hệ thống chính trị trong điều kiện Đảng duy nhất cầm quyền. Sức mạnh, uy tín của Đảng không chỉ phụ thuộc vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà còn phụ thuộc vào việc xây dựng cả hệ thống chính trị vững mạnh, nhất là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Thứ hai, trong Báo cáo Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm. Trong 5 bài học kinh nghiệm, bài học kinh nghiệm đầu tiên là về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, trong đó nhấn mạnh: “*công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ*” [2]. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh xây dựng Đảng về cán bộ. Đây là nhận thức mới của Đảng, bởi vấn đề cán bộ và công tác cán bộ là vấn đề hệ trọng, là khâu “then chốt” trong công tác xây dựng Đảng. Có cán bộ tốt thì mới có phong trào cách mạng tốt, còn ngược lại thì phong trào phát triển chậm, không theo đúng định hướng, không đạt được mục tiêu đề ra, thậm chí có thể thất bại.

Thứ ba, về quan điểm chỉ đạo. Trong 5 quan điểm chỉ đạo chung của Báo cáo chính trị. Quan điểm 1 nêu tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn tới: “*Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”. [3]. So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung “*kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng*”. Kiên định các nguyên tắc chính

là cơ sở để giữ vững được vai trò lãnh đạo, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Thứ tư, mục tiêu xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong Báo cáo chính trị đã bổ sung “năng lực cầm quyền” để thành “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng”. Đại hội XIII của Đảng xác định: “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện*” [4]. Bởi vì, với vai trò lãnh đạo của Đảng, mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, thực hiện Cương lĩnh, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đều gắn liền với vai trò, trách nhiệm lãnh đạo và những yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Thứ năm, nhiệm vụ, giải pháp của công tác xây dựng Đảng, nhiệm kỳ Đại hội XIII xác định 10 nhiệm vụ giải pháp, bao gồm:

(1). Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị.

(2). Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng.

(3). Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức.

(4). Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

(5). Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.

(6). Tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu.

(7). Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

(8). Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng: Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hoá, thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết,

dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. (“*Dân thụ hưởng*” cũng là nội dung mới bổ sung từ Đại hội XIII của Đảng).

(9). Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(10). Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới

Ngoài ra, Báo cáo công tác xây dựng Đảng nêu 3 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược.

Ba nhiệm vụ trọng tâm là: (1) Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương. (2) Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. (3) Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Ba giải pháp đột phá là: (1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ. (2) Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. (3) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực.

Từ những điểm mới đã nêu trên, trong quá trình giảng dạy yêu cầu mỗi giảng viên cần quán triệt và thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, giảng viên cần nghiên cứu kỹ,

hiểu đúng, chủ động tiếp cận để nắm vững những quan điểm cơ bản, tư tưởng chỉ đạo, những nội dung cốt lõi và vấn đề mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Đồng thời so sánh với những nội dung của Đại hội XII, các đại hội Đảng và hội nghị Trung ương trước đây để nhận thức rõ sự kế thừa, bổ sung, phát triển tư duy lý luận của Đảng trên các phương diện lớn và các lĩnh vực cụ thể, cũng như trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn của Đảng. Giúp cho mỗi giảng viên khi soạn giảng cũng như trực tiếp giảng dạy, thảo luận ở trên lớp sẽ thực hiện đúng mục tiêu bài giảng đã đề ra, đảm bảo tính thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

Hai là, quá trình giảng dạy, giảng viên phải có kỹ năng lồng ghép có hiệu quả nội dung Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào các chuyên đề giảng dạy, thảo luận ở tất cả các lớp. Ví dụ khi giảng bài 3: Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, giảng viên phải giúp cho học viên nhận thức được quan điểm của Đảng là nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng là một nhiệm vụ quan trọng để từ đó tập trung phân tích, làm rõ các giải pháp chủ yếu mà Đại hội XIII của Đảng xác định. Khi giảng bài 5: Công tác tư tưởng của tổ chức cơ sở đảng, giảng viên phải làm cho học viên hiểu đúng Đảng ta luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và xác định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”. Đồng thời, định hướng cho học viên nhận thức được những nhiệm vụ, giải pháp mới mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Bên cạnh việc phân tích, giảng

giải lấy ví dụ để học viên hiểu đúng, nắm rõ kiến thức bài học, giảng viên còn phải phân tích, so sánh, đánh giá để làm nổi bật giá trị bền vững về mặt lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; từng bài giảng phải thể hiện được tính Đảng sâu sắc. Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường trao đổi, thảo luận để học viên được nêu lên quan điểm, suy nghĩ cá nhân, qua đó nắm bắt, định hướng kịp thời lập trường tư tưởng cho học viên.

Ba là, mỗi giảng viên ngoài việc nghiên cứu, hiểu đúng, nắm chắc Văn kiện Đại hội XIII của Đảng còn phải nắm chắc các quy định và hướng dẫn của Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng và nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, các văn bản của Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng để phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy của mình.

Tóm lại, nghiên cứu, vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào thực tiễn cuộc sống là nhiệm vụ của tất cả các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong đó, giảng viên phải nghiên cứu sâu sắc để vận dụng vào các bài giảng trong các môn học, trong đó có môn xây dựng Đảng nhằm vừa góp phần nâng cao chất lượng đạo tạo bồi dưỡng cán bộ, vừa góp phần đưa nghị quyết vào thực tiễn thông qua chính các học viên của Nhà trường.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, trang 57.
- [2]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, trang 95.
- [3]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, trang 109.
- [4]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, trang 111.

QUẢNG TRỊ TẬP TRUNG TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN BA NỘI DUNG TRỌNG TÂM NGHỊ QUYẾT SỐ 76/CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2030

ThS. Nguyễn Sung

Phó trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Trong cuộc cải cách hành chính trong 10 năm từ 1991 - 2000 nhằm thực hiện định hướng của Đảng trong Nghị quyết Đại hội VII, VIII - đặc biệt là các Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 6 (lần 2) và Trung ương 7 (Khóa VIII) đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mặc dù vậy, công tác cải cách hành chính trong giai đoạn này mới được thực hiện ở tầm vóc và quy mô chưa mang tính tổng thể, đồng bộ và toàn diện. Thế kỷ 21 mở ra một giai đoạn mới có nhiều cơ hội, thuận lợi và nhiều thách thức để đẩy mạnh hơn nữa tiến trình cải cách hành chính nhà nước. Mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và những cam kết trong hoạt động cải cách hành chính nhà nước được đặt ra cụ thể và thiết thực hơn. Các Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước được Chính phủ ban hành từ năm 2000 đến nay: Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg, ngày 17 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010; Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (gọi chung là Nghị quyết số 76 của Chính phủ).

Sau khi có Nghị quyết số 76 của Chính phủ, tỉnh Quảng Trị đã ban hành nhiều quy

định, quyết định, kế hoạch cụ thể để thực hiện. Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 4 tháng 11 năm 2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025. Và cùng đó, Tỉnh ủy tiếp tục ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Từ những định hướng của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành các văn bản phân công cụ thể các tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện chức trách nhiệm vụ trong quá trình tiến hành cải cách hành chính nhà nước. Quyết định số 3647 /QĐ-UBND, ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 701/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phân công thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030... Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nói trên đã thể hiện sự nghiêm túc, khẩn trương và quyết liệt trong cải cách hành chính nhà nước của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Trị.

Trong phạm vi bài viết này, tôi xin được có những ý kiến xung quanh 3 nội dung trọng tâm được đặt ra trong Nghị quyết số 76 của Chính phủ mà Quảng Trị đã và đang quyết tâm thực hiện. Nghị quyết số 76 của Chính phủ tiếp tục đề ra 3 nội dung trọng tâm cải

cách hành chính 10 năm tới nhằm thể chế hóa nhiệm vụ và mục tiêu mà Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định “Ba đột phá chiến lược” là: Về thể chế; Về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; Về hệ thống kết cấu hạ tầng. Chính phủ đã xác định 3 trọng tâm của công cuộc cải cách hành chính nhà nước giai đoạn từ năm 2021 đến 2030 là: *“Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số”*.

Thứ nhất, về cải cách thể chế: Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 4 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 đã chú trọng đến việc đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ cùng với công tác thẩm định (bảo đảm sự phối hợp đúng quy trình, thời gian, thống nhất và đồng bộ giữa cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và cơ quan thẩm định dự thảo). Song song với công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 01 đã chỉ ra nhiệm vụ đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền thường xuyên thực hiện việc rà soát, kiểm tra, kịp thời phát hiện những nội dung chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn và trái pháp luật. Để bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý và tính khả thi của các văn bản cần tăng cường việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cán bộ,

công chức, viên chức và công dân trên cổng thông tin điện tử của tỉnh (nhất là những quy định liên quan đến quyền và lợi ích của Nhân dân). Nhiệm vụ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Nhân dân được đặt đối với cả hệ thống chính trị ở địa phương. Trong thực tế, pháp luật được ban hành dù có chất lượng cao nhưng việc nhận thức pháp luật của người dân không được xã hội quan tâm thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đúng mức thì pháp chế xã hội chủ nghĩa cũng khó mà tạo lập được. Hiện nay, một số cơ quan, đơn vị và địa phương chưa đánh giá đúng vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nên chưa có những giải pháp khả thi, hiệu quả và kịp thời trong việc thực hiện công tác này. Phải đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức tuyên truyền công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với công tác tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính nhà nước. Tuyên truyền, phổ biến trên các lĩnh vực như: Nâng cao các chỉ số về CCHC (PAR INDEX) năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (ICT).

Thứ hai, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Mục tiêu chung mà Quyết định số 3647 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ngày 17 tháng 11, năm 2021 về Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: *“Xây dựng nền công vụ của tỉnh Quảng Trị năng động, hiệu quả, mọi hoạt động công vụ được công khai, minh bạch; xây dựng được đội ngũ cán bộ, công*

chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài”. Nếu so với Nghị quyết số 76 của Chính phủ, Quyết định số 3647 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đặt ra mục tiêu đến năm 2025: “100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ cao đẳng, đại học theo quy định” là hoàn thành mục tiêu này sớm hơn 5 năm. Điều này thể hiện sự quyết tâm của lãnh đạo và Nhân dân tỉnh Quảng Trị trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng nguồn nhân lực của nền hành chính nhà nước, đặc biệt là ở cấp xã, phường, thị trấn.

Chất lượng nguồn nhân lực đặt ra trong Quyết định số 3647 là phải “*có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế*”. Đặt ra mục tiêu như trên thể hiện tầm dự báo để xây dựng chiến lược về đội ngũ cán bộ phù hợp với thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay của nước ta. Mục tiêu có tính chiến lược như thế giúp cho tỉnh trong tương lai gần sẽ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Trị và đất nước. Trong việc bổ nhiệm cán bộ vào các chức danh lãnh đạo, quản lý, Quyết định số 3647 của tỉnh được quy định đúng theo tinh thần của Nghị quyết số 76 thực hiện việc thi tuyển theo nguyên tắc cạnh tranh. “*Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương theo hướng dẫn của Trung ương*”. Theo phương thức này, Quảng Trị sẽ chọn được những người lãnh đạo, quản lý, điều hành thực tài, thực tâm phục vụ cho công vụ. Tránh được hiện tượng tiêu cực, sai

trái và vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước ta về công tác cán bộ. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Quyết định số 3647 đã cụ thể hóa Nghị quyết số 76 của Chính phủ về các chủ thể thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ: “*xây dựng đội ngũ giảng viên vững vàng về lý luận, thành thạo về kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực giảng dạy; xây dựng cơ chế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện của tỉnh và yêu cầu hội nhập quốc tế*”. Từ những quy định này của pháp luật, lãnh đạo tỉnh Quảng Trị sẽ có những chính sách, giải pháp và cơ chế để từng bước xây dựng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực đối với các chủ thể thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với Trường Chính trị Lê Duẩn trong quá trình xây dựng trường chuẩn mức 1 và chuẩn mức 2 theo quy định của Ban Bí thư (Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn).

Thứ ba, về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Nghị quyết số 76 của Chính phủ đã đặt ra mục tiêu: “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức”. Đặc biệt, Điều 27, khoản 4 -

Nghị định số 45, ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “*Công khai danh mục và tổ chức việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương trên Cổng dịch vụ công cấp tỉnh*”. Trên cơ sở quy định của Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 của Tỉnh ủy Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022. Quyết định số 708/QĐ-UBND đã thể hiện quyết tâm của tỉnh Quảng Trị về việc công khai, minh bạch trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 ở cả 3 cấp tỉnh, huyện và xã đối với công dân và tổ chức. Quyết định số 708 quy định cụ thể danh mục thủ tục hành chính triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 năm 2022 như sau:

- Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 năm 2022 tổng cộng có 932 dịch vụ công (trong đó, DVC trực tuyến mức độ 3: 124; mức độ 4: 808).

- Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 năm 2022 tổng cộng có 211 dịch vụ công (trong đó, DVC trực tuyến mức độ 3: 72; mức độ 4: 139).

- Danh mục thủ tục hành chính cấp xã triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức

độ 4 năm 2022 tổng cộng có 82 dịch vụ công (trong đó, DVC mức độ 3: 18; mức độ 4: 64).

Tỉnh đã tổ chức tốt việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương; giảm tỷ lệ trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ; nghiêm túc thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn. Thường xuyên theo dõi, chấn chỉnh tác phong, lễ lối và thái độ làm việc của công chức tại Bộ phận một cửa các cấp; xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ tổ chức và công dân.

Ba khâu đột phá được Đảng ta định hướng trong văn kiện Đại hội XIII là ba lĩnh vực lớn, có tính chất bao quát: Thể chế, chất lượng nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng. Trên góc độ cải cách hành chính nhà nước thì 3 nội dung này được xác định rất cụ thể trên các yếu tố cấu thành nền hành chính nhà nước: Thể chế hành chính; Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng và thực hiện chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số. Dù được xem là 3 khâu quan trọng trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính, tuy nhiên nền hành chính nhà nước là một thể thống nhất cho nên công cuộc cải cách hành chính nhà nước phải được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất cả sáu nội dung như Nghị quyết số 76 đã xác định. Có như vậy, cải cách hành chính của đất nước ta mới xây dựng được nhà nước kiến tạo, chính phủ liêm chính, hành động, phục vụ; nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch như định hướng của Đảng./.

15 NĂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ CHO NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN YẾU TỐ GÓP PHẦN CỨNG CỐ MỐI QUAN HỆ VIỆT NAM - LÀO

ThS. Trần Đức Dương
Phó trưởng Phòng TC, HC, TT, TL



Đồng chí Ngô Thị Thu Hà, Phó Hiệu trưởng nhà trường phát biểu tại Hội nghị trực tuyến Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đảng Nhân dân cách mạng Lào của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ảnh: TL.

Trong lịch sử quan hệ quốc tế từ xưa đến nay, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là một quan hệ điển hình, một tấm gương mẫu mực, hiếm có về sự gắn kết bền chặt, thủy chung, trong sáng và đầy hiệu quả giữa hai dân tộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trải qua các chặng đường lịch sử, sự hợp tác giữa hai nước ngày càng phát triển sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt, hai bên hết sức coi trọng giúp

nhau xây dựng Đảng, giúp đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, coi đây là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước, đồng thời là hạt nhân giữ vững, tăng cường tình đoàn kết giữa hai nước.

Năm 2022, nhân dịp kỷ niệm 60 năm Việt Nam và Lào chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (05/09/1962 - 05/09/2022); 45 năm ngày ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào (18/07/1977 - 18/07/2022); đồng thời tròn 15 năm Trường Chính

trị Lê Duẩn thực hiện nhiệm vụ đào tạo cán bộ cho bạn Lào. Đây là những sự kiện quan trọng khích lệ và định hướng cho Nhà trường tổ chức những hoạt động liên quan đến công tác đào tạo học viên Lào của Nhà trường. Do đó, xin khái quát một số nét cơ bản liên quan đến công tác đào tạo cán bộ cho hai tỉnh Salavan và Savannakhet, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Lào trong những năm qua.

Thực hiện Thông báo số 97 - TB/BTCTW ngày 16/5/2007 của Ban Tổ chức Trung ương về việc giao nhiệm vụ cho các tỉnh giáp biên giới của nước ta hợp tác, giúp đỡ các tỉnh giáp biên của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giúp đào tạo cán bộ về lý luận chính trị. Trên cơ sở thỏa thuận hợp tác giữa các đoàn đại biểu cấp cao 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet - Salavan, Tỉnh ủy Quảng Trị đã có Thông báo số 335-TB/TU ngày 26/6/2007 về việc đào tạo cán bộ chính trị giúp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị giao cho Trường Chính trị Lê Duẩn chủ trì cùng với Trường Cao đẳng Sư phạm, Bộ đội biên phòng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan nghiên cứu, khảo sát, xây dựng đề án. Sau thời gian tích cực nghiên cứu tìm hiểu, khảo sát, xây dựng đề án và lập kế hoạch đào tạo, Trường Chính trị Lê Duẩn đã chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Cao đẳng Sư phạm và các cơ quan liên quan lập kế hoạch chương trình đào tạo, tiến hành xây dựng tiêu chuẩn chiêu sinh, chuẩn bị chu đáo cho việc triển khai nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy, chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ dạy - học..., tháng 7 năm 2008 Trường Chính trị Lê Duẩn bắt đầu phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành mở lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính đầu tiên cho cán bộ hai tỉnh Salavan và Savannakhet. Trường Chính trị Lê Duẩn xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng mà Đảng, Nhà nước và Ban Thường vụ tỉnh ủy Quảng Trị giao phó.

Tính đến thời điểm này, Trường Chính trị Lê Duẩn đã mở được 11 lớp đào tạo chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, Trung cấp lý luận chính trị cho hai tỉnh Salavan và Savannakhet, nước CHDCND

Lào với 480 học viên (430 học viên đã tốt nghiệp; 50 học viên hiện đang học tại trường), trong đó: Salavan có 230; Savannakhet có 250) là cán bộ lãnh đạo đương chức và dự nguồn chức danh lãnh đạo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, khu vực, tuổi đời còn trẻ, đã kinh qua công tác lãnh đạo, quản lý, có kinh nghiệm công tác và vốn sống thực tiễn khá phong phú, được lựa chọn qua sơ tuyển tại hai tỉnh nước bạn Lào trước khi nhập học. Có 390 học viên nam chiếm 81,2%, nữ: 90 học viên chiếm 18,8%; 100% học viên là đảng viên Đảng Nhân dân cách mạng Lào, trong đó huyện ủy viên và bí thư chi bộ trở lên có 155 học viên chiếm 31,4%; giữ chức vụ từ phó trưởng phòng cấp huyện và tương đương trở lên là 353 học viên chiếm 73,5%, cán bộ dự nguồn cho các chức danh nói trên là 127 học viên chiếm 26,5%; độ tuổi trên 30 là 428 học viên chiếm 89,1%, dưới 30 là 52 học viên chiếm 10,9%. Về kết quả học tập và rèn luyện đối với học viên đã tốt nghiệp là khá cao (Học tập: xuất sắc 12 học viên chiếm 2,8%, giỏi 234 học viên chiếm 54,4%, khá 178 học viên chiếm 41,4%, trung bình 06 học viên chiếm 1,4%; rèn luyện: Loại tốt 378 học viên chiếm 89%, khá 52 học viên chiếm 11%).

Học viên các khóa học chấp hành rất tốt ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy chế đào tạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Nhà trường; Chấp hành nghiêm túc các quy định phòng, chống dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam, của tỉnh Quảng Trị và của Nhà trường; Tự giác cao trong học tập và rèn luyện cũng như trong quan hệ ứng xử. Không có học viên vi phạm pháp luật Việt Nam. Mặc dù cơ sở vật chất phục vụ cho học tập và sinh hoạt của học viên còn nhiều hạn chế nhưng học viên của các khóa học đã có ý thức tốt tham gia các phong trào giao lưu văn nghệ, thể thao, lao động để môi trường xanh sạch, đẹp. Đặc biệt, học viên tham gia học tập đầy đủ các môn học, bài học, không có học viên nghỉ học không có lý do. Trong học tập phát huy được tính chủ động tích cực của người học. Học viên mạnh dạn thảo luận, trao đổi, so sánh, đối chiếu kiến thức và thực tiễn giữa hai nước trong các bài giảng đã

góp phần làm cho các buổi học sinh động, thiết thực hơn. Đặc biệt đáng biểu dương là tính nghiêm túc của học viên trong việc tự lực ôn tập, nắm chắc kiến thức trong tất cả các môn thi. Với tất cả sự nỗ lực cố gắng đó đều được Nhà trường ghi nhận thông qua kết quả học tập và rèn luyện.

Theo báo cáo của Ban Tổ chức tỉnh Salavan và Savannakhet, Sở cán bộ sau khi được đào tạo ở Trường Chính trị Lê Duẩn trở về nước công tác hầu hết đã được bổ nhiệm về chức vụ đảng, chính quyền hoặc luân chuyển công tác đến những vị trí cao hơn, quan trọng hơn. Đồng chí Phetsamon Pasi - Phó Trường Ban Tổ chức tỉnh Salavan, nguyên là học viên khóa I cho biết: số cán bộ sau khi được đào tạo chương trình trung cấp LLCT-HC ở Trường Chính trị Lê Duẩn Quảng Trị trở về địa phương có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực lãnh đạo, quản lý, biết tiếng Việt, năng động, sáng tạo và có khả năng tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ở địa phương, đơn vị công tác và nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào giao phó, đa số được bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng và là “sợi dây” kết nối tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào. Năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm 10 năm đào tạo học viên Lào. Tại hội nghị, Nhà trường được Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đánh giá cao, là trường đi đầu trong cả nước trong hệ thống các trường chính trị về công tác đào tạo học viên là cán bộ Lào và đào tạo được nhiều học viên hệ Trung cấp LLCT-HC nhất; đồng thời tại Hội nghị này, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, tỉnh Salavan và tỉnh Savannakhet đã tặng nhiều bằng khen cho các đơn vị, cá nhân vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ hai tỉnh Salavan và Savannakhet, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Những kết quả đó là công sức, sự hy sinh về thời gian và tinh thần tự nguyện của mỗi cán bộ, giảng viên Nhà trường. Bất cứ khoá nào, năm nào trước lúc khai giảng Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường cũng có những cuộc họp “đặc biệt” nhằm quán triệt

“tinh thần hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào” và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận khoa, phòng và từng cá nhân cán bộ, giảng viên để phục vụ tốt nhất cho học viên nước Bạn. Các chế độ chính sách như ăn, mặc, ở, sinh hoạt phí, lễ tết, Bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, thị thực, tạm trú, trang cấp cho sinh hoạt, thể thao, tham quan thực tế được quan tâm giải quyết kịp thời, đúng chế độ. Đặc biệt được sự quan tâm của Tỉnh uỷ - Ủy ban Nhân dân tỉnh, Nhà trường đã tu sửa mới ký túc xá và trang bị 100% điều hoà phòng ở, phòng học cho học viên Lào... Nói vậy để thấy được sự quan tâm chu đáo của Nhà trường khi dành khoảng 1/3 kinh phí thường xuyên trong năm để phục vụ công tác đào tạo học viên bạn Lào. Về đời sống tinh thần ngoài giờ học, Nhà trường rất chú trọng và quan tâm như tổ chức giao lưu văn nghệ, thể thao giữa cán bộ, giảng viên nhà trường với học viên, giữa học viên các lớp Việt Nam với học viên Lào, tổ chức quốc khánh và Tết cổ truyền Lào cũng như của Việt Nam, tổ chức tham quan thực tế các danh thắng của Quảng Trị và các tỉnh thành của Việt Nam... để các bạn hiểu thêm về văn hoá, con người Việt Nam nói chung và Quảng Trị nói riêng, qua đó thắt chặt tình đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau giữa cán bộ, giảng viên và học viên. Trong đời sống hàng ngày, nếu học viên Lào có khó khăn về đời sống vật chất và tinh thần, hay trong hoàn cảnh đặc biệt của dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đều có động viên chia sẻ, giúp đỡ tận tình. Những trường hợp ốm đau, bệnh tật phải nằm viện đều được Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm cùng cán bộ, giảng viên nhà trường, bạn bè trong lớp quan tâm chăm sóc; được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Trị; Sở Ngoại giao, Ban Tổ chức tỉnh Salavan, Savannakhet thăm hỏi động viên; được đội ngũ y bác sỹ tận tình chăm sóc cứu chữa kịp thời.

Ngoài ra, để có được kết quả đáng ghi nhận đó, ngoài nỗ lực của mình, Nhà trường còn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, sự phối hợp của Trường Cao đẳng Sư phạm, Bộ đội biên phòng

tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan; đặc biệt trong đó có sự hướng dẫn, giúp đỡ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Khu vực I, Khu vực III và các trường chính trị tỉnh, thành phố về chuyên môn cũng như trong các chuyến đi thực tế của học viên các lớp.

Việc giữ vững quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh thuộc nước bạn Lào có chung đường biên giới trên tất cả các lĩnh vực, trong đó đào tạo cán bộ cho nước CHDCND Lào trong những năm qua có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Qua thực tế gần 15 năm đào tạo với 11 khoá học, Trường Chính trị Lê Duẩn rút ra một số kinh nghiệm, yêu cầu cấp thiết đòi hỏi công tác giảng dạy và quản lý học viên của nước CHDCND Lào cần phải đổi mới, chấn chỉnh nhằm đáp ứng nhiệm vụ đào tạo học viên Lào trong thời gian tới.

Để đạt được điều đó, theo chúng tôi cần lưu ý và thực hiện tốt một số vấn đề như:

Một là, thực hiện tốt phương châm, tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh uỷ trong công tác đào tạo học viên nước CHDCND Lào; thực hiện tốt hơn nữa công tác tuyển sinh; thực hiện tốt công tác quản lý về học tập, sinh hoạt đối với học viên; nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Việt cho học viên; nâng cao chất lượng giảng dạy gắn với đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng, trình độ của phiên dịch viên trong quá trình dịch giảng; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu thực tế cho học viên; đổi mới công tác đánh giá kết quả, xếp loại học tập, rèn luyện đối với học viên; quan tâm đến các hoạt động khác và chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của học viên...

Hai là, cần phải phải thực hiện các khâu trong quy trình đào tạo thật sự khoa học, biết vận dụng các biện pháp quản lý sáng tạo, khéo léo, linh hoạt để đạt hiệu quả tốt nhất có thể luôn là một yêu cầu đặt ra đối với công tác giảng dạy và quản lý học viên là cán bộ Lào.

Trong 15 năm thực hiện nhiệm vụ chính trị đào tạo cán bộ cho bạn Lào, mặc dù điều kiện của tỉnh cũng như Nhà trường còn khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện ăn ở... Tuy nhiên, với tinh thần và trách nhiệm

cao trong công tác đào tạo học viên Lào, tỉnh Quảng Trị và Trường Chính trị Lê Duẩn đã cố gắng nỗ lực tạo mọi điều kiện tốt nhất để đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, trang cấp những tư trang, vật dụng cần thiết nhất cho học tập, ăn, ở, sinh hoạt... phục vụ học tập và sinh hoạt cho học viên Lào, được các cơ quan, ban ngành đánh giá cao. Các chế độ chính sách theo quy định đối với học viên là người nước ngoài được thực hiện đúng, kịp thời. Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, các phòng chức năng đã thể hiện tốt tinh thần “phục vụ” đối với học viên Lào. Phát huy những điều kiện đã có, thời gian tới, công tác đầu tư cơ sở vật chất phục vụ việc học tập và sinh hoạt của học viên hy vọng ngày càng được quan tâm. Bởi vì hợp tác đào tạo học viên Lào là yêu cầu, nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, là nghĩa vụ quốc tế cao cả, là khâu đột phá trong quan hệ hợp tác toàn diện “đặc biệt” Việt Nam - Lào.

Có thể nói, trải qua 60 năm thử thách, mối quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam càng thêm khăng định là mối quan hệ mẫu mực, trong sáng, rất mực thủy chung, vừa là thành quả cách mạng, vừa là tài sản chung vô giá được xây dựng bằng máu và mồ hôi của nhiều thế hệ nhân dân hai nước, là minh chứng cho mối quan hệ đặc biệt hiếm có giữa hai dân tộc. Là nước láng giềng anh em gần gũi, nhân dân Việt Nam luôn tự hào có nhân dân Lào là người bạn thủy chung, son sắt, trong sáng trong suốt thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước ngày nay. Mỗi người dân Việt Nam đều vui mừng chứng kiến các thành tựu, những đổi thay nhanh chóng đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ trên đất nước Triệu Voi tươi đẹp và chân thành mong muốn nhân dân các bộ tộc Lào anh em, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào sẽ xây dựng thành công một nước Lào phồn vinh, vững mạnh, có quan hệ đối ngoại rộng mở, có vai trò, vị thế không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế và Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị rất tự hào khi đóng góp một phần nhỏ bé của mình để gìn giữ, củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào./.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ KHAI THÁC TIỀM NĂNG, LỢI THẾ HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG - TÂY

ThS. Lê Thị Tường Anh
Khoa Nhà nước và pháp luật

Quảng Trị là địa phương có vị trí chiến lược quan trọng của cả nước, nằm trên các trục giao thông huyết mạch của quốc gia về đường bộ, đường sắt Bắc - Nam và đường biển. Quảng Trị tiếp giáp Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và ở điểm đầu phía Việt Nam trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC) với hai tuyến giao thông quan trọng, kết nối với Lào - Thái Lan - Myanma qua Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và kết nối với Lào qua Thái Lan và Campuchia trên tuyến hành lang song song với Hành lang kinh tế Đông - Tây qua Cửa khẩu quốc tế La Lay. Với lợi thế đó, Quảng Trị đã tranh thủ tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh hợp tác phát triển, liên kết vùng ngoài phạm vi biên giới quốc gia, trên nhiều lĩnh vực với các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

Từ khi thành lập đến nay, quá trình khai thác tiềm năng, lợi thế Hành lang kinh tế Đông - Tây đã đạt được những kết quả nổi bật như sau:

Thứ nhất, về thu hút các nguồn vốn đầu tư. Với nỗ lực thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập và phát triển, cải cách hành chính, xúc tiến đầu tư; với sự quan tâm ủng hộ của các cơ quan Trung ương, tỉnh Quảng Trị đã có cơ hội tiếp nhiều nhà đầu tư có tầm chiến lược

về phát triển, có năng lực về tài chính đã đến nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh Quảng Trị. Trong giai đoạn 2014-2020, tỉnh Quảng Trị thu hút được 288 dự án đầu tư với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 139.032,10 tỷ đồng. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 18 Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng mức đầu tư là 2.485,2 nghìn USD, trong đó có 04 dự án thực hiện ngoài KCN, KKT và 14 Dự án thực hiện trong KCN, KKT [1].

Thứ hai, về hợp tác với các địa phương nước ngoài trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây. Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Quảng trị và các địa phương đồng cấp nước ngoài trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây tiếp tục được củng cố và tăng cường, đặc biệt là hợp tác với các đối tác truyền thống như: Savannakhet và Salavan (Lào) Mukdahan (Thái Lan)...

Từ năm 2014 đến nay, tỉnh Quảng Trị đã ký kết 06 Thoả thuận cấp cao với 02 tỉnh Savannakhet, Salavan (Lào). Thực hiện các Thoả thuận cấp cao được hai bên ký kết, các cấp các ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể 02 bên đã tích cực triển khai, duy trì chế độ trao đổi thông tin, phối hợp công tác một cách thường xuyên và đạt được hiệu quả hợp tác thiết thực. Ngoài ra, hai bên thường xuyên phối hợp, giúp nhau phát triển kinh tế-xã hội,

phòng chống dịch bệnh, xoá đói giảm nghèo hai bên biên giới, bảo vệ giữ vững chủ quyền an ninh biên giới.

Thứ ba, công tác quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị. Trong thời gian qua, với quyết tâm xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030, tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động các dự án trọng điểm tại Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Trong đó đặc biệt chú trọng quy hoạch các dự án giao thông liên vùng để tạo kết nối, lan toả và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như: Cảng hàng không Quảng Trị, cảng nước sâu Mỹ Thủy, Quốc lộ 15D kết nối cảng Mỹ Thủy với cửa khẩu Quốc tế La Lay, Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây. Kỳ vọng những dự án có ý nghĩa quan trọng này, không chỉ thúc đẩy phát triển cho tỉnh Quảng Trị mà còn mở ra khả năng mở rộng không gian phát triển kinh tế, kết nối Quảng Trị với toàn bộ khu vực rộng lớn bao gồm: Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan; nối hai bờ Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương; góp phần củng cố, tăng cường và phát triển mối quan hệ hợp tác toàn diện, sâu sắc, vững bền giữa hai nước Việt Nam-Lào, trong đó có mối quan hệ hữu nghị lâu đời, thân thiết, bền chặt giữa hai tỉnh Quảng Trị và Savannakhet.

Thứ tư, hợp tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn lực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế nói chung và hợp tác phát triển Hành lang kinh tế Đông-Tây nói riêng luôn được chú trọng. Thực hiện thoả thuận hợp tác giữa các đoàn đại

biểu cấp cao 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet - Salavan, Tỉnh uỷ Quảng Trị đã có chủ trương về việc đào tạo cán bộ chính trị giúp Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Trị giao cho Trường Chính trị Lê Duẩn chủ trì cùng với Trường Cao đẳng sư phạm, Bộ đội biên phòng, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ và các cơ quan liên quan nghiên cứu, khảo sát, xây dựng đề án. Tính đến nay, Trường Chính trị Lê Duẩn đã mở được 11 lớp đào tạo chương trình Trung cấp lý luận chính trị-hành chính cho hai tỉnh Salavan và Savannakhet, nước CHDCND Lào. Ngoài ra, tỉnh Quảng Trị còn các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Salavan và Savannakhet như Trường Cao đẳng Sư phạm; Trường Cao đẳng Y tế. Ngoài ý nghĩa về hợp tác đào tạo, các khoá học còn mang ý nghĩa hết sức to lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng mà hai Đảng, hai Nhà nước tin tưởng giao phó, qua đó nhằm tăng cường hơn nữa tinh thần đoàn kết, hợp tác toàn diện, tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh - quốc phòng giữa các tỉnh giáp biên nói riêng và hai nước Việt-Lào nói chung.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tế cũng cho thấy, trong quá trình khai thác tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông-Tây của tỉnh Quảng Trị gặp không ít khó khăn, thách thức: Một số sở, ngành, địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính. Liên kết vùng giữa các địa phương, các quốc gia trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây còn hạn chế; các địa phương thiếu

một chiến lược tổng thể vùng về khai thác tiềm năng, thế mạnh của Hành lang kinh tế Đông - Tây. Hiện nay, Quảng Trị và các tỉnh trên khu vực hành lang vẫn chưa giải được bài toán về cơ cấu ngành chiến lược như phát triển ngành nào là phù hợp nhất với thế mạnh của địa phương và tận dụng được lợi thế nằm trên hành lang kinh tế. Việc bám sát hoạt động, công tác xúc tiến đầu tư của bộ, ngành để tận dụng sự ủng hộ, giới thiệu của các bộ với nhà đầu tư còn rất mỏng. Kinh phí xúc tiến đầu tư cấp hàng năm chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện. Do đó, các đơn vị được giao nhiệm vụ xúc tiến đầu tư chỉ thực hiện được những nhiệm vụ thường xuyên chưa có tính đột phá. Cơ sở hạ tầng trên tuyến đã được đầu tư, nâng cấp nhưng chưa đồng bộ. Việc liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các vùng, miền trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây vẫn chưa có sự gắn kết, chưa thực sự hiệu quả. Lượng khách đường bộ qua Hành lang kinh tế Đông Tây khá cao nhưng lưu lại Quảng Trị chưa nhiều. Chi tiêu của khách thấp do chưa có đầu tư cho các dịch vụ hỗ trợ. Công tác hợp tác, phối hợp với các tổ chức giáo dục, các trường đại học của Lào và Thái Lan để đào tạo nguồn nhân lực về chuyên ngành, thông thạo tiếng Lào, tiếng Thái còn gặp nhiều khó khăn.

Từ thực tế nêu trên, để đẩy mạnh khai thác tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông - Tây tỉnh Quảng Trị cần có những giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục củng cố và tăng cường hợp tác với các đối tác truyền thống và nhanh chóng thiết lập các kênh đối ngoại chính thức giữa Quảng Trị và các địa phương khác trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm

xây dựng quan hệ đối tác cấp địa phương. Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân để tiếp cận được rộng rãi các đối tượng, thiết lập được các mối quan hệ cá nhân với doanh nghiệp, chính giới, nhân sĩ.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại. Chú trọng đến các hình thức, mô hình mới có hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động thông tin, quảng bá, hội nghị, hội thảo quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch... Đầu tư xây dựng nâng cấp trang thông tin điện tử Quảng Trị bằng nhiều thứ tiếng nước ngoài trong đó có cả tiếng Thái, tiếng Lào để góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, quảng bá đầu tư, tìm kiếm thị trường cho các doanh nghiệp và thị trường lao động.

Thứ ba, lấy lĩnh vực thương mại, Logistics làm trọng tâm xúc tiến hợp tác liên vùng trong giai đoạn 2022-2030. Khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh tìm hiểu đầu tư các cơ sở sản xuất, trung chuyển hàng hoá tại Lào từ đó có thể kết nối với các doanh nghiệp thuộc các tỉnh Đông bắc Thái Lan có biên giới với Lào. Vận động các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức tài chính quốc tế... hỗ trợ, tư vấn về cơ chế chính sách, tài chính để thúc đẩy hợp tác giữa các địa phương trên tuyến EWEC. Trong xu hướng phát triển của công nghệ thanh toán điện tử, cần xác định việc tiết kiệm chi phí kinh doanh bằng việc hỗ trợ doanh nghiệp hai bên thực hiện các thỏa thuận mua bán thông qua nền tảng thương mại điện tử, từng bước xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử liên vùng nhằm tăng cường giao thương.

Thứ tư, huy động mọi nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng để triển khai các chương trình hợp tác với các địa phương trên tuyến EWEC. Bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện hiện đại tại khu kinh tế-thương mại đặc biệt Lao Bảo và cửa khẩu quốc tế Lao Bảo; xây dựng và phát triển các trục đường kết nối các vùng kinh tế trọng điểm, hình thành Hành lang đường bộ và kinh tế cửa khẩu quốc tế La Lay về Mỹ Thủy và kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm tạo thuận lợi cho các hoạt động lưu thông, phát triển thương mại biên giới đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Thứ năm, xác định vai trò của các chủ thể xây dựng và triển khai kế hoạch khai thác tiềm năng, lợi thế của Hành lang kinh tế Đông - Tây. Chính quyền địa phương, các sở ban ngành liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch khai thác tiềm năng, lợi thế của EWEC theo phương pháp có sự tham gia. Việc xây dựng các kế hoạch, chương trình cần phải lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp để tăng cường tính thực tiễn đồng thời tạo ra cơ chế thông tin, định hướng nhanh cho doanh nghiệp. Sự tham gia đầu tư của một số doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực du lịch, thương mại sẽ tạo động lực quan trọng cho sự phát triển của các doanh nghiệp khác trong tỉnh. Việc các doanh nghiệp này triển khai dự án tại tỉnh sẽ giúp thu hút các nguồn nhân lực có chất lượng từ nhiều nơi cho ngành du lịch, thương mại của tỉnh. Đây là cơ hội cho các doanh nghiệp trong tỉnh nâng cao năng lực và thực hiện thay đổi cấu trúc nội bộ ngành

du lịch, thương mại. Nếu thành công trong việc thu hút các chủ thể tạo động lực thì cấu trúc ngành du lịch - thương mại sẽ có sự biến chuyển theo hướng các doanh nghiệp nhỏ tập trung cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp động lực, từng bước được trang bị các điều kiện cần thiết để tiến đến cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp tạo động lực.

Có thể nói, Hành lang kinh tế Đông - Tây đã mang lại những hiệu quả rất thiết thực đối với các nước dọc tuyến. Hành lang kinh tế Đông - Tây ra đời chính là sợi dây liên kết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá xã hội giữa các quốc gia Đông Nam Á nói chung và các địa phương nói riêng. Sự phát triển về giao thông vận tải thông qua việc kết nối với nhiều tuyến đường huyết mạch đã tạo điều kiện giúp các địa phương có Hành lang kinh tế Đông - Tây chạy qua tiếp cận dễ dàng hơn với các trung tâm kinh tế. Nhưng để khai thác tối đa những lợi ích do Hành lang kinh tế Đông - Tây mang lại thì các nước cũng cần tuyên truyền, quảng bá và kêu gọi giới đầu tư và kinh doanh trong và ngoài khu vực quan tâm nhiều hơn đến những tiềm năng và cơ hội tại khu vực hàng lang, biến hành lang giao thông này thực sự thành một hình mẫu thành công trong hợp tác kinh tế giữa các nước./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Báo cáo Đánh giá tình hình triển khai Kế hoạch khai thác tiềm năng, lợi thế Hành lang kinh tế Đông-Tây ngày 30/3/2022 của Sở Ngoại vụ Quảng Trị.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÔN GIÁO Ở HUYỆN GIO LINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ThS. Nguyễn Thị Chính
Khoa Nhà nước và pháp luật

Quản lý về tôn giáo là một lĩnh vực, nhiệm vụ quan trọng của quản lý nhà nước. Nghị quyết số 25/NQ-TW ngày 12/3/2003 của Bộ Chính trị khóa IX về công tác tôn giáo đã xác định phải tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo nhằm góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta về công tác tôn giáo, dưới sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện luôn quan tâm, phối hợp với các cấp, ngành, địa phương có đồng bào theo đạo tích cực tham mưu quản lý tốt các hoạt động tôn giáo trên địa bàn; góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo ở địa phương. Hiện tại, số lượng cơ sở tôn giáo, chức sắc, chức việc của từng tôn giáo được duy trì ổn định. Phật giáo có số lượng tín đồ khoảng 5.400 tín đồ; 38 tổ chức tôn giáo cơ sở, 29 chùa, 09 Niệm Phật đường, có 30 tăng, ni. Công giáo có khoảng 1.080 tín đồ. Tin lành có 53 tín đồ. Tình hình hoạt động của các tổ chức tôn giáo trên địa bàn huyện diễn ra bình thường, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng nội dung, chương trình hoạt động

tôn giáo đã đăng ký. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn ngày càng đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể như sau:

Thứ nhất, công tác quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, công tác tôn giáo.

Các cấp ủy Đảng tiếp tục chỉ đạo quán triệt trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân các chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo. Huyện ủy ban hành Chương trình hành động số 03-CTHĐ/HU, ngày 28/7/2003 về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của BCH Trung ương Đảng về công tác tôn giáo; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016; Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của BCHTW Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới*”... qua đó, đã giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng nhận thức rõ hơn về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Tổ chức tuyên truyền, vận động chức sắc tôn giáo và bà con giáo dân tích cực hưởng ứng và tham gia bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa

XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đạt kết quả cao.

Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo huyện chỉ đạo đảng ủy các xã, thị trấn tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 08-KL/TW ngày 2/8/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng cốt cán trong tôn giáo; tiếp tục chỉ đạo phong trào “*Xây dựng nếp sống văn minh, an lành, đoàn kết của cơ sở tôn giáo*” giai đoạn 2018 - 2023; tính đến nay toàn huyện đã xây dựng được 10 mô hình tôn giáo.

Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo huyện phối hợp với UBMTTQVN huyện và các cơ quan liên quan tham mưu tổ chức đoàn đại diện lãnh đạo huyện thăm, chúc mừng Ban Trị sự giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện nhân các ngày lễ trọng của các tổ chức tôn giáo như Tết cổ truyền, lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, 40 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Thứ hai, công tác ban hành văn bản quản lý nhà nước về tôn giáo

UBND huyện đã kịp thời ban hành các kế hoạch, công văn chỉ đạo các ban, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo và phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động tôn giáo và các ngày lễ cụ thể; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các cơ quan liên quan hướng dẫn, nắm tình hình hoạt động của các tổ chức tôn giáo.

UBND huyện chỉ đạo Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn tăng cường kiểm tra tại địa bàn, ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông; có phương án đề phòng và xử lý kịp thời các tình huống kẻ xấu lợi dụng gây rối an ninh trật tự, phá hoại chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà

nước; giải quyết các nhu cầu chính đáng về sinh hoạt tôn giáo của bà con có đạo; chỉ đạo các xã, thị trấn hướng dẫn đăng ký sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bổ sung ngoài chương trình đã đăng ký với chính quyền; chỉ đạo các lực lượng phối hợp hỗ trợ các hoạt động nhân đạo, từ thiện; hướng dẫn các thủ tục hành chính đề xuất cấp đất bổ sung cho một số cơ sở tôn giáo.

UBND huyện chỉ đạo niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa cấp huyện và cấp xã trong lĩnh vực tôn giáo (theo Quyết định số 81/QĐ-UBND, ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ) để đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

UBND huyện chỉ đạo chính quyền các cấp làm tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai cơ sở tôn giáo theo các quy định của pháp luật, các trường hợp đề nghị cấp đất chính đáng luôn được chính quyền quan tâm giải quyết.

Thứ ba, công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào tôn giáo; phát triển đảng viên là người theo tôn giáo; xây dựng và phát huy vai trò của cốt cán tôn giáo.

Các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng cốt cán trên địa bàn huyện. Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, vận động đồng bào có đạo tích cực thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao hiệu quả tập hợp thu hút đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào có đạo vào tổ chức và

tham gia tích cực các nhiệm vụ ở địa phương như hiến đất, hiến cây, ủng hộ tiền của để xây dựng nông thôn mới, chỉnh trang đô thị; tham gia thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, thiên tai lũ lụt, tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

Thứ tư, công tác tôn giáo và đấu tranh với các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo của các lực lượng vũ trang.

Lực lượng vũ trang huyện thường xuyên triển khai có hiệu quả công tác nghiệp vụ, tổ chức tuyên truyền nâng cao cảnh giác của người dân trước những âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, bọn phản động, các đối tượng cực đoan trong và ngoài nước lợi dụng chống phá ta, đặc biệt là các hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước.

Chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xóa bỏ các điều kiện mà các thế lực thù địch lợi dụng xâm phạm an ninh trật tự; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, giải quyết dứt điểm các vụ việc xảy ra liên quan đến tôn giáo, vấn đề đất đai tôn giáo, tranh chấp, mâu thuẫn trong tôn giáo, không để các thế lực thù địch lợi dụng xâm phạm an ninh trật tự.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn huyện còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn như sau:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, công tác quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở cơ sở và công tác quản lý đất đai tôn giáo có mặt còn hạn chế, việc nắm tình hình liên quan đến công tác tôn giáo, hoạt động tôn giáo và các hoạt động từ thiện

liên quan đến tôn giáo có lúc còn chậm.

Một số cơ sở tôn giáo vẫn còn tình trạng cố tình xây dựng các công trình tôn giáo phụ trợ khi chưa có sự chấp thuận của các cấp chính quyền.

Việc chỉ đạo phong trào “*Xây dựng nếp sống văn minh an lành, đoàn kết của cơ sở tôn giáo*” chưa được phát động rộng khắp trong các cơ sở tôn giáo, mô hình trong tôn giáo còn ít, chủ yếu tập trung vào các cơ sở Phật giáo.

Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo vẫn còn một số người thiếu chuyên môn, kinh nghiệm và lúng túng trong nắm bắt, dự báo, xử lý tình huống tôn giáo.

Một số tín đồ tôn giáo lấy tư cách công dân nhận chuyển nhượng, mua bán đất để xây dựng công trình tôn giáo trái quy định của pháp luật; tình trạng coi nói, xây dựng khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép ở các cơ sở tôn giáo vẫn còn diễn ra; một số vấn đề đất đai liên quan đến tôn giáo còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn, hướng mọi tôn giáo đến mục tiêu chung “tốt đời, đẹp đạo” chúng ta cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là, các cấp ủy Đảng tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân và chức sắc, tín đồ các tôn giáo trên địa bàn huyện, đặc biệt nghiên cứu nội dung Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng liên quan đến quản lý nhà nước về tôn giáo để tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Hai là, UBND huyện tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo; nắm chắc tình hình việc truyền chuyển, bổ nhiệm, trừ xứ của các chức sắc tôn giáo, nhất là các tăng, ni phật giáo xin về trú xứ ở các chùa trong huyện; việc tổ chức lễ bổ nhiệm trụ trì các chùa; các hoạt động ngoài chương trình đăng ký của các tôn giáo; hoạt động từ thiện của các tôn giáo trên địa bàn huyện. Rà soát, quy hoạch tổng thể đất đai cơ sở thờ tự tôn giáo để có kế hoạch quản lý, sử dụng phù hợp; xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền cấp đất cho các tổ chức tôn giáo đủ điều kiện; quản lý chặt chẽ và xử lý nghiêm việc xây dựng, dựng tượng, trùng tu, sửa chữa cơ sở thờ tự trái quy định của pháp luật.

Ba là, UBMTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tiếp tục tuyên truyền, vận động Nhân dân đoàn kết tập hợp người có đạo vào tổ chức hội; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo trên địa bàn tích cực hưởng ứng cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh*”, vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo hưởng ứng phong trào “*Xây dựng nếp sống văn minh, an lành, đoàn kết của các cơ sở tôn giáo*”.

Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Cần thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, đào tạo lại và các lớp bồi dưỡng, cập nhật thông tin, kiến thức liên quan đến tôn giáo do các trường đại học, học viện và các cơ quan chuyên môn tổ chức. Việc sử dụng, bố trí, bổ nhiệm, điều động cán bộ làm công tác tôn giáo phải hợp lý, đặc biệt là đối với những người đứng đầu; quan tâm và ưu tiên đối với những người có trình độ, năng lực và kinh nghiệm trong

công tác tôn giáo, có trách nhiệm đối với công việc; xác định rõ nguyên tắc vì việc mà bố trí người, tránh tình trạng bố trí, sử dụng cán bộ không đúng người, đúng việc, sử dụng cán bộ không trên cơ sở chuyên môn, sở trường dẫn tới lãng phí nguồn lực, ít hiệu quả, đồng thời ảnh hưởng tới tâm tư, tình cảm và sự phấn đấu của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo; kiên quyết xử lý nghiêm minh các trường hợp cán bộ sai phạm trong công tác tôn giáo, không để ảnh hưởng tới niềm tin của các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo và quần chúng nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tôn giáo, tín ngưỡng.

Năm là, Ban Chỉ huy Quân sự và Công an huyện tiếp tục phối hợp với các ban, ngành, cơ quan chức năng nắm tình hình hoạt động của các tôn giáo; kịp thời xử lý những hoạt động vi phạm pháp luật, lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định an ninh - trật tự ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với tôn giáo có vai trò quan trọng trong phát huy những nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đức truyền thống xã hội, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội, phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo là vấn đề quan trọng để chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về tôn giáo đi vào đời sống xã hội nói chung và trên địa bàn huyện Gio Linh nói riêng./.

NÂNG CAO PHÚC LỢI, LỢI ÍCH CHO ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Vân

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Công đoàn Việt Nam từ khi thành lập đến nay, đều thể hiện vai trò quan trọng trong việc chăm lo phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các tầng lớp lao động bao gồm công nhân, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật. Thời gian qua, Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Trị tập trung chỉ đạo các cấp công đoàn hướng mọi hoạt động về cơ sở, đoàn viên, người lao động, tổ chức được nhiều chương trình hoạt động như: Chăm lo phúc lợi và triển khai Chương trình phúc lợi cho đoàn viên công đoàn; tổ chức “Tết Sum vầy - Xuân Bình an”, “Tháng Công nhân”; đề xuất xây dựng các thiết chế công đoàn, góp phần tháo gỡ những vấn đề bức xúc cho công nhân các khu công nghiệp. Đẩy mạnh đối thoại, thương lượng tập thể, góp phần bảo đảm chế độ, chính sách và từng bước nâng cao phúc lợi, lợi ích cho người lao động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hoà, ổn định. Tổ chức Công đoàn trực tiếp tham gia giải quyết các nhu cầu cấp thiết, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động như: Nhà ở, nhà trẻ, tư vấn pháp luật..., góp phần cải thiện, nâng cao đời sống công đoàn và đoàn viên, người lao động.

Sau khi Tổng Liên đoàn Lao động ban hành Chương trình số 1734-Ctr/TLĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 về “*Nâng cao phúc lợi, lợi ích cho công đoàn viên và người lao động, giai đoạn 2019-2023*”, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đã triển khai Kế hoạch số 42/KH/LĐLĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, nhanh chóng đưa nội dung chương trình và Chương trình công tác trọng tâm năm 2021. Chủ động tìm kiếm đối

tác, thỏa thuận và tổ chức ký chương trình phúc lợi đoàn viên giữa Liên đoàn Lao động tỉnh với các đối tác mới như: Công ty CPTM&XNK Việt Hồng Chinh, Công ty CP Thiên Tân, Công ty CP Mía đường Lam Sơn, Nhà Thiếu nhi tỉnh, Phòng khám nha khoa Bác sỹ Thương... Tổ chức hoạt động tuyên truyền rộng rãi trên trang web Công đoàn Quảng Trị, Fanpage Công đoàn Quảng Trị, chuyên mục Công đoàn trên Báo Quảng Trị, đài Phát thanh truyền hình tỉnh với nhiều nội dung phong phú, đa dạng ở các lĩnh vực ngành, nghề. Đặc biệt trong năm 2021, Liên đoàn lao động tỉnh đã linh hoạt thích ứng với tình hình dịch bệnh, chủ động triển khai các giải pháp để thực hiện hiệu quả công tác chăm lo đời sống, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, qua đó góp phần ổn định quan hệ lao động, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đối với hoạt động chăm lo phúc lợi, lợi ích vật chất cho đoàn viên, người lao động, các cấp công đoàn nâng cao chất lượng đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo các nội dung thương lượng có lợi hơn cho đoàn viên và người lao động so với quy định chung. Trong đó, tập trung vào các nội dung: Tiền lương, tiền thưởng, thời giờ và điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động, các chế độ phúc lợi vào dịp lễ, Tết. Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức ký kết thỏa ước lao động tập thể nhóm doanh nghiệp chế biến, kinh doanh xuất khẩu gỗ tỉnh Quảng Trị; các cấp công đoàn đã triển khai tổ chức “*Ngày ký kết thỏa ước lao động tập thể*” cụ thể như: Liên đoàn Lao động huyện Triệu Phong tổ chức ký

kết 05 doanh nghiệp, Liên đoàn Lao động huyện Vĩnh Linh ký kết 04 doanh nghiệp và các đơn vị còn lại ký kết được với 06 doanh nghiệp. Hiện nay, trên toàn tỉnh đã có 140 doanh nghiệp (có tổ chức công đoàn) đã ký kết thỏa ước lao động tập thể, trong đó có 25 đơn vị thương lượng ký kết lần đầu; bước đầu đã đạt được nhiều tín hiệu tích cực như đã đề xuất điều chỉnh bữa ăn ca lên cao hơn 15.000 đồng cho 22 đơn vị, đến nay có 75 doanh nghiệp có bữa ăn ca cho người lao động.

Các cấp công đoàn đã chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy trong lãnh đạo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức tốt hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và hội nghị người lao động theo đúng quy định để phát huy quyền dân chủ trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, có 100% đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức hội nghị cán bộ công chức, có 159/159 doanh nghiệp (có 10 lao động trở lên) tổ chức hội nghị người lao động, có 25% số doanh nghiệp (có công đoàn cơ sở) đã xây dựng, ban hành Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc có quy định về đối thoại theo quy định mới của Bộ Luật Lao động 2019. Trong năm 2021 đã ký thỏa thuận hợp tác chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên, người lao động” với 05 doanh nghiệp, đơn vị và thông qua chương trình đã có gần 500 đoàn viên tham gia với giá trị 350 triệu hưởng lợi từ chương trình. Đã thực hiện sửa chữa 32 nhà “Mái ấm công đoàn” với trị giá 1,2 tỷ đồng, phê duyệt cho 07 người lao động vay 380 triệu đồng để giải quyết việc làm.

Đại dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát với diễn biến phức tạp, kéo dài đã ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân, người lao động. Từ đầu năm đến nay, các cấp công đoàn trong tỉnh đã cùng với hệ thống chính trị triển khai kịp thời, đồng bộ các giải pháp phòng chống dịch Covid-19, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế-xã hội” trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Liên đoàn Lao động

tỉnh đã có những giải pháp, việc làm cụ thể, thiết thực để góp phần hỗ trợ cho đoàn viên, người lao động vượt qua khó khăn, ổn định dần cuộc sống: Trực tiếp thăm hỏi, động viên và trao hỗ trợ cho 208 đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 với 180.500.000 đồng, trong đó: Chi cho 15 đoàn viên, người lao động là F0 với số tiền 30.000.000 đồng; chi cho 93 đoàn viên, người lao động dạng F1 hoàn cảnh khó khăn với số tiền 100.500.000 đồng; chi hỗ trợ 100 đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn nghỉ việc do cách ly y tế, phong tỏa với số tiền 50.000.000 đồng. Đã hỗ trợ 55 đoàn viên, người lao động tại các cơ quan, doanh nghiệp có đóng kinh phí công đoàn đã di chuyển từ các tỉnh phía Nam về Quảng Trị với số tiền 40.000.000 đồng. Hỗ trợ cho đội ngũ y bác sỹ tuyến đầu chống dịch tại Bình Dương với 69.000.000 đồng. Thăm hỏi, động viên đoàn viên, người lao động trực tiếp làm nhiệm vụ phòng chống dịch tại tỉnh với 150.000.000 đồng. Liên đoàn Lao động tỉnh đã triển khai ủng hộ nguồn lực để hỗ trợ tuyến đầu chống dịch, cho bà con nhân dân, người lao động có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 trong tỉnh cũng như trong cả nước với số tiền 7,2 tỷ đồng.

Chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, đoàn viên trong tết Nguyên đán các cấp công đoàn đã tặng 25.021 suất quà trị giá 13,4 tỷ cho công nhân, viên chức người lao động, có 230 công đoàn cơ sở doanh nghiệp (85% Doanh nghiệp có công đoàn cơ sở) phối hợp với chủ doanh nghiệp tổ chức “Tết sum vầy” hoặc bữa cơm tất niên tặng quà cho người lao động. tổ chức phát động “Tháng công nhân - tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động” tại Khu Công nghiệp Quán Ngang thu hút 500 đoàn viên tham gia. Các cấp công đoàn đã hỗ trợ 2.832 suất quà trị giá 1,04 tỷ đồng cho đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bị tai nạn lao động, ốm đau. Những món quà được trao đi chính là những thông điệp

nhân ái, nghĩa tình, sẻ chia của tổ chức Công đoàn cùng các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm. Đây cũng là động lực để đoàn viên, người lao động cùng nhau nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, đoàn kết thi đua lao động sản xuất, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh và địa phương, doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện chương trình vẫn còn những tồn tại hạn chế như: Công tác chỉ đạo tổ chức, thực hiện chăm lo phúc lợi, lợi ích đoàn viên người lao động về đời sống vật chất và tinh thần tại một số đơn vị còn mang tính hành chính, thiếu quyết liệt và sự chủ động. Công tác tuyên truyền thông tin về các chương trình phúc lợi cho đoàn viên và người lao động còn hạn chế nên đa phần đoàn viên chưa tiếp cận đối với các sản phẩm, dịch vụ ưu đãi của đối tác, có những nơi đoàn viên người lao động tiếp nhận thông tin nhưng chưa đầy đủ, cụ thể dẫn đến thiếu sự tin tưởng và nhiệt tình tham gia. Việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ ưu đãi của một số đối tác hiện chưa được tiến hành do phụ thuộc vào chương trình cấp thẻ đoàn viên của Tổng Liên đoàn Lao động. Số lượng mất việc tăng cao dẫn đến số đoàn viên giảm, nhiều nơi người sử dụng lao động còn vi phạm về chế độ, chính sách của người lao động. Công tác tuyên truyền pháp luật chưa tập trung vào chiều sâu, hiểu biết pháp luật của một bộ phận công nhân lao động còn hạn chế, việc nắm bắt diễn biến tâm tư nguyện vọng của đoàn viên còn chậm. Bên cạnh những doanh nghiệp có điều kiện và thực hiện tốt công tác chăm lo Tết cho người lao động, vẫn còn không ít các doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid - 19 không có điều kiện chăm lo Tết cho người lao động, thu nhập của người lao động còn thấp. Nguyên nhân của hoàn cảnh trên chủ yếu do tình hình dịch Covid - 19 kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến phong trào công nhân viên chức lao động và các hoạt động công đoàn. Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cơ sở đầy

manh công tác tuyên truyền về chương trình phúc lợi công đoàn viên, công nhân viên chức lao động chưa thường xuyên, liên tục, nhiều công đoàn cơ sở còn lúng túng chưa chủ động phối hợp với các đối tác, doanh nghiệp có các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu khác trên địa bàn, thương lượng ký kết thỏa thuận hợp tác mới ở cấp mình; một số đối tác đã ký kết thực hiện chương trình với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chưa thường xuyên phối hợp, cung cấp thông tin, giới thiệu sản phẩm, triển khai nội dung đã ký kết, chưa đưa thông tin về sản phẩm đến công đoàn viên và người lao động biết được giảm giá khi mua sản phẩm nào.

Để đáp ứng được nguyện vọng của đoàn viên công đoàn và người lao động, nhằm chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên công đoàn, nâng cao hiệu quả công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, hướng tới lợi ích thiết thực cho đoàn viên công đoàn Liên đoàn lao động tỉnh Quảng Trị cần chú trọng thực hiện những giải pháp sau đây:

Thứ nhất, Liên đoàn Lao động tỉnh cần triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “*Đảm bảo việc làm bền vững, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động*”. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong công nhân viên chức lao động theo hướng đổi mới, thiết thực, hiệu quả, phù hợp, trọng tâm là phong trào “*Lao động giỏi, Lao động sáng tạo*”, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động. Quan tâm đề xuất các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, quan tâm đến cán bộ công đoàn cơ sở, công nhân lao động trực tiếp; người sử dụng lao động chăm lo tốt chế độ, chính sách cho người lao động.

Thứ hai, chăm lo phúc lợi, lợi ích vật chất cho đoàn viên và người lao động thông qua đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể theo hướng có lợi hơn cho đoàn viên và người lao động tập trung vào các nội dung về

tiền lương, tiền thưởng, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, chất lượng bữa ăn ca, điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động, các chế độ phúc lợi vào dịp Lễ, Tết cho đoàn viên và người lao động...

Thứ ba, thông qua xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ các tổ chức công đoàn chủ động tham mưu cho cấp ủy đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; cùng phối hợp với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức tốt hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và hội nghị người lao động; chủ động xác định nội dung đối thoại, đề xuất với người sử dụng lao động tổ chức đối thoại; Công đoàn chủ động, tích cực tham gia xây dựng nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là những quy chế trực tiếp liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên và người lao động.

Thứ tư, tăng cường kết nối, hỗ trợ giữa công đoàn cấp trên cơ sở với Công đoàn cơ sở, đoàn viên và người lao động. Chống quan liêu, hình thức và bệnh thành tích trong hoạt động công đoàn. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với các cơ quan liên quan trong hỗ trợ, tư vấn pháp luật cho đoàn viên, người lao động các cấp Công đoàn.

Thứ năm, Công đoàn các cấp cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng hiệu quả mạng xã hội trong việc tuyên truyền về chương trình “*Phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và người lao động*”; Tổ chức tọa đàm, tập huấn và chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình triển khai hiệu quả. Tổ chức một số sự kiện lớn, tạo sự quan tâm của đoàn viên, người lao động và toàn xã hội đối với Chương trình; Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên tham gia.

Thứ sáu, tăng cường huy động nguồn lực xã hội chăm chăm lo, hỗ trợ đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng bởi

thiên tai, dịch bệnh... hỗ trợ xây dựng nhà “*Mái ấm công đoàn*”, tặng quà cho công nhân, người lao động vào dịp lễ, tết.

Thứ bảy, đẩy nhanh tiến độ cấp thẻ mới cho đoàn viên Công đoàn để họ được thụ hưởng lợi ích từ chương trình phúc lợi, tạo sự khác biệt đối với người lao động không phải là đoàn viên để thu hút sự tham gia vào tổ chức công đoàn, tiến hành các thủ tục hưởng các chế độ ưu đãi về dịch vụ, sản phẩm dễ dàng đến với công đoàn viên.

Thứ tám, chú trọng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng và tăng cường hoạt động đối thoại, thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể của cán bộ công đoàn. Tăng cường giám sát công tác quản lý Nhà nước về lao động; xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở theo các chủ trương của Đảng và Chính phủ; tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý; tham gia giải quyết hiệu quả các vụ tranh chấp lao động, đình công.

Tin rằng, từ những kết quả đạt được trong hoạt động chăm lo phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và người lao động của các cấp công đoàn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong năm qua, tiếp tục khẳng định và phát huy vai trò đại diện của tổ chức Công đoàn với người lao động, là người bạn thân thiết, chỗ dựa tin cậy của đoàn viên và người lao động; tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc, công hiến, đóng góp tích cực sự nghiệp xây dựng quê hương./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021, về “*Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn Việt Nam trong tình hình mới*”
2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Chương trình số 1734-Ctr/TLĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 về “*Nâng cao phúc lợi, lợi ích cho công đoàn viên và người lao động, giai đoạn 2019-2023*”
3. Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Trị, Báo cáo số 343/BC-LĐLĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “*Báo cáo kết quả chăm lo phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và người lao động năm 2021*”.

TỔ CHỨC TOẠ ĐÀM KHOA HỌC - MỘT PHƯƠNG THỨC LAN TOẢ GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ThS. Dương Thị Châu Phụng
Khoa Lý luận cơ sở



Hội thảo khoa học cấp trường “Vận dụng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu ở Trường Chính trị Lê Duẩn”. Ảnh: TL.

Đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng luôn được xác định vừa là nhiệm vụ có tính cấp thiết vừa lâu dài của Đảng ta. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã khẳng định: “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị*”. Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị luôn tìm mọi cách chống phá Đảng, Nhà nước với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tác động lên tất cả các lĩnh vực, ngành, giới, tầng lớp xã hội nói chung. Do đó, đề bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đạt được hiệu quả cao trong thực tiễn, trước hết mỗi cán bộ, đảng viên cần nhận thức đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc về những nội dung trọng tâm của công tác đấu tranh bảo vệ nền

tảng tư tưởng của Đảng và cần phải được tăng cường với những biện pháp phù hợp, đa dạng hoá phương thức, chọn những cách làm, mô hình hay. Trong đó, tổ chức toạ đàm khoa học là một trong những phương thức hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện Kế hoạch 16-KH/TCTLĐ của Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc thực hiện Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG và Kế hoạch số 133-KH/TU của Tỉnh ủy Quảng Trị, trong những năm qua, Trường Chính trị Lê Duẩn đã thực hiện nhiều giải pháp quan trọng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Qua đó, Nhà trường tiếp tục tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW về “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong*

tình hình mới” ngày 22/10/2018 Bộ Chính trị khóa XII; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chống các quan điểm thù địch, sai trái trên lĩnh vực lý luận nhằm khẳng định, bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; góp phần định hướng nhận thức, tư tưởng cho các tầng lớp nhân dân, củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng. Nhà trường đã tổ chức thực hiện các đề tài khoa học cấp trường, viết bài chính luận đăng trên trang Web, Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn, tổ chức sinh hoạt chuyên đề, giảng dạy lồng ghép trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị... Trong đó, tổ chức tọa đàm khoa học được xem là một trong những phương thức có hiệu quả thiết thực góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Trường Chính trị Lê Duẩn.

Thứ nhất, xác định công tác tư tưởng có tầm quan trọng trong nhận thức và bảo vệ nền tảng tư tưởng nên ngay sau Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, Đảng ủy Trường Chính trị Lê Duẩn đã chọn khâu đột phá là công tác tư tưởng và đã tổ chức tọa đàm khoa học với chủ đề: *“Vấn đề tư tưởng và công tác tư tưởng ở Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn hiện nay”*. Thông qua buổi tọa đàm của Đảng bộ Nhà trường nhằm tìm ra nguyên nhân, đề ra giải pháp và những kiến nghị, đề xuất để tạo sự đồng thuận, đoàn kết trong toàn Đảng bộ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao. Tham gia buổi tọa đàm có 10 tham luận với các nội dung chủ yếu: Khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng công tác tư tưởng của Đảng; thực trạng công tác tư tưởng; những kết quả quan trọng đã đạt được trong thực hiện công tác tư tưởng; nhận diện một số nguyên nhân, hạn chế, khuyết điểm còn tồn tại về tư tưởng và công tác tư tưởng, đồng thời đề xuất những giải pháp, kiến nghị, đề xuất để tiếp tục thực hiện tốt công tác tư tưởng ở Nhà trường. Thông qua đó, đảng viên của Đảng bộ

Trường Chính trị Lê Duẩn đã xác định rõ hơn công tác tư tưởng là một trong những nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm xây dựng Đảng bộ vững mạnh, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong cán bộ, viên chức của Nhà trường thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời công tác tư tưởng góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch trong tình hình mới.

Thứ hai, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo Khoa Lý luận cơ sở tổ chức Toạ đàm khoa học với hình thức khác nhau. Khoa Lý luận cơ sở đã tổ chức tọa đàm khoa học với chủ đề: *“Tuổi trẻ Quảng Trị bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới”* cho học viên lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của Đoàn Thanh niên đang học tập tại Trường (ĐT 32); thực hiện Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG và Kế hoạch số 133-KH/TU của Tỉnh ủy Quảng Trị trong năm 2022, được sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và sự phối hợp của Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hải Lăng, Khoa Lý luận cơ sở đã phối hợp Ban Tuyên giáo Huyện Hải Lăng tổ chức Toạ đàm khoa học với chủ đề: *“Đảng bộ Hải Lăng với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*.

Hình thức tổ chức tọa đàm khoa học là một cách làm mới, sáng tạo của Khoa Lý luận cơ sở được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đánh giá cao về tính lan tỏa trong bảo vệ nền tảng tư tưởng theo Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị khóa XII. Tọa đàm khoa học đã có sức lan tỏa tới nhiều đối tượng và với phạm vi rộng hơn, hướng đến cơ sở. Các buổi tọa đàm được Nhà trường, khoa, phòng chuẩn bị một cách chu đáo, chỉnh chu; các bài viết tham luận được chuẩn bị kỹ lưỡng; tinh thần thực hiện hết sức nghiêm túc. Thông qua các buổi tọa đàm đã làm rõ thêm những vấn đề

lý luận và thực tiễn, khẳng định tính khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; củng cố niềm tin với Đảng, với nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng ta thực sự là một đảng đạo đức và văn minh; khoa học, cách mạng và nhân văn của giai cấp công nhân Việt Nam, của dân tộc Việt Nam. Toạ đàm khoa học góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và học viên về công tác tư tưởng trong giai đoạn hiện nay; củng cố khối đoàn kết trong Đảng bộ, góp phần tuyên truyền, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tiếp tục đấu tranh, bác bỏ những quan điểm sai trái, xuyên tạc; vững tin vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại sau hơn 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 35-NQ/TW ở Trường Chính trị Lê Duẩn, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì vẫn còn những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục chỉ đạo và thực hiện tốt trong thời gian tới. Đó là: Tổ chức toạ đàm khoa học cấp trường, cấp khoa chưa thực sự thường xuyên; chưa huy động được sự vào cuộc sâu rộng của đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên; trong các buổi toạ đàm khoa học các ý kiến tranh luận, thảo luận còn ít; kinh phí tổ chức thực hiện còn hạn hẹp.

Đổi mới nội dung và hình thức toạ đàm khoa học nhằm đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái là tính tất yếu khách quan, nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Do đó, để tiếp tục nhân rộng mô hình toạ đàm khoa học - phương thức lan toả góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Trường Chính trị Lê Duẩn trong những năm tới, Nhà trường cần tập trung những mặt sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ đảng và đảng viên về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của toạ đàm khoa học đáp ứng yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn bộ cán bộ, giảng viên của Nhà trường để thực hiện tốt các chương trình toạ đàm khoa học trong thời gian tới. Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường tập trung chỉ đạo tổ chức toạ đàm khoa học nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm, sai trái thù địch thường xuyên hơn, đi vào nề nếp, có chiều sâu.

Hai là, Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các khoa, phòng đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp, đảm bảo tính định hướng; thực hiện tốt chủ trương “Hướng về cơ sở”. Chương trình toạ đàm khoa học cần đa dạng hóa hình thức, lựa chọn đúng nội dung và luôn cập nhật những thông tin mới trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Ba là, Nhà trường tiếp tục kiện toàn và tăng cường đầu tư kinh phí nhằm động viên, khích lệ đội ngũ tham gia toạ đàm khoa học. Đảng uỷ, Ban Giám hiệu thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng hơn nữa nhằm động viên đội ngũ làm công tác khoa học nói chung và tổ chức toạ đàm khoa học nói riêng.

Có thể nói, Trường Chính trị Lê Duẩn luôn coi trọng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của Nhà trường. Tổ chức toạ đàm khoa học sẽ luôn là điểm sáng trong việc đóng góp tích cực vào việc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII, quan điểm chỉ đạo của Đảng ta trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII: “*Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch*” trong thời gian tới./.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA XÃ LÌA SAU 02 NĂM SÁP NHẬP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. Nguyễn Thị Diệu Hằng
Khoa Nhà nước và pháp luật



Khoa Nhà nước và pháp luật đi nghiên cứu thực tế tại xã Lìa, huyện Hương Hóa. Ảnh: TL.

Thực hiện nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị, xã Lìa được thành lập vào năm 2020 trên cơ sở sáp nhập 02 xã là xã A Xing và xã A Túc.

Xã Lìa là một xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với diện tích tự nhiên là 28,36 km², toàn xã có 10 thôn với 1.256 hộ, 5.585 khẩu. Trên địa bàn chủ yếu có 03 dân tộc anh em cùng sinh sống (Tà Ôi - Pa Kô, Bru - Vân Kiều, Kinh). Trong đó, chủ yếu là người dân tộc Tà Ôi - Pa Kô chiếm 73,5% dân số và có 03 tôn giáo hoạt động

(Tin Lành, Công Giáo, Phật Giáo). Đời sống Nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó thu nhập chính của người dân chủ yếu từ trồng sản nguyên liệu KM94. Xã Lìa cách trung tâm huyện Hương Hoá khoảng 31 km, giáp các xã A Dơi, xã Hương Lộc, xã Thanh và xã Xy có hệ thống giao thông đi lại khá khó khăn.

Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy và sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy xã, chính quyền và nhân dân xã Lìa đã đạt được một số kết quả về phát triển kinh tế - xã hội cụ thể như sau:

Thứ nhất, về sản xuất nông, lâm nghiệp. Xã Lìa đã tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ

cầu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp. Chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác hiệu quả kinh tế hơn với tổng diện tích gieo trồng đạt 1.102,4ha. Chăn nuôi phát triển ổn định với tổng đàn gia súc là 8.971 con. Xã Lìa đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn hướng dẫn người dân tập trung sản xuất và kịp thời thu hoạch các loại nông sản trên địa bàn để tránh bão lụt. Đồng thời tiến hành rà soát và thống kê các thiệt hại do thiên tai gây ra theo các công văn chỉ đạo của Phòng Nông nghiệp huyện. Ngoài ra, xã đã cấp phát đầy đủ cho Nhân dân các loại cây giống (giống lúa, giống cao su) và hoá chất để tiến hành khôi phục đất bị bồi lấp.

Bên cạnh đó, phong trào triển khai về trồng rừng trên địa bàn xã được người dân hưởng ứng, trung bình 02 hộ thì có 01 hộ tham gia trồng rừng. Công tác quản lý bảo vệ rừng được xã hết sức chú trọng. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện tốt, do đó trong năm không có cháy rừng xảy ra. Tích cực phối hợp với Ban Chỉ đạo 886 của huyện tăng cường kiểm tra, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng theo kế hoạch.

Thứ hai, về công tác xoá đói giảm nghèo.

Toàn xã có 556 hộ nghèo với 2.929 nhân khẩu; có 230 hộ cận nghèo với 1.217 nhân khẩu. Xã Lìa đã tiếp nhận và cấp phát 60.840kg gạo giấp hạt cho 4.056 nhân khẩu thuộc đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tiến hành hỗ trợ xây dựng 10 ngôi nhà cho những gia đình thuộc hộ nghèo (Trong đó có 07 ngôi nhà, mỗi nhà trị giá 45 triệu đồng được các nhà hảo tâm giúp đỡ và 03 ngôi nhà, mỗi nhà trị giá 50 triệu đồng do Cộng đồng DCI Việt Nam - Quỹ Năng Đoạn Kim Cương tài trợ).

Thực hiện Kế hoạch số 474/KH-UBND ngày 13/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện,

hiện nay Ủy ban nhân dân xã Lìa đang tổ chức thực hiện tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

Thứ ba, về giáo dục và đào tạo.

Chất lượng dạy và học có nhiều chuyển biến tích cực, nền nếp kỷ cương dạy và học luôn được giữ vững, học sinh tự giác trong học tập và rèn luyện ngày càng tốt hơn. Đối với giáo dục mầm non, tỷ lệ trẻ huy động đến trường đạt 37% đối với nhà trẻ, 96,4% đối với trẻ mẫu giáo, 100% đối với trẻ 5 tuổi. Đối với giáo dục tiểu học, tỷ lệ huy động đến trường đạt 99,8%. Đối với giáo dục phổ thông, tỷ lệ huy động học sinh đến trường đạt 95,5%.

Các Trường trên địa bàn xã Lìa đã hoàn thành chương trình và tổ chức tổng kết năm học 2020 - 2021 đúng theo quy định. Đồng thời các trường đã tiến hành thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh trường lớp, tu sửa cơ sở vật chất chuẩn bị cho năm học 2021-2022.

Thứ tư, về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Sau khi thực hiện sáp nhập, xã Lìa đạt 09/19 tiêu chí (tiêu chí về quy hoạch; thủy lợi; điện; bu điện; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; y tế; văn hóa; hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh; an ninh trật tự). Trong năm 2021, xã Lìa đăng ký phấn đấu đạt chuẩn tiêu chí về giao thông.

Thứ năm, về công tác giải quyết chế độ chính sách xã hội và bảo vệ trẻ em.

Hiện nay, toàn xã có 51 đối tượng là thương binh, 114 đối tượng là bệnh binh, 56 đối tượng là người có công giúp đỡ cách mạng và đối tượng hưởng bảo trợ xã hội là 296 đối tượng.

Thời gian qua, xã Lìa đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống

vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Xã luôn quan tâm thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người có công với cách mạng, quan tâm giải quyết kịp thời chế độ, chính sách của người có công và thân nhân người có công với cách mạng. Đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công tại địa phương.

Xã Lìa đã và đang thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới, trên địa bàn xã không xảy ra các vụ việc về bạo lực ở trẻ em. Xã tiến hành triển khai thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025. Với sự hỗ trợ của Dự án Plan, xã đã tổ chức các hoạt động với đảm bảo phòng dịch Covid-19 cho trẻ em nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi (01/6). Ngoài ra, xã đã tiến hành chi trả trợ cấp cho các đối tượng là trẻ em dưới 3 tuổi thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ khuyết tật theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xã Lìa vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định về phát triển kinh tế - xã hội. Hạ tầng cơ sở còn yếu, giao thông đi lại khá khó khăn. Hiện nay, toàn xã có 24 điểm mua bán hàng tạp hóa tổng hợp, 02 chuyên xe khách cố định chạy qua địa bàn xã, 01 điểm phục vụ bưu chính viễn thông nhưng chưa đạt chuẩn. Đây là một trong những khó khăn ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã Lìa.

Tỷ lệ hộ nghèo đói ở xã Lìa còn khá cao. Xã có 786 hộ, với 4.056 khẩu có nhu cầu hỗ trợ gạo thiếu đói. Có 326 hộ gia đình (trong đó 233 nhà thuộc hộ nghèo, 49 nhà thuộc hộ cận nghèo, 44 nhà thuộc hộ chính sách

người có công) chưa có nhà ở hoặc có nhà ở tạm bợ, hư hỏng mà không có khả năng tự xây dựng, sửa chữa. Ngoài ra, với phong tục tập quán cũ lạc hậu, ý thức của người dân còn chậm trong việc tiếp thu và chuyển đổi phương thức sản xuất đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Lìa.

Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 đặt ra mục tiêu cụ thể: “*Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020; Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; phấn đấu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn*”.

Trên cơ sở đó, để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Lìa trong giai đoạn hiện nay, theo tôi cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường khôi đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Phải luôn duy trì và giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, sự đồng thuận của các dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn xã Lìa tạo thành sức mạnh tập thể để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hai là, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Tăng cường thu hút đầu tư, hỗ trợ xây dựng hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là giao thông để thúc đẩy sản xuất, giao thương hàng hóa, liên kết vùng giữa các địa

phương lân cận. Tập trung mở rộng các tuyến đường và liên kết với các xã tiếp giáp với xã Lìa cũng như các xã trên địa bàn huyện Hướng Hoá. Trên nền tảng hạ tầng cơ sở cơ bản góp phần cải thiện, phát triển điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh (điều kiện sống), tiếp cận thông tin. Đây là cơ sở để xã Lìa thực hiện tốt các mục tiêu giảm nghèo đa chiều trong giai đoạn 2021-2025.

Ba là, nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số. Xây dựng, đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại xã Lìa có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc tại địa phương. Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức vừa học, vừa làm theo hình thức chính quy, tại chức, tăng cường tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng thực hành công vụ, ... nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Đồng thời, chú trọng ưu tiên phát triển hệ thống giáo dục với tính liên thông giữa các bậc học đối với người dân tộc thiểu số cũng như chế độ cử tuyển phù hợp. Ngoài ra, thực hiện tốt chế độ đãi ngộ thích hợp với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn như xã Lìa.

Bốn là, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu trên địa bàn xã Lìa.

Đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại xã Lìa. Đầu tư xây dựng và nâng cấp

nhà văn hoá, sân luyện tập thể thao, trạm truyền thanh... góp phần nâng cao mức hưởng thụ đời sống văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao của Nhân dân xã Lìa. Phát huy vai trò của các già làng, người có uy tín, tấm gương điển hình trong xây dựng nông thôn mới để tuyên truyền, vận động người dân bài trừ tập tục lạc hậu để xây dựng đời sống văn minh, tiến bộ. Khai thác những lễ hội, câu chuyện dân gian, phong tục đặc trưng mang bản sắc dân tộc trên địa bàn xã Lìa góp phần phát triển du lịch văn hoá cộng đồng, đồng thời góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam.

Năm là, phát huy những tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Kêu gọi sự đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Sử dụng thế mạnh của xã Lìa về diện tích đất đai, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, nguồn lao động tại chỗ... phù hợp phát triển kinh tế trang trại, cây dược liệu, du lịch hay phát triển rừng gắn với ổn định và nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Trên cơ sở xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới, đặc biệt là lòng ghép trong việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sẽ góp phần từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống, tạo dựng diện mạo mới khang trang, hiện đại trên địa bàn xã Lìa trong giai đoạn hiện nay./.

Trường Chính trị Lê Duẩn bảo vệ đề cương đề tài khoa học cấp tỉnh: Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các xã, thị trấn biên giới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Ngày 24/5/2022, Trường Chính trị Lê Duẩn bảo vệ đề cương đề tài khoa học cấp tỉnh: “Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các xã, thị trấn biên giới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Hội đồng tư vấn do ông Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì đã tiến hành thẩm định thuyết minh đề tài KH&CN cấp tỉnh.

Tại Hội đồng, TS. Dương Hương Sơn đã trình bày các nội dung và sản phẩm dự kiến đạt được. Đề tài sẽ tiến hành nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các xã, thị trấn biên giới tỉnh Quảng Trị.

Đề tài hướng đến mục tiêu làm rõ cơ sở lý luận về phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng ở khu vực biên giới. Phân tích, đánh giá thực trạng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các xã, thị trấn biên giới tỉnh Quảng Trị. Đề xuất những quan điểm cơ bản, giải pháp chủ yếu và các chính sách đối với người dân thuộc các xã, thị trấn biên giới nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các xã, thị trấn biên giới tỉnh Quảng Trị.

Sau khi nghe chủ nhiệm đề tài báo cáo, các thành viên Hội đồng đã góp ý và đề nghị Chủ nhiệm, đơn vị chủ trì thực hiện bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện các nội dung của bản Thuyết minh đề tài theo những góp ý của các thành viên. Hội đồng nhất thống nhất việc triển khai thực hiện đề tài./.

Hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 115 năm ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn

Chào mừng kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Tổng Bí thư Lê Duẩn (7/4/1907-7/4/2022), sáng ngày 05 tháng 4 năm 2022. Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức Hội thảo với chủ đề: “*Đồng chí Lê Duẩn - Người con ưu tú của quê hương Quảng Trị, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*”. Đây là hoạt động thể hiện tình cảm, lòng biết ơn và sự kính trọng của cán bộ, đảng viên và học viên Trường Chính trị Lê Duẩn về những đóng góp to lớn của Tổng Bí thư đối với dân tộc Việt Nam nói chung và đối với quê hương Quảng Trị nói riêng.

Tham dự Hội thảo, về phía khách mời có đồng chí Trần Xuân Anh, TUV- Bí thư Huyện ủy Triệu Phong, đồng chí Võ Thái Phong, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Dương Xuân Hiền, Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, đồng chí Trần Đình Tuấn, UVTV-Trưởng Ban Tuyên giáo huyện Triệu Phong, đồng chí Lê Việt Tường, Bí thư Đảng ủy xã Triệu Thành.

Về phía Trường Chính trị Lê Duẩn có ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng, cùng các đồng chí trong Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, tất cả các giảng viên nhà trường, cùng toàn thể học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị ĐT34.

Phóng viên Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Trị đến dự và đưa tin về buổi Hội thảo.

Báo cáo đề dẫn Hội thảo do ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng trình bày đã nêu khái quát những nội dung cơ bản về thân thế sự nghiệp, những chặng đường hoạt động và những đóng góp to lớn

của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, với quê hương Quảng Trị. Hội thảo đã nhận được 22 bài tham luận, trong đó có 7 tham luận tiêu biểu được trình bày và 03 phản biện của các tác giả đối với các vấn đề tại chương trình Hội thảo. Đó là: 1. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn với quê hương Quảng Trị; 2. Tình cảm của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn với Đảng bộ, quê hương Triệu Phong; 3. Truyền thống quê hương, gia đình với việc hình thành, bồi đắp lý tưởng cách mạng của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn; 4. Những đóng góp của đồng chí Lê Duẩn về cơ chế “cởi trói” trong lĩnh vực nông nghiệp; 5. Quan điểm của đồng chí Lê Duẩn về văn hóa, con người Việt Nam - mạch nguồn tiếp biển để phát huy những phẩm chất của con người Quảng Trị hiện nay; 6. Tìm hiểu những yếu tố tạo nên nền tảng cốt lõi trong lý luận của đồng chí Lê Duẩn về vai trò của quần chúng nhân dân, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với dân; 7. Quan điểm của Tổng Bí thư Lê Duẩn về phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vận dụng vào xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam hiện nay.

Kết luận tại Hội thảo khoa học, ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng Nhà trường đã khẳng định: Các bài tham luận và ý kiến trao đổi tại Hội thảo đã góp phần làm sáng rõ và khắc ghi sâu hơn những đóng góp của Tổng Bí thư Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Trị. Thông qua buổi Hội thảo góp phần khơi dậy lòng tự hào về quê hương, đất nước, củng cố niềm tin của chúng ta đối với Đảng, Bác Hồ, với các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho các

thế hệ hôm nay và mai sau. Đặc biệt với mỗi cán bộ, viên chức và học viên của mái trường cách mạng vinh dự được mang tên của đồng chí, ngoài tình cảm, sự tri ân và nhắc nhở còn là trọng trách để tiếp biến công lao của bao thế hệ đi trước, quyết tâm xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn vững mạnh, phát triển xứng đáng là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh Quảng Trị trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế góp phần xây dựng tỉnh nhà giàu đẹp, văn minh./.

Toạ đàm Khoa học “Đảng bộ Hải Lăng với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”

Chiều ngày 08 tháng 4 năm 2022 Khoa Lý luận cơ sở đã phối hợp Ban Tuyên giáo Huyện Hải Lăng tổ chức Toạ đàm khoa học: “Đảng bộ Hải Lăng với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

Tham dự Toạ đàm, về phía khách mời có đồng chí Phạm Ngọc Ánh - UVTV-Trưởng Ban Tuyên giáo huyện Hải Lăng, Giám đốc Trung tâm Chính trị Hải Lăng. Về phía Trường Chính trị Lê Duẩn có ThS. Ngô Thị Thu Hà, Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng, toàn bộ giảng viên khoa Lý luận cơ sở, cùng toàn thể học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị huyện Hải Lăng. Phóng viên Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Trị đến dự và đưa tin.

Toạ đàm đã nêu khái quát những nội dung cơ bản về vị trí, vai trò, sự cần thiết của Nghị quyết số 35-NQ/TW về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình

hình mới” trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận tại Toạ đàm khoa học, ThS. Trần Hoàng, Trưởng khoa Lý luận cơ sở đã khẳng định: Những ý kiến rất có giá trị khoa học giúp cho mỗi một giảng viên, học viên có thêm những nhận thức đúng đắn để tiếp tục thực hiện Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị; kết hợp giảng dạy - học tập lý luận chính trị với nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình hiện nay. Đây là diễn đàn khoa học để chúng ta cùng trao đổi, làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn, khẳng định tính khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; củng cố niềm tin với Đảng, với nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng ta thực sự là một đảng đạo đức và văn minh; khoa học, cách mạng và nhân văn của giai cấp công nhân Việt Nam, của dân tộc Việt Nam./.

Hội nghị trực tuyến Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đảng Nhân dân cách mạng Lào của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sáng 14/4/2022, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị trực tuyến Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đảng Nhân dân cách mạng Lào của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. PGS.TS Dương Trung Ý, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị.

Tại điểm cầu Trường Chính trị Lê Duẩn, về phía lãnh đạo tỉnh có đồng chí Phan Văn Phụng, UVTVTU, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, đồng chí Lê Vĩnh Huệ, Trưởng phòng Đào tạo, chính sách cán bộ và tổng hợp, Ban Tổ

chức Tỉnh ủy. Về phía Nhà trường có đồng chí Ngô Thị Thu Hà, Phó Hiệu trưởng, lãnh đạo các khoa, phòng và toàn thể giảng viên nhà trường.

Hội nghị nhằm tiên hành đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, tồn tại sau 15 năm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho Đảng Nhân dân cách mạng Lào của các trường chính trị cấp tỉnh. Trên cơ sở đó xác định các nhiệm vụ, phương hướng, giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Lào trong thời gian tới. Từ năm 2008 đến nay, các trường đã tổ chức được 35 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 1205 học viên Lào, trong đó có 27 lớp Trung cấp LLCT với 807 học viên, 8 lớp bồi dưỡng với 388 học viên. Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị có quy mô đào tạo lớn nhất, đã và đang mở 11 lớp Trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ hai tỉnh Salavan và Savannakhet.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đảng Nhân dân cách mạng Lào của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương góp phần quan trọng củng cố lập trường, quan điểm chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ công tác cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở của nước bạn Lào, đồng thời góp phần củng cố, thắt chặt mối quan hệ, tình hữu nghị, đoàn kết giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào.

Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp tỉnh năm 2022

Thực hiện Hướng dẫn số 23-HD/BTGTW, ngày 30/8/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương, Công văn số 666-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về việc “Tổ chức Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi năm 2022”, từ ngày 01- 03/6/2022 Trường Chính trị Lê Duẩn đã phối hợp với Ban Tuyên giáo

Tỉnh ủy, tổ chức thành công Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp tỉnh năm 2022. Tham dự Hội thi có 12 thí sinh là giảng viên chuyên trách, giảng viên kiêm chức của các trung tâm chính trị các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tham gia. Thí sinh trải qua 3 phần thi gồm thi giáo án, thi giảng và trả lời câu hỏi phụ.

Đến dự Lễ khai mạc và Bế mạc Hội thi, về phía khách mời có đồng chí Hồ Đại Nam, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo tỉnh, lãnh đạo các huyện, thị, thành ủy, lãnh đạo các trung tâm chính trị trên địa bàn tỉnh, phóng viên Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh truyền hình Quảng Trị đến tham dự và đưa tin.

Về phía Trường Chính trị Lê Duẩn có ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng, kiêm Trưởng Ban Tổ chức Hội thi, các đồng chí trong Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, các tổ chuyên môn, giúp việc và toàn thể các giảng viên của Nhà trường.

Sau hai ngày làm việc tích cực, khẩn trương, Hội thi đã thực hiện đúng Quy chế và kế hoạch do Ban Tổ chức Hội thi đề ra. Các thành viên Hội đồng giám khảo đã làm việc khẩn trương, tích cực với tinh thần trách nhiệm, chuyên môn cao; công tác chấm giáo án, chấm giảng bài trên lớp bảo đảm khách quan, trung thực. Kết quả, Ban Tổ chức, Ban Giám khảo Hội thi đã công nhận 6/12 thí sinh đạt danh hiệu Giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp tỉnh, Ban Tổ chức cũng đã trao 01 giải Nhất, 02 giải nhì; 03 giải ba và 04 giải khuyến khích.

Hội thảo khoa học “Vận dụng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu ở Trường Chính trị Lê Duẩn”

Sáng ngày 15 tháng 06 năm 2022, Trường Chính trị Lê Duẩn tổ chức Hội thảo

khoa học với chủ đề: “Vận dụng những điểm mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu ở Trường Chính trị Lê Duẩn”. Đây là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống một cách thiết thực và hiệu quả. ThS. Ngô Thị Thu Hà, Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng và ThS. Hoàng Tiến Dũng, Trưởng khoa Xây dựng Đảng đồng chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo còn có các đồng chí trong Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, tất cả các giảng viên nhà trường, cùng toàn thể học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị ĐT34. Phóng viên Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Trị đến dự và đưa tin về buổi Hội thảo.

Hội thảo đã làm rõ những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và vai trò quan trọng của trường chính trị trong việc vận dụng những điểm mới vào giảng dạy và nghiên cứu ở Trường Chính trị Lê Duẩn.

Kết luận tại Hội thảo, ThS. Hoàng Tiến Dũng, Trưởng khoa Xây dựng Đảng đã khẳng định: Các tham luận và các ý kiến phát biểu đã tập trung làm rõ những điểm mới quan trọng trên các lĩnh vực của Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và việc vận dụng vào giảng dạy, nghiên cứu các môn học trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị ở Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị. Đồng thời, qua đó giảng viên, học viên cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào thực tế công việc ở cơ quan đơn vị góp phần quan trọng đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.



*Trường Chính trị Lê Duẩn bảo vệ đề cương đề tài khoa học cấp tỉnh:
Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các xã,
thị trấn biên giới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ảnh: TL*



*Hội thảo khoa học “Vận dụng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng
vào giảng dạy, nghiên cứu ở Trường Chính trị Lê Duẩn”. Ảnh: TL*



Đoàn thực tế Lớp Trung cấp LLCT Lào khóa XI chụp ảnh lưu niệm tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Ảnh: TL.



Giao hữu bóng chuyền kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Lào (5/9/1962-5/9/2022). Ảnh: TL.